

Minh tác giả

chuyện

THỜI

BAO GẤP

Truyện ngắn và truyện dài

CHUYỆN THỜI BAO CẤP - I

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

VẬT LỘN GIAN KHỔ ĐỂ CHIẾN THẮNG CƠ CHẾ BAO CẤP
TIÊU CHUẨN BỘ TRƯỞNG KHÔNG DỪNG HẾT

NỖI ÁM ẢNH

MÀU THỜI GIAN XÁM NGẮT

BA MƯƠI MỘT NĂM GẮN BÓ CÙNG MÁY CHIẾU PHIM
KÝ ỨC THỜI “SỎ GẠO”

“VÒNG KIM CÔ”

TRƯỚC KHI CHỢ TRỜI BỊ ĐÁNH SẬP

“ĐẸP TRAI ĐI BỘ KHÔNG BẰNG MẶT RỖ ĐI LỜ”

XUẤT DƯƠNG GIÚP NƯỚC, CỨU NHÀ

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

NHỮNG NGÀY KHÔN KHỔ

KHÔNG GÌ LO BẰNG MẤT SỎ GẠO

TƯ CÁCH HÒN ĐÁ

THỜI BAO CẤP VỚI THẺ HỆ 8X

THỜI RỪNG RỪNG NƯỚC MẮT

THỜI BỊ TRẮNG

NHỮNG NGHỀ SÁNG GIÁ THỜI BAO CẤP

MẸ TÔI KÉN RẼ

VINH QUY DU HỌC

HIỆN HỮU CỦA THỜI BAO CẤP

TÔI "TRẮNG ÁN"

NỖI NIỀM CỦA TÔI

ĐỘT PHÁ

CÔNG PHÁ “LŨY TRE”

CHUYỆN CÔ GIÁO TÔI

CHIẾC ÁO CỎ CHẾ MỚI

TƯỞNG NHƯ XA XÔI LẮM

TỪ CHẠY GẠO ĐẾN PHÁ CỎ CHẾ GIÁ

BÙ GIÁ VÀO LƯƠNG

MỘT ĐỀ ÁN KHÔNG THỂ BỎ DỎ

ÔN CỐ, TRI TÂN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đánh giá về những thành tựu 20 năm đổi mới, trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp Hành Trung Ương tại Đại hội X của Đảng có nêu rõ: “Hai mươi năm qua... công cuộc đổi mới của nước ta đã đạt được những thành tích to lớn và có ý nghĩa lịch sử”.

Để giúp độc giả thấy được rõ hơn những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã đạt được trong hơn 20 năm qua, Nhà xuất bản Thông Tấn biên soạn và ấn hành cuốn sách với tựa đề: “Chuyện thời bao cấp”.

Cuốn sách là tập hợp các bài viết của một số tác giả kể lại những câu chuyện chân thực về những khó khăn, thiếu thốn, tình trạng khan hiếm hàng hoá, lương thực, thực phẩm cùng các nhu yếu phẩm thiết yếu của đời sống con người và những tư duy, suy nghĩ, mong ước rất giản dị của mọi người thời kỳ trước Đổi mới (1986), khi mà đất nước ta còn duy trì cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Thời kỳ đó mọi nhu yếu phẩm cần thiết đều phải phân phối theo chế độ tem phiếu và chúng ta vẫn gọi là “thời bao cấp”.

Trải qua thời kỳ khó khăn như vậy, nhưng nhân dân ta vẫn vượt qua. Chúng ta đã trấn trở, tìm tòi được con đường đi phù hợp với quy luật phát triển chung của thời đại và thực tiễn của Việt Nam. Nhờ đó, đất nước ta đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện như hôm nay, đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Những kết quả, thành tựu đó đã khẳng định đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo là đúng đắn.

Xuất bản cuốn sách, chúng tôi mong muốn giúp bạn đọc, nhất là thế hệ sinh ra và lớn lên sau khi đất nước thực hiện đường lối đổi mới, hiểu thêm được chặng đường gian nan mà thế hệ cha anh đã phải trải qua, thêm quý trọng và tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, để phấn đấu lao động, học tập, rèn luyện đức tài, góp phần dựng xây đất nước mạnh giàu, xứng đáng với thế hệ đi trước.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

VẬT LỘN GIAN KHỔ ĐỂ CHIẾN THẮNG CƠ CHẾ BAO CẤP

Vài trăm trang sách chỉ có thể phác họa trong chừng mực nào đó bề mặt những khó khăn của một thời bao cấp. Những bài viết, những câu chuyện chưa kể hết nổi cơ cực, gian truân đè nặng lên toàn xã hội trong những năm tháng đó. Nhưng dường như có ai đó muốn phơi bày một định kiến rằng có một lớp người được ưu đãi bởi chế độ A1, A, B, C đã bảo vệ và duy trì cơ chế bao cấp trong một thời gian quá dài.

Người viết bài này cũng có những năm tháng được tiêu chuẩn C, rồi B và cả tiêu chuẩn A, dẫu chưa phải là A1, cũng có thể xếp vào tầng lớp được ưu đãi trong thời bao cấp. Nhưng cũng nhờ vậy mà biết một phần nào căn nguyên của chế độ bao cấp, hơn nữa lại được theo dõi cuộc đấu tranh gian khổ của chính những người được hưởng chế độ A1 đẩy lui từng bước, tiến tới chiến thắng tư duy và cơ chế bao cấp.

Trước hết phải thừa nhận rằng chế độ bao cấp bắt nguồn từ một ý tưởng cao đẹp mong cho tất cả mọi người đều có cơm ăn áo mặc, được học hành và được chăm lo sức khỏe. Người ta mang hoài bão bằng một lực lượng vật chất nghèo nàn vừa có thể tập trung công sức để xây dựng và bảo vệ đất nước, vừa dần dần cải thiện đời sống cho nhân dân. Chế độ bao cấp được hình thành từ ý tưởng cao đẹp đó và nó đã phát huy tác dụng, thực sự thành công trong thời kỳ chúng ta tập trung sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống ngoại xâm để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Đất nước thống nhất, kẻ thù bị đánh bại, cũng với ý tưởng cao đẹp đó người ta lại nuôi hy vọng trong một thời gian không quá dài thực hiện kế hoạch khôi phục kinh tế, xây dựng một đất nước độc lập, giàu mạnh, nhân dân được tự do, hạnh phúc. Ước vọng đó càng được nuôi dưỡng bởi hào quang chiến thắng, khí thế dõng dạc, lấp lánh của những ngày sau mùa xuân năm 1975 và cả năm 1976 tươi đẹp.

Thực tế phũ phàng, 2 tỷ đôla được viện trợ mỗi năm không còn, dự trữ nhà nước không đủ nuôi sống đất nước vài tuần, nhiều năm liền mất mùa liên tiếp. Suốt những năm chiến tranh, hai miền Nam Bắc nhận không dưới một triệu tấn lương thực viện trợ mỗi năm nay không còn. Và 30 năm chiến tranh giải phóng vừa kết thúc thì cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước ở hai đầu biên giới không dưới 10 năm, lại bắt đầu. Khó khăn chồng chất!

Nhớ mãi những dòng chứa chan tình người của một đồng nghiệp nữ nước ngoài trong một bài viết về Việt Nam năm 1979: “Người Việt Nam thiếu cả gạo và bột mì đang phải siết chặt thắt lưng, ép cái dạ dày lép kẹp của mình để đem những tấn gạo cuối cùng giúp nhân dân nước láng giềng vượt qua nạn diệt chủng”.

Giữa tháng 4/1978, anh Nguyễn Duy Trinh phải thay mặt Ban Bí thư điện yêu cầu các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc nỗ lực cung ứng lương thực cho Hà Nội, sao sớm có được một nửa khẩu phần gạo hoặc tối thiểu được khoảng 40% gạo trong khẩu phần lương thực. Điện nói rõ tháng 3/1978, Thủ đô chỉ được 30% gạo trong khẩu phần lương thực và sang tháng 4/1978 dân Hà Nội sẽ không còn được như tháng 3, trong khi các thực phẩm thông thường như rau, đậu phụ, mỡ, cá cũng không đủ để bán theo tem phiếu.

Nhớ lại thời kỳ đó, tình hình thành phố Hồ Chí Minh cũng không hơn bao nhiêu. Nhiều anh em thúc giục tôi bay ra Hà Nội phản ánh tình hình với các đồng chí lãnh đạo cao cấp. Ra Hà Nội lại càng thấy khó, nói gì nữa và nói với ai. Anh Đồng Ngọc biết chuyện, gọi lên gặp anh Ba. Không ít lần tôi báo cáo thông tin với đồng chí Tổng Bí thư, nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên tôi thấy anh Ba ngồi yên, nghe mà như không nghe, không hỏi lại mà cũng không ngắt lời. Cảm thấy không nên nói thêm, tôi rút lại: Ra Hà Nội thấy tình hình cũng không dễ dàng và chắc chắn Trung ương đã có đầy đủ thông tin, tôi chỉ muốn được nghe ý kiến của anh. Anh Ba đứng dậy. Anh nói nhẹ nhàng mà tôi chưa bao giờ thấy: “Thế anh bảo Trung ương phải làm gì đây, tôi phải làm gì đây! Các đồng chí lãnh đạo có trách nhiệm bên Đảng và bên Chính phủ đều có mặt tại chỗ. Khó khăn thì phải tìm cách tháo gỡ, ngồi mà kêu cực, trông chờ ai cứu mình”. Anh trở lại cách nói thường ngày, cao giọng và nhanh, phân tích gọn tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, tình hình một bộ phận cán bộ quan liêu, biến chất, tiêu cực, những nhiễu loạn gây phiền hà cho dân. Rồi anh bảo tôi: Trở lại ngay trong đó, trách nhiệm của anh là phải nắm thông tin tình hình biên giới Tây Nam. Còn các vấn đề lương thực, đời sống ta sẽ có cách tháo gỡ dần. Nhưng nhớ nhé, chừng nào chưa có 21 triệu tấn gạo, 1 triệu tấn thủy sản và nửa triệu hecta cao su, chưa có 500 triệu rúp - đôla xuất khẩu thì chừng đó còn chưa yên.

Như vậy đó, tình hình những năm 1977-1978 đè nặng tâm trí của lớp người thuộc tiêu chuẩn A1. Dầu họ chưa quá già yếu, mỗi bữa cũng chỉ ăn nồi lưng chén cơm hoặc một tô cháo. Mãi nhiều năm sau này tôi vẫn chịu ám ảnh bởi các con số 21 triệu tấn gạo, 1 triệu tấn thủy sản và 500 triệu rúp - đôla xuất khẩu, những ước mơ thật quá nhỏ bé của lãnh đạo Đảng và Nhà nước thời đó.

Trở lại miền Nam, theo anh Năm Trường Chinh đi tới các điểm “vượt rào”, người ta thấy nhà lãnh đạo vốn được coi là nhà lý luận có tính nguyên tắc cao, nghiêm túc và chặt chẽ lại lắng nghe với thái độ đồng tình, khuyến khích. Anh Năm trực tiếp xem và nghe một “chuyên gia thử gạo”, bằng mắt và tay mà xác định chính xác chất lượng gạo. Anh hoàn toàn tán thành đề xuất trả mức lương cao gấp mấy chục lần so với mức mà đơn vị đang trả cho chuyên gia đó.

Tại 155 Hiền Vương mà nay là 155 Võ Thị Sáu diễn ra một cuộc Hội thảo về “Bù giá vào lương” do anh Chín Cần thuyết trình (được anh Năm Trường Chinh bật đèn xanh). Anh Tố Hữu còn phải dặn: “Không được làm rầm rộ, mà nhớ chưa viết, chưa nói công khai khi tập thể Bộ Chính trị và Trung ương chưa có quyết định chính thức”.

Rõ ràng là từ nhu cầu của đời sống xã hội, lợi ích thiết thực của nhân dân cả ở nông thôn và thành phố, mới có tình hình nông nghiệp miền Bắc “làm chui”, thành thị miền Nam “vượt rào”. Nhưng mỗi điểm “làm chui” và “vượt rào” đều có đèn xanh của những A1, vì vậy mới có Khoản 100, Khoản 10 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

Tháng 8/1979, giữa lúc đang phải tập trung lực lượng giúp bạn Campuchia, Trung ương khóa IV mở Hội nghị lần thứ 6. Tuy nội dung Hội nghị chỉ bàn về tình hình và nhiệm vụ, phương hướng phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, nhưng Trung ương đã thẳng thắn phê phán việc xây dựng kế hoạch không xuất phát từ thực tiễn, còn tập trung quan liêu, chưa kết hợp được kế hoạch với thị trường, chính sách cụ thể thì gò bó, cứng nhắc không khuyến khích sản xuất phát triển, quản lý nặng về hành chính, quan liêu, bao cấp, không đảm bảo quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, không chú ý vận dụng các quy luật kinh tế!

Từ đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) quyết định đổi mới công tác kế hoạch hóa, xóa bỏ những chính sách, quy định bất hợp lý, mở rộng quyền chủ động của các ngành, địa phương và cơ sở

(cả quốc doanh, tập thể và cá thể), trong sản xuất, kinh doanh nhằm làm cho sản xuất "bung ra" để có thêm nhiều hàng hóa cho xã hội. Như vậy là từ năm 1979, Đảng ta đã có quyết định đầu tiên về đổi mới, đã phê phán cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp và cho phép "bung ra" trong sản xuất, kinh doanh

Thời điểm đó, chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ càng siết chặt, những định chế của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) ngày càng chặt chẽ, điều đó có nghĩa là sự hỗ trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa anh em không còn như trước. Và cũng năm 1979, Bộ Chính trị đã phải có không ít quyết định về tăng cường lực lượng vũ trang, lập Quân khu thủ đô, thành lập thêm Quân đoàn 5 ở Quân khu I, Quân đoàn 8 ở Quân khu II, quân sự hóa cảng Hải Phòng...

Tuy nhiên, tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã tạo không khí cởi mở giảm bớt được một số khó khăn cho các cấp, các ngành và cơ sở.

Nhân nói vì sao tại Hội nghị toàn ngành ở Đà Nẵng năm 1983, lãnh đạo TTXVN khẳng định về cơ bản đã thực hiện hạch toán kinh tế toàn phần và tạo tiền đề cho phương án xây dựng hãng thông tấn báo chí phi chính phủ bên cạnh hãng thông tấn thông tin nhà nước. Tái hiện "hai trong một", trong thời kỳ chiến tranh (VNTTX và TTXGP là "hai trong một"). Dự án xây dựng thêm hãng thông tấn báo chí đối ngoại phi chính phủ để lại có "hai trong một" (VNA và Vinapress) trong thời bình.

Bước phát triển mới của TTXVN từ cuối những năm 1978-1979 cũng thoát thai từ sự "vượt rào", từ "bung ra" theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, từ sự ủng hộ chính thức (và không chính thức) của nhiều đồng chí A1. TTXVN đã được phép thành lập nhiều doanh nghiệp: ảnh, in, giấy, sản xuất, sửa chữa, nâng cấp thiết bị thông tin và cả một công ty tổng hợp bao gồm tất cả các ban biên tập, các tờ báo. TTXVN cũng có lực lượng đi làm lúa ở Cà Mau, trồng màu ở Gia Lâm theo phong trào chung. Nhưng cái mà cán bộ, công nhân viên của TTXVN tập trung làm là tạo ra những nguồn thu nhập từ ảnh, từ tin, báo, kể cả báo ảnh. Họ chỉ sản xuất được giấy pơ-luya nhưng nộp giấy pơ-luya cho Ủy ban kế hoạch nhà nước để đổi lấy giấy in báo trong kế hoạch. Nếu được bật đèn xanh thì cuối những năm 1980, họ đã có cơ sở sản xuất giấy láng cao cấp.

Lấy TTXVN làm ví dụ để chứng minh rằng: Khi Đảng có cơ chế dù là mới hé mở, các cơ sở đã có thể năng động vươn lên tự cứu lấy mình. Ngay trên địa bàn của một tỉnh như Long An, sau khi thực hiện bù giá vào lương, tỉnh đã làm thử việc tính giá thành đầy đủ trong một số xí nghiệp quốc doanh, đạt kết quả vững chắc, sản xuất được vững mạnh, đời sống công nhân ổn định, nhân dân lao động thực sự làm chủ sản xuất và phân phối. Nhà nước nắm được hàng, tiền, quản lý thị trường, hạn chế biến động xấu về giá cả. Nhiều địa phương cũng áp dụng cách làm đó của Long An.

Trên tầm vĩ mô, đầu đã có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (1979) và một số chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, nhưng những năm tiếp sau cho đến Đại hội V năm 1982 và những hội nghị Trung ương khóa V, vẫn chưa tạo ra được chuyển biến cơ bản trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Lý do khách quan rất lớn: Dự trữ ngoại hối cạn kiệt, nguồn viện trợ không hoàn lại còn chút ít không đáng kể, nợ đến hạn không trả nổi, dân số lại tăng nhanh, hậu quả chiến tranh còn đè nặng, nhu cầu quốc phòng, an ninh không giảm, bao vây cấm vận siết chặt. Đầu một số công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi bước đầu có đóng góp cho nền kinh tế và mức tăng lương thực, thực phẩm có vượt lên chút ít nhưng vẫn chưa đủ để tự trang trải cho mức sống thấp, nói gì đến tích lũy. Liên 6 năm, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp bị phê phán ở mọi hội nghị nhưng vẫn chưa thể xóa bỏ ngay được. Bởi lẽ

tập trung quan liêu, bao cấp là cái dễ nhận biết. Nhưng căn nguyên của nó là điều rất khó thống nhất nhận định, từ đó những biện pháp tháo gỡ khó đạt tới hiệu quả, thậm chí có những biện pháp tháo gỡ thiếu chuẩn xác lại dẫn đến những tác hại khôn lường. Điển hình là việc thực hiện chính sách thay đổi về giá, lương, tiền đã làm đảo lộn sản xuất và đời sống của toàn xã hội vào nửa cuối năm 1985. Nhớ lại, tháng 6/1985, trong phát biểu của mình về phương án giá, lương, tiền trình Hội nghị Trung ương lần thứ 8, đồng chí Trường Chinh đã thẳng thắn phê bình về cách tính giá đó. Đồng chí cho rằng toàn bộ các phép tính nêu trong phương án đều trở nên thừa, thậm chí trở nên vô nghĩa, chẳng khác nào đặt câu hỏi “Hãy tính giá mua thóc biết rằng giá đó là 10 đồng/kg”. Đồng chí cho rằng định giá 10 đồng/kg thóc là do ta nặn ra ngay từ đầu chứ không phải là kết quả tính toán dựa trên thực tế. Định sẵn 10 đồng trong khi giá mua thóc bình quân ở đồng bằng Bắc bộ là 22 đến 25 đồng/kg, miền Trung 18-22 đồng, đồng bằng sông Cửu Long là 14-16 đồng. Nếu định giá 10 đồng thì tự nhiên lại hình thành chính sách hai giá.

Lẽ ra phải tổng kết việc bù giá vào lương trước khi ban hành chính sách mới về giá, lương, tiền theo đề nghị của đồng chí Trường Chinh, chúng ta lại nôn nóng chủ quan thực hiện các bước đi không đồng bộ về giá, lương, tiền, đẩy cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước tới mức báo động đỏ.

Nền kinh tế đứng bên lề của sự sụp đổ, buộc chúng ta phải truy tìm căn nguyên của những sai lầm, của bệnh duy ý chí, buộc chúng ta phải có tư duy lý luận mới về những bước đi đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Trước những thử thách sống còn của đất nước, các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước đã phải trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, với phương pháp cách mạng sáng tạo và độc đáo của Người. Tư duy mới về lý luận soi sáng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã dẫn tới tư duy kinh tế mới được phản ánh sâu sắc trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VI của Đảng, năm 1986. Chính sách đổi mới toàn diện được mở đầu từ Đại hội VI mới thực sự xóa bỏ từ gốc cơ chế quan liêu, bao cấp. Nhưng cũng phải trải qua hai kỳ đại hội, với sự nỗ lực to lớn của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta từng bước hoàn thiện đường lối đổi mới và cho đến năm 1996, những đường nét cơ bản của cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được hình thành tương đối rõ nét, cùng những thành tựu đạt được, chúng ta mới khẳng định: đất nước về cơ bản đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đã 21 năm trôi qua kể từ Đại hội VI. Hiện nay chúng ta đang thực hiện Nghị quyết Đại hội X. Mong bạn đọc cùng chia sẻ một khái niệm “bao cấp xã hội” toàn diện và rộng rãi. Một nhà nước, nhất là nhà nước của dân, do dân và vì dân thì không thể và không bao giờ quên trách nhiệm “bao cấp xã hội” (trợ cấp xã hội). Khi trước mắt ta còn tới năm, bảy triệu người khuyết tật trên mình còn mang nặng hậu quả chiến tranh và không dưới 20 triệu nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn còn đang sống dưới mức nghèo khổ và bao người ốm đau, bệnh tật không đủ tiền lo chữa bệnh, đành rằng có thể từng bước xã hội hóa từng phần nhưng trách nhiệm của Nhà nước đối với những đối tượng nói trên là rất lớn.

Đỗ Phụng

Nguyên Ủy viên TW Đảng,

Nguyên Tổng Giám đốc TTXVN

TIÊU CHUẨN BỘ TRƯỞNG KHÔNG DÙNG HẾT

TS Nguyễn Văn Huy tiết lộ: tiền lương của cả nhà ông từng không đủ để mua hết tiêu chuẩn thực phẩm Bộ trưởng của người cha quá cố.

Ông Nguyễn Văn Huy - Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học, nói:

“Đầu những năm 80 của thế kỷ trước, gia đình tôi cũng như những gia đình khác sống ở Hà Nội phải vô cùng chật vật với cuộc sống. Bố tôi là Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ông mất ngay sau khi đất nước được thống nhất. Nhưng mẹ tôi vẫn được hưởng chế độ cung cấp như khi bố tôi còn sống. Đại gia đình chúng tôi - mẹ tôi và bốn gia đình anh chị em chúng tôi, cùng chung sống dưới một mái nhà, góp tiền lương, ăn chung một nồi.”

Tất cả chúng tôi đều là những cán bộ trung cấp ([tiền sỹ, giáo sư, phó viện trưởng hoặc tương đương...](#)) nhưng tiền lương của chúng tôi không đủ để mua hết tiêu chuẩn thực phẩm vốn đã ít ỏi cấp cho một Bộ trưởng.

Lương còn phải dành chi dùng cho nhiều công việc học hành, ăn mặc khác của con cái. Tháng nào cũng thừa phiếu, nhưng tuyệt đối chúng tôi không tiếp tay cho “con phe”, tức không bán lại phiếu hay mua thực phẩm từ cửa hàng cung cấp Tôn Đản hay Hữu Nghị ra để bán lại, kiếm vài đồng chênh lệch.

Nuôi lợn, nuôi gà, nuôi chim cút, trồng nấm rơm, nuôi ốc bươu vàng, gia công mũ cối... Có lần bán được con lợn 98 kg, từ già đến trẻ đều mừng. Nhưng chỉ dám để lại ít lòng còn bán tất cả. Tối tối chúng tôi ngồi rang lạc, đếm từng hạt cho vào túi nylon và ép dán lại để sáng hôm sau đưa đi bỏ mỗi cùng với vài khay nước đá từ tủ lạnh Saratov của gia đình cho các cửa hàng bán nước quen biết. Nhiều lần tôi khóc khi nhìn mẹ tôi vừa cặm cùi đếm từng hạt lạc vừa chuyện trò một cách vui vẻ với các chị và các cháu tôi. Chị tôi bị tai nạn ô tô khá nặng nhưng vẫn phải chung sống với đàn chim cút hôi hám mà không dám bỏ đi, vì đó là một nguồn sống quan trọng.

Cũng vào thời gian này, hai con tôi còn nhỏ. Vợ tôi có công ăn việc làm ổn định nhưng vẫn phải đi xuất khẩu lao động ở Liên Xô để “gửi sữa về cho con”. Các bạn người Nga của tôi ở Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô thời đó không thể hiểu được vì sao vợ của một Phó Viện trưởng lại phải đi xuất khẩu lao động.

Ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống sau khi đổi mới, ông chiêm nghiệm: “Đó là sự khác biệt một trời một vực”.

Thời đó, họ ước mơ gì? Một chiếc xe đạp Thống nhất. Một cái quạt tai voi. Một đôi dép nhựa Tiền phong. Một quả trứng trong bữa ăn. Một bao gạo không có mùi mốc. Một bánh xà phòng thơm Camay...

TS Nguyễn Văn Huy nhớ lại câu chuyện giữa ông và người cựu chiến binh già: Chiều hôm đó, ông nhận được điện thoại thông báo có người dân tự nguyện đến bảo tàng tặng hiện vật. Một lão cựu chiến binh run run cầm trên tay cuốn sổ bìa màu vàng chứa những dòng ghi chép về thời tem phiếu cách đây hai mươi năm.

Để có bìa cuốn sổ màu vàng kia, người cựu chiến binh phải dành dụm từ vỏ bọc quần mìn trong thời chiến tranh.

Có những cụ hơn 90 tuổi vẫn giữ cẩn thận chiếc xe đạp mình được phân phối từ những năm 60 của thế kỷ trước với đầy đủ giấy đăng ký xe, giấy mua phụ tùng xe, biển số xe và sẵn sàng hiến tặng cho Bảo tàng chỉ với điều kiện Bảo tàng cần trân trọng và giữ gìn chu đáo, lâu dài những kỷ vật này cho hậu thế.

Thu Hà

NỖI ÁM ẢNH

Những người Hà Nội từng trải qua thời kỳ bao cấp đều trả lời không bao giờ muốn quay trở lại những ngày tháng ấy. Đó là nỗi ám ảnh của hàng triệu gia đình, nhưng cũng không ít người muốn cảm ơn thời ấy.

Những hiện vật bằng giấy như tem phiếu, sổ mua lương thực bên cạnh những đồ dùng, vật dụng trong gia đình như xe đạp, đài, tivi đều hiện diện ở một góc bảo tàng, tái hiện cuộc sống Hà Nội một thời đã qua. Có khi chỉ là một quả trứng được trưng bày trong lồng kính hay lọ thuốc penixilin đựng đầy mỳ chính cũng đủ khiến người xem gợi nhớ nhiều điều.

TS Nguyễn Văn Huy - Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học, là người từng trải qua cuộc sống của thời gian khó ấy nên thấm thía nỗi khổ bao cấp: “Chúng tôi không chỉ dừng lại ở việc phản ánh những hình ảnh tĩnh mà còn ghi lại những câu chuyện, những ký ức được gửi gắm thông qua cuộc phỏng vấn trò chuyện với các nhân chứng lịch sử”.

Chính tay ông nhận từ các cán bộ hưu trí, các cụ ông, cụ bà những hiện vật tưởng như chỉ còn lại trong quá khứ. Hai bộ phim video về Hà Nội: *Một thời gian khó* và *Một thời để nhớ* ghi lại chân thực những hình ảnh của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau thời bao cấp. Chính nhân dân là nhân vật trong phim và các ký ức do họ tái hiện lại chuyển tải được nhiều cách nhìn về thời đã qua. Bà Lê Thị Hiền, 69 tuổi, nguyên Quầy trưởng Quầy rau quả Đồng Xuân, số 85 Hàng Buồm hồi nhớ: “Thực phẩm mua bằng tem phiếu, trong đó có nhiều ô. Nhiều lúc, rau xanh cũng cắt ô, mùa hè có quả cam, quả quýt cũng cắt ô, không ô chính thì ô phụ. Hầu hết mọi nhu yếu phẩm đều được phân phối qua hệ thống mậu dịch”. Còn ông Lê Gia Thụy (65 tuổi, Trung tá công an đã nghỉ hưu, ngõ 12, phố Lương Khánh Thiện) thì bị ám ảnh bởi những công nghệ phe tem phiếu: “Phe tem phiếu là chuyện bình thường, thậm chí phe cả vé tàu xe, vé xem phim. Anh xếp hàng không mua được hay không muốn xếp hàng thì mua vé chợ đen, vé đáng 5 hào, trả 7 hào chẳng hạn. Những người phe đã móc ngoặc với bọn bán vé ở bên trong”.

Với người Hà Nội, mua gạo là nỗi nhọc nhằn; vì vậy, những cửa hàng gạo là hình ảnh rõ rệt nhất của Hà Nội thời bao cấp. “Nhiều khi người ta phải dậy từ nửa đêm để xếp hàng. Khi bận rộn, có thể xếp gạch đá, mũ nón hay rổ rá để giữ chỗ. Mua được gạo, về nhà vội mở ra xem, thấy gạo không có mùi mốc là tôi lâng lâng sung sướng suốt cả ngày”, ông Ngô Đức Thịnh tâm sự.

Một phần quan trọng trong cuộc trưng bày là tái hiện không gian của một gia đình thời bao cấp. Các cán bộ bảo tàng ghi lại hình ảnh chân thực của một căn hộ tập thể Trung Tự, chỉ với diện tích 28 m². Đó là nơi chung sống của 8 thành viên trong gia đình. Những ngày tháng ấy, họ phải nuôi lợn, nuôi chim cút, nuôi gà và chia sẻ không gian sống của mình.

“Người ở chung với súc vật, phân gà phân lợn, hôi thối kinh khủng. Mình là bác sỹ biết điều đó rất mất vệ sinh nhưng vì cuộc sống nên phải chấp nhận,” đó là những ám ảnh của bác Trạng, bác sỹ nghỉ hưu tại khu tập thể Trung Tự.

Tác giả bài thơ *Mùa xuân nhớ Bác*, Phạm Thị Xuân Khải cũng chia sẻ suy nghĩ: “Tuy sinh ra ở miền Nam nhưng những ngày tháng bao cấp tôi cũng có điều kiện sống tại Hà Nội. Cuộc sống khổ cực

ấy là giai đoạn mà chúng ta phải chấp nhận. Khi đổi mới dần đến, ai cũng nhận ra rằng tuy đó là sự đại đột nhưng nó cũng giúp ta có những bài học sâu sắc, giúp con người có nghị lực và ý chí vươn lên.”

Và rất nhiều nhân chứng của cả thời kỳ dài bao cấp ấy cũng hiện diện trong ngày hôm nay. Họ chỉ cười khi nghe lại những câu thơ:

Một yêu anh có may ô

Hai yêu anh có cá khô ăn dần

Ba yêu rửa mặt bằng khăn

Bốn yêu anh có chiếc quần đùi hoa...

Những điều kiện đơn giản thế, ở vào thời ấy tưởng như là điều không tưởng.

Thu Hà

MÀU THỜI GIAN XÁM NGẮT

Màu thời gian không tím ngắt, hương thời gian không thanh thanh như trong bài thơ xưa, mà màu thời gian xám ngắt và hương thời gian thật nặng nề. Đó là cảm giác của người xem khi bước chân vào không gian trưng bày “Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp”, bước lên cỗ xe thời gian để trở lại chứng kiến những câu chuyện chỉ có ở một thời.

Gạch nổi thời bao cấp với thế hệ trẻ

“Thời bao cấp, tôi có đôi dép nhựa Tiền phong không đi vừa nhưng cũng không dám bán sợ mang tiếng. Khi đi công tác vào Huế, tôi bán được năm nghìn rưỡi, mua được một cái vé máy bay ra Bắc. Nó giá trị như thế cơ mà!” Đó là câu chuyện của ông Phùng Duy Mận, 66 tuổi, Trung tá công an, nghỉ hưu, ở số 123 Hàng Buồm.

Chuyện như vậy, đâu có thật, nhưng sẽ là khó tin đối với thế hệ tuổi hai mươi bây giờ, nếu họ chỉ nghe qua lời kể, mà chưa chứng kiến cuộc sống thời bao cấp được tái hiện lại.

Chính vì thế, TS Mai Thanh Sơn, Thư ký dự án trưng bày Cuộc sống người Hà Nội thời bao cấp cho biết: “Mong muốn gạch nổi thời bao cấp với thế hệ trẻ, nên khi thực hiện đề cương trưng bày, chúng tôi không chỉ tiếp cận những thế hệ đã đi qua thời kỳ bao cấp, mà còn tiến hành nhiều cuộc trò chuyện với các bạn trẻ, dành nhiều công sức vào việc tìm hiểu các bạn trẻ muốn biết gì về một thời gian khó của những thế hệ đi trước”.

Một cửa hàng lương thực cũ kỹ đã được phục dựng ở lối vào không gian trưng bày, phía trên là câu trích dẫn chủ đề của một thời nhưng quen thuộc với nhiều thời: “Mặt buồn như mặt sổ gạo”...

Chỗ của “nhân dân anh hùng”

Đứng trước cửa hàng lương thực, hình dung đến cảnh “Mua gạo và thực phẩm là hai thứ phải chen lấn, xô đẩy, xếp hàng dài nhất. Hầu như ở cửa hàng nào, ngày nào cũng có chuyện cãi nhau, con người với nhau dường như không còn tình nghĩa gì hết. Dòng người xếp hàng cứ chen từ từ thế này, nhưng chỉ cần một người chen ngang là xô đẩy bẹp cả ruột, rất sợ!” (Bà Lê Thị Thắng, 64 tuổi, nguyên cán bộ Ban Tuyên huấn Thành ủy Hà Nội, số 11, ngõ 31, phố Vinh Phúc). Cứ ngỡ rằng thời bao cấp mọi khó khăn được chia đều trong xã hội nhưng khi nghiền ngẫm cơ chế phân phối thời bao cấp với cửa hàng lương thực, hệ thống tem phiếu và quầy hàng tét ở cuộc trưng bày, mới hay rằng nhân dân có tiêu chuẩn riêng và ở mức thấp nhất, tiêu chuẩn của cán bộ, công nhân, viên chức tùy thuộc vào vị trí công tác và đặc thù nghề nghiệp của mỗi người.

Cán bộ cao cấp có cửa hàng phục vụ riêng tại phố Tôn Đức, trung cấp - tại phố Nhà Thờ, Vân Hồ, Đặng Dung và Kim Liên; còn cán bộ, công nhân, viên chức bình thường và nhân dân mua ở các cửa hàng rải rác trong thành phố.

Vậy nên, sau ngày giải phóng đất nước, nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng có một thời gian sống và làm việc ở Hà Nội, mới kể lại rằng đã có không biết bao nhiêu “ca dao” chung quanh cửa hàng Tôn Đức, cửa hàng Quốc tế, chợ Đồng Xuân... cái thì của “vua quan”, cái thì của “trung gian nịnh thần”, cái thì của “thương nhân” và cuối cùng mới đến cái của “nhân dân anh hùng”...

Lo lợn ốm hơn chồng ốm

“Muốn biết được không gian sống của ‘nhân dân anh hùng’ thời đó, cứ so với những cán bộ trung cao cấp, là những người có mức đãi ngộ cao hơn thì sẽ rõ”. TS Sơn đã khuyên tôi như vậy.

Trong cuộc trưng bày, có tái hiện không gian sống của gia đình ông Phạm Trọng (1926), bác sĩ phụ trách chăm sóc sức khỏe cho các cán bộ cấp cao của Đảng và bà Đặng Thị Kim Sơn (1931), bác sĩ ở Bệnh viện Việt Xô. Cả hai ông bà đều được hưởng chế độ bìa C dành cho cán bộ trung cấp. Lúc bấy giờ, tiểu khu Trung Tự là thể hệ chung cư thứ hai của thủ đô Hà Nội được xây dựng khoảng những năm 1970 (sau khu Nguyễn Công Trứ và khu Kim Liên) và có nhiều cải tiến so với trước.

Mỗi căn hộ có 2 phòng với diện tích được tính toán để phù hợp với một gia đình theo chế độ phân phối 4-5 m²/người, gồm 2 loại: 24m² và 28m² cùng khu phụ (bếp, nhà xí, nhà tắm) tạo thành một căn hộ “khép kín”. Ngoài ra, xung quanh tiểu khu còn có các công trình phục vụ công cộng như: trường học (nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường cấp I, II), cửa hàng bách hóa, cửa hàng thực phẩm... rất thuận tiện cho các nhu cầu của cuộc sống. Vì vậy, một căn hộ chung cư lắp ghép khi đó vừa là biểu tượng của phương thức sống mới ở đô thị, vừa là biểu tượng của sự sang trọng. Sở hữu một căn hộ là niềm mơ ước của các cán bộ, viên chức một thời.

Năm 1975, gia đình ông Trọng có 7 nhân khẩu (mẹ bà Sơn, vợ chồng ông bá và 4 người con đang là sinh viên) được Nhà nước cấp cho căn hộ chung cư 28m² này.

Mặc dù không phải đối mặt nhiều với những khó khăn về vật chất, nhưng ông bà Trọng - Sơn cũng phải tìm mọi cách để cải thiện cuộc sống bằng cách chăn nuôi lợn, gà, chim cút... trong khu công trình phụ như nhiều gia đình công chức bình thường khác.

Đến năm 1982, hai người con của ông bà lập gia đình và cùng ở trong căn hộ này, và những bi hài kịch của 4 thế hệ cộng sinh với các vật nuôi trong một không gian chật hẹp bắt đầu.

“Có một buổi sáng đi làm, đóng cửa chuồng lợn không kỹ, lợn vào buồng ngủ phá phách, ỉa đái hết cả ra nhà. Bực thì có bực nhưng sợ nhất “Thủ trưởng” lợn ốm. Chồng ốm, con ốm còn cho mấy viên thuốc chứ “Thủ trưởng” đã ốm là thiệt hại về kinh tế, là dở khóc dở cười,” bà Sơn, nay đã 75 tuổi, kể lại.

Khi được hỏi về kỷ niệm đáng nhớ thời bao cấp, bà Sơn không ngần ngại nói: “Con lợn đầu tiên xuất chuồng được 78 cân. Lúc đấy, mình sướng lắm, chưa khi nào trong đời lại tưởng tượng có một số tiền lớn như thế”.

“Nghệt thử”

Rời không gian sống của gia đình ông Trọng, tôi lại đứng ngẩn ngơ trước những hiện vật về quản lý xã hội của một thời.

Này đây là tấm “giấy ủy quyền” từ năm 1978 đã ố vàng của anh Trần Thắng, công tác ở Đoàn 871, Tổng cục Chính trị, ủy quyền cho vợ là chị Nguyễn Thị Sinh được dùng cái đai National của anh khi anh đi công tác xa nhà, và đề nghị Ban đại diện tiểu khu nơi anh chị cư trú chứng nhận anh chị là vợ chồng, để căn cứ vào đó Công ty Bách hóa thành phố bán pin cho vợ anh sử dụng đai.

Đây nữa là chiếc xe đạp Thống nhất cũ, lốp đã mòn trơ mà ông Lê Gia Thụy (65 tuổi, nghỉ hưu, số

8, gác 12/21, ngõ 12, phố Lương Khánh Thiện) từng phải có thành tích một năm chiến sĩ thi đua mới được mua. Sau khi mua xe, ông Thụy phải mang xe, hóa đơn, hộ khẩu, chứng minh thư đến Công an khu phố để đăng ký, đợi 1-2 ngày họ cấp giấy chứng nhận sở hữu và biển số xe. Lúc đó ông hay phải làm thêm giờ nên cơ quan còn yêu cầu phải đăng ký số khung xe trên giấy chứng nhận làm ngoài giờ để họ dễ quản lý...

Bên cạnh những hiện vật về cách quản lý xã hội, còn có những hiện vật về quản lý văn hóa. Nhà lý luận phê bình điện ảnh Vũ Quang Chính, 73 tuổi, nhớ lại: “Quản lý văn hóa là quản lý tư tưởng, quản lý công tác sáng tạo của nghệ sỹ và đời sống tinh thần của công chúng. Sự máy móc, chủ quan và có phần ấu trĩ của ngày đó đã khiến cho nhiều tác phẩm hay bị coi là có vấn đề”. Đứng trước chiếc máy chiếu phim cũ kỹ, những áp phích của các bộ phim, vở diễn “ăn khách” nhưng bị cho là “có vấn đề”... người xem như cảm giác được y nguyên cái không khí u uẩn đến “nghet thở” của một thời.

Khi những hạt bo bo tràn vào thay thế từng hạt gạo mua sỗ trong gia đình, người ta không chỉ đói ăn mà còn “đói” cả tinh thần.

Theo ông Vũ Quang Chính: “Lúc bấy giờ, các bộ phim *Khoảnh khắc yên lặng của chiến tranh* của đạo diễn Vũ Phạm Từ và *Hà Nội trong mắt ai* của đạo diễn Trần Văn Thủy nằm trong số các tác phẩm bị coi là có vấn đề. Đó thực ra là những bộ phim hay, khi đưa ra chiếu thử được khán giả đánh giá tốt. Nhưng rồi có một ý kiến miệt thị của ai đó là có vấn đề về tư tưởng, lập tức bị dẹp qua một bên. Chỉ sau khi bị cắt cúp chán rồi khán giả mới được xem. Thật tiếc cho đông đảo công chúng đã không được thưởng thức những rung cảm thật nhất của người nghệ sỹ”.

Chia sẻ ký ức với cuộc trưng bày, ông Vũ Phạm Từ, 80 tuổi, đạo diễn phim *Khoảnh khắc yên lặng của chiến tranh* nói: “Bộ phim này từng được bình là phim hay nhất của Xí nghiệp phim truyện Việt Nam năm 1983 nhưng xung quanh nó cũng có không ít lời xì xào.

Chúng tôi đã phải cắt xén, chỉnh sửa mọi số đoạn rồi mới được đưa ra công chiếu. Cái kết của bộ phim sau này khác xa kịch bản ban đầu. Tôi rất tiếc”.

Nhà thơ, họa sỹ, NSUT Lê Huy Quang cho biết thêm về một cách quản lý văn hóa thời bao cấp: “Sự suy diễn trong công tác quản lý đôi khi máy móc đến buồn cười. Không may trong vở diễn có một nhân vật phản diện nào đó trùng tên với các vị lãnh đạo ở địa phương cũng có thể bị đình chỉ”.

Cuộc đấu tranh âm thầm

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha đã dành cho cuộc trưng bày một hồi ức đặc biệt có tên “Nhìn lại văn nghệ thời bao cấp”. Trong đó ông đã kể về những số phận văn chương của một thời, đó là những người cầm bút không làm văn chương để minh họa mà để nói lên sự thật, coi toàn bộ sự thật như là một định hướng sáng tác ngầm cho mình.

Nhà thơ Thanh Thảo sau trường ca *Những người đi tới biển* đã chỉ ra những kẻ chiêu hồi xấu xa trong hàng ngũ lãnh đạo các cấp, thì liên tục bị cơ quan văn nghệ tỉnh Nghĩa Bình “để ý” bởi những sáng tác mới theo định hướng trên.

Nhà văn Thái Bá Lợi sau *Hai người trở lại trung đoàn* cũng trăn trở vì “Bán đảo” không nhà xuất bản nào dám in.

Tới khi nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo in bài thơ dài *Tản mạn thời tôi sống* ở báo *Văn Nghệ* thì đã bị “rầy rà” to. Đang theo học Đại học Nguyễn Du, khóa I, nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo đã bị lãnh đạo buộc thôi học...

Khi nhạc sĩ Trần Tiến đưa ra một chương trình ca nhạc mang tên “Đôi thoại 87” ở thành phố Hồ Chí Minh để ủng hộ đổi mới thì ngay lập tức sau đêm diễn, nhạc sĩ phải “chuồn” ra Hà Nội kêu cứu vì một nỗi ám ảnh nào đó.

Cùng các đồng chí lãnh đạo cấp tiến, Hội Nhạc sĩ Việt Nam đã vào cuộc có hiệu quả. Bởi thế, nhạc sĩ Trần Tiến mới được giải oan. Tuy nhiên, không phải tất cả những “nghĩ án” của các văn nghệ sĩ lúc bấy giờ đều được “giải” ngay.

Bài thơ *Mùa xuân nhớ Bác* của Phạm Thị Xuân Khải đăng trên báo *Tiền phong* đầu năm 1986, cũng cho thế hệ ngày nay biết rằng, có những người cầm bút đã phải trả giá cả cuộc đời mình cho những tác phẩm dám nói lên sự thật.

Phải sống

Bao cấp là một thời gian khó với cơ chế quản lý kinh tế - xã hội không thích hợp gây ra sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần; sức sản xuất bị kìm hãm, xã hội trì trệ; con người bị hạn chế trong sáng tạo và không có sự lựa chọn trong thụ hưởng.

Sống trong thời bao cấp, người ta luôn biết cách xoay xở và tìm đủ mọi cách phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình cốt để làm sao tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

Trong đó, phổ biến là việc tăng gia sản xuất, chăn nuôi lợn, gà, trồng rau, làm thêm các dịch vụ và nghề thủ công. Đặc biệt, việc nuôi lợn không chỉ diễn ra ở khu vực các hộ gia đình có điều kiện về không gian mà đối với cả nhiều hộ sinh sống trên những căn hộ tập thể cao tầng.

Đã có nhiều biện pháp khắc phục tình trạng thấp kém về điều kiện sinh hoạt, thiếu thốn về hàng hóa tiêu dùng, và được tái hiện phần nào trong cuộc trưng bày, như: lợn cổ áo sơ mi, píc-kê, đôi ống quần trước ra sau, lợn xích xe đạp, quần lốp xe mòn bằng dây cao su, chế tạo ra máy phát điện bằng rô-to quay tay, máy tăng điện áp v.v...

“Cái khó ló cái khôn” - Cuộc sống của người Hà Nội lúc đó, thật đúng với câu thành ngữ này. Anh Nguyễn Quốc Hùng, 44 tuổi, kinh doanh, ngõ 286, Đội Cấn, kể lại:

“Từ năm 1974, khi bố tôi về hưu và học được công thức chế mực, gia đình tôi bắt đầu làm nghề bơm mực bút bi. Một ngày trung bình gia đình tôi bơm được 30 chiếc các loại. Bộ dùi để tách bi khỏi ngòi là quý giá nhất. Vì tôi đã phải dành rất nhiều thời gian để chuốt từ lò xo hoặc tanh xe đạp. Đối với loại bút ngòi cong của Trung Quốc, tôi dùng dây phanh xe đạp hoặc dây đàn ghi ta loại nhỏ nhất.”

Chị Phan Thị Kim Thanh, 43 tuổi, thợ may, số 492, phố Hoàng Hoa Thám, cho biết: “Trong suốt những năm 1980, nhờ quen biết, mẹ tôi mua được nhiều vải vụn phân phối. Cả gia đình tôi đã chấp ghép các mảnh vải vụn đó, may gia công thành vỏ chăn, gối, thậm chí cả quần áo lót, bán. Vì có nghề may nên thỉnh thoảng tôi cũng giúp bà con hàng xóm lợn cổ áo sơ mi hay quay ống quần”.

Theo bà Lê Thị Mai, 61 tuổi, giáo viên, số 20, ngõ 189/2, Giảng Võ, thì “may có nghề luyện kim - đan, móc len - đã cứu vớt đời sống chị em giáo viên chúng tôi”.

Danh sách hiện vật, phần ước mơ của người dân thủ đô thời bao cấp thật bình dị, đó là: chiếc ti vi vỏ đỏ; Quạt con cóc/quạt tai voi; Xe đạp pơ-giô; Xà phòng Camay; áo lông Đức; Lọ penixilin đựng mì chính; Đôi dép nhựa Tiền phong; Quả trứng; Búp bê Liên Xô.

Được ăn một bát cơm ngon, gạo không bị mốc; được đi một cái xe đạp Trung Quốc; được sở hữu một chiếc quạt nhỏ làm dịu bớt sự tù túng và nóng nực; được tắm bằng xà phòng thơm... là những điều luôn luôn quấn trong tâm trí của mỗi người. Ngay cả những niềm vui đơn giản đó cũng nằm ngoài tầm với.

“Tôi tiết kiệm mãi mới mua được cái xe đạp pơ-giô. Một hôm, thằng cháu nội lấy xe để tập. Nó bị ngã xước hết cả sơn. Tiếc xe quá, cả ngày không ăn được cơm. Hôm sau, đóng xe vào hộp cất đi luôn nên bây giờ xe vẫn còn mới.” (Bà Nguyễn Thị Bạ, 74 tuổi, cán bộ xã Quảng An, nghỉ hưu, 233 Âu Cơ)

“Áo lông Đức hồi đấy giá trị mấy chỉ vàng. Vợ tôi đi Đức, mang được cái áo về, các đồng nghiệp cứ đòi mua lại nhưng tôi không bán. Một phần vì đó là tài sản có giá trị; một phần vì là kỷ niệm của gia đình; và đó là niềm hãnh diện của đàn ông thời đó.” (Ông Nguyễn Thành Dung, 65 tuổi, đại tá quân đội, nghỉ hưu, số 1 ngách 291/42/26 Lạc Long Quân).

Phải gắng sống và sống đẹp - đó là mục tiêu của cả một thế hệ người Việt Nam trong đêm trước đổi mới. Bao cấp là thời kỳ mà nghị lực và trí tuệ của hàng triệu người bị kìm nén, chỉ chờ được giải phóng. Chính vì thế, khi chính sách Đổi mới – mở cửa được đề ra, năng lực ấy đã bùng phát tạo nên bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội.

Ông Nguyễn Đắc Như, 63 tuổi, nguyên Trưởng phòng Kế hoạch, Sở Thương nghiệp Hà Nội, cho biết: “Sau khi có chủ trương xóa bao cấp từ trên, trong một số cuộc họp bàn với sự tham gia của đại diện các sở dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo thành phố, cũng có những ý kiến băn khoăn, lo lắng vì sợ rằng xóa bao cấp có thể dẫn tới tình trạng đầu cơ, tích trữ, làm lũng đoạn thị trường của những người nhiều tiền. Nhưng, thành công là ở chỗ, chúng ta xóa từng bước, từng mặt hàng, dần dần nới lỏng quản lý sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện cho lưu thông thị trường và thị trường đã tự điều chỉnh được. Chính điều đó đã chứng minh, giải tỏa được một số băn khoăn, lo lắng ban đầu”.

Võ Văn Thành

BA MƯƠI MỘT NĂM GẮN BÓ CÙNG MÁY CHIẾU PHIM

Điện ảnh từ “mặc kệ” chuyển qua “vì khán giả”, từ sự trể nải lười biếng chuyển qua hăm hở tìm kiếm phim mới. Tôi tìm thấy điều ấy qua chuyện kể của người thợ chiếu phim lâu năm - anh Nguyễn Cao Sang.

...Nếu tính trong số những người thợ chiếu phim hiện nay vẫn còn đang làm việc, anh Nguyễn Cao Sang thuộc loại thâm niên nhất Sài Gòn!

Ngày ấy - năm 1975, có người anh làm thợ máy chiếu tại rạp Capitol (rạp Thăng Long hiện nay) kéo anh Sang về phòng máy phụ việc. Công việc lặng thầm, ngồi khuất trong phòng tối, chỉ âm thanh “sè sè” của máy chiếu làm bạn, chăm sóc kỹ thuật sao cho buổi thưởng thức phim của khán giả được suôn sẻ. Suốt 31 năm anh gắn bó với nghề, vô hình trung làm “nhân chứng” cho chuỗi dài điện ảnh thăng trầm, ngầm ra có những điều không thể nào quên.

Thời bao cấp, trong ký ức anh Sang, là thời của phòng máy chiếu nóng hầm hập đồ mồ hôi như tắm, thời của chiếc máy cổ lỗ sĩ xài than (với tác dụng hết như điện hồ quang, nếu đặt than ở hai cực xa quá thì... máy chiếu tắt cái phụt, nếu đặt than gần quá thì hình ảnh chiếu trên phim bị vàng khè, hết như màu cháy khét) không chỉ khiến người thợ máy cứ như “lên cơn sốt”, mà còn bị độc hại bởi khói than.

Khoảng năm 1985 mới nhập máy chiếu xenon Liên Xô thay cho máy xài than, đỡ hơn nhưng cũng chưa khâm khá gì, cứ phải đặt hai máy chiếu để thay phim, lỡ tay là phim bị đứt đoạn, khán giả ngồi xem bỗng chưng chứng kiến những vết dài loằng ngoằng trên màn ảnh rồi đen ngòm, sau đó lại loằng ngoằng những vết dài. Lý do là phần cuối của cuộn phim trước và phần đầu của cuộn phim sau chưa được lắp đồng bộ để chiếu “chồng lấn” xóa đi những đoạn thừa (không hình). Ngày ấy xem phim là vậy đấy, nhưng vẫn được gọi là “phục vụ” khán giả thành công.

Thời bao cấp, trong ký ức anh Sang, còn là “nỗi kinh hoàng” khi phải chiếu những bộ phim quá cũ, phim bị giòn, răng phim bị vỡ. Chỉ chiếu một cuộn (một bộ phim có xấp xỉ 9-10 cuộn) mà đứt đến 4-5 lần, phim cứ phải ngừng chiếu, gián đoạn liên tục. Phim Việt Nam thì hình ảnh nhòe nhoẹt, âm thanh rền rĩ khó nghe.

Phim Liên Xô, phim Đông Âu phần lớn cũng là phim cũ, sản xuất từ nhiều năm trước rồi mới đưa qua cho khán giả xứ ta xem. Khán giả làm gì có quyền được yêu cầu phim mới “nóng hổi”, có phim để xem tạm tạm là may lắm rồi.

“Hồi đó cực lắm anh ơi, nhiều người đã phải bỏ nghề.” Thời bao cấp - anh Sang cho biết, thợ máy chiếu hưởng đồng lương cố định, cũng như bao anh em nhân viên khác trong rạp, bất kể suất chiếu đông hay vắng người xem. Sao anh không bỏ nghề? “Tại tui có lòng ham phim mới theo nghề nổi. Đứng máy chiếu, qua ô nhỏ của phòng chiếu, xem phim hiện lên màn ảnh to đùng, tui... khoái!” - anh Sang giải thích.

Anh Sang luân chuyển qua nhiều rạp, đến tháng 3/2003 về đứng máy tại rạp Đồng Đa cho đến nay. Nơi đây có máy chiếu Strong (Mỹ) hiện đại. Các cuộn phim (8-10 cuộn) được đổ vào trong một “bành” rất tiện dụng, do đó một bộ phim được chiếu một lèo cho đến hết, không bị đứt đoạn chờ nổi

phim như trước, không còn “sự cố” chiếu hết một cuộn thì cuộn kế tiếp... chưa kịp đưa từ rạp khác về (như lúc chiếu máy Xenon hoặc máy than).

“Phòng đặt máy chiếu rộng rãi, thoáng mát, lương bổng thay đổi theo tháng. Làm việc bây giờ thật sướng” - anh Sang cho biết. Tôi bật cười trước cái cách anh bộc lộ sự hào hứng, ở độ tuổi 51 mà vẫn có gì đó rất tươi trẻ. Lương khoảng 3 triệu, với anh Sang vậy đã là “thật sướng”, Tết vừa rồi lương còn cao hơn nữa vì tùy thuộc số lượng người xem.

Rạp Đồng Đa ngoài hai khán phòng cố định, đã “nắm bắt thời cơ” tận dụng mặt bằng nhà hàng để biến thành khán phòng mới. Trong sự năng động chung đó, có phần đóng góp của người thợ máy chiếu Nguyễn Cao Sang. Anh lao vào cuộc, tăng năng suất đứng máy. Nói với tôi, anh Sang thổ lộ: “Tui coi rạp chiếu phim này như nhà của mình”.

Nguyễn Chương

KÝ ỨC THỜI “SỎ GẠO”

Hòa bình rồi, tiếng reo vui chưa được bao lâu thì người dân hai miền Nam - Bắc phải đối mặt với biết bao gian nan. Cả nước chạy gạo ăn từng bữa. Nhiều người vẫn còn giữ những tờ tem phiếu, sổ gạo ngả màu ó vàng thời gian, gọi cho họ cả một quãng đời mà người ta quen gọi là thời bao cấp.

Sài Gòn những năm 1980

Sống giữa Sài Gòn thời ấy, ông giáo Nguyễn Văn Hàng thềm bát cơm trắng và đủ thứ: cây viết trơn tru, tờ giấy trắng, chiếc lốp xe chưa vá, chiếc xích chưa lộn... Hơn 20 năm rồi ông Hàng vẫn còn nhớ cái hôm chiếc xe đạp cà tàng bị thùng lốp.

Ông mượn cây kim to và sợi cước dài vật lộn với chiếc lốp suốt đêm. Sáng hôm sau, ông đến lớp mà không cầm nổi viên phấn nhưng không biết phải giải thích thế nào với học sinh. Mấy ngón tay nứt toét, sưng lên. Thế mà ông vẫn ngày hai buổi đến lớp. Năm ấy, vợ ông sinh con đầu lòng. Tiêu chuẩn gạo hằng tháng được 13kg/khẩu, nhưng thường chỉ lĩnh được 3kg, còn lại quy đổi lúc bo bo, lúc bột mì, lúc mì sợi vụn, lúc khoai lang...

Cả tiêu chuẩn gạo của ông giáo Hàng cũng ưu tiên dành cho vợ, mấy tháng trời ông quên mất trên đời còn có món cơm trắng. Còn thịt chỉ là thứ mơ ước. Một hôm hội đồng giáo viên bỗng nảy ý định biến mơ ước thành hiện thực: nuôi một con heo.

Nhưng bằng cách nào? Cả tập thể nhảy vào bàn bạc và quyết định tập thể cùng nuôi. Con heo được nhốt vào khoảng trống giữa hai dãy phòng học. Ai có thức ăn thừa mang đến, nhưng khổ nỗi người không đủ ăn thì làm gì có thừa cho heo.

Nhưng rồi vẫn có: nước vo gạo, ruột cá, gốc rau... Nhưng nước vo gạo thì trong veo, gốc rau thì cụt ngắn. Con heo con thềm cảm như trẻ con thềm sữa.

Một học kỳ trôi qua, con heo chẳng lớn được bao nhiêu. Nhưng đến ngày đến tháng hội đồng giáo viên cũng đành xẻ thịt liên hoan. Thế mà buổi liên hoan vẫn linh đình vì có được mấy miếng thịt.

Thầy Hàng bảo nửa năm rồi ông chưa ngửi được mùi thịt. Nuôi heo cực quá, trường thầy Hàng chuyển hướng “đầu tư” nuôi chó. Ông hiệu trưởng “lý luận”: không có gì cho chó ăn thì nó vẫn có thể tự kiếm lấy cái ăn.

Tưởng nói đùa hóa ra ông hiệu trưởng đi xin chó con thật rồi gửi nuôi ở nhà bà cụ trong trường. Thầy cô giáo có canh thừa, cá cặn lại gom góp mang đến cho con chó của tập thể.

Cuộc sống cứ thế trôi. Cây vẫn đơm hoa kết trái. Thầy cô cưới nhau trong cảnh mượn của người này chiếc áo trắng, của người kia chiếc cà vạt. Chén, đĩa, ly, đĩa... tập hợp của nhau lại bày cho đủ mâm.

Nói thế cho sang chứ khẩu phần mỗi người ăn cỡ cưới chỉ có một miếng chả giò, một miếng dưa hấu và một quả chôm chôm. Thầy Hàng ra sân trường chặt một cành sứ vào trang trí, quét dọn sơ sơ để biến thành căn phòng... hạnh phúc.

Nhưng chiếc giường quá ọp ẹp, chân gãy tự bao giờ. Một ông thầy bạn thân thầy Hàng vốn khéo tay

được tín nhiệm giao chăm chút lại “tổ ấm” cho đôi uyên ương. Chiếc giường đến giờ chót đủ bốn chân. Chú rể cười: xem như xong cái căn bản nhất...

Không chỉ giới công chức, nhà giáo mà giới kinh doanh cũng khốn khó. Khi cuộc cải tạo công thương bắt đầu thì cuộc sống của ông Trần Văn Thành (nay trú tại 26C, ấp 4, xã Tân Kiên, Bình Chánh, TP.HCM), từng là chủ xe ca chạy tuyến miền Trung, nhà cửa đảng hoàng, thường ăn cơm tiệm, cuối tuần hay đi mua sắm... cũng bắt đầu đổi khác.

Sau bữa cơm đạm bạc, cha con đưa đẩy nhường nhau bát cơm độn, ông Thành xách túi ra xe kéo theo cái nhìn lo âu và tiếng thở dài của người thân. Bởi cái xe của ông quá cũ nát, không an toàn khi bắt buộc phải chở quá tải trên những đoạn đường trường, bởi chắc chắn ông sẽ phải cố tìm một vài mặt hàng lậu để bù vào tiền xăng, dầu, bơm vá...

Tiền lương của ông mỗi tháng không đủ chi tiêu cho một tuần sinh hoạt gia đình. Vì sao vậy? Ông kể: nổi nghiệp gia đình theo nghề lái xe, đến năm 1973 ông Thành sắm được một chiếc xe ca trị giá 3,5 triệu đồng, tương đương hơn 100 lượng vàng thời đó.

Đây là một tài sản lớn, nghề khác không dễ có được. Ông Thành được xem là nhà tư sản “nhỏ” và ông đã có thể mơ đến chuyện thành lập một hãng xe. Lúc ấy dân tài xế nói riêng, những nhà buôn, dịch vụ nói chung làm ăn khấm khá.

Bến xe miền Tây khi đó có một số hãng xe lớn sở hữu hàng chục phương tiện đắt tiền như Hiệp Thành, Phi Long, Á Đông... không ngừng phát triển.

Nhưng sự phát triển đã dừng lại bởi “sáng kiến” công ty công tư hợp doanh. Tất cả mọi chiếc xe lớn nhỏ dù của ai cũng đều phải đem góp vào công ty. Giá xe do Nhà nước định mà trên thực tế thì nó chỉ tương đương với 1% giá thật. Đã vậy, công ty chỉ mua chịu trả dần, mỗi lần một ít. Có người đến khi không còn ở công ty, hoặc đã chết vẫn chưa được trả hết. Mà dù có được trả hết thì khoản tiền đó cũng không đủ mua chiếc xích lô.

Bán xe xong, ai biết lái xe thì được nhận làm công nhân của công ty. Lái theo chuyển, ăn lương theo quy định. Ai không biết lái xe thì coi như mất xe.

Có những ông chủ hãng xe 30- 40 chiếc, cai quản hàng trăm lái, phụ xe nay muốn quá giang 30-40km nếu không mua được vé thì vẫn bị đẩy xuống bến xe ngơ ngác trong bụi khói. Nhiều ông chủ xe xin mãi mới được làm phụ xe, còn bị anh lái xe mình thuê ngày xưa mắng mỏ mỗi khi trái ý.

Hà Nội sau niềm hân hoan

Bà Đinh Thị Vận - 63 tuổi, phường Tương Mai, Hai Bà Trưng (Hà Nội), là công nhân Nhà máy Dệt 8-3 - vẫn còn nhớ: sau giải phóng miền Nam, gia đình, cơ quan, khu phố của bà cũng như nơi nơi đều ngát ngát trong niềm hạnh phúc vô bờ.

Nhưng sau đây một vài năm thì giá cả tăng vùn vụt, cơ quan của bà không việc làm. Nồi cơm của gia đình bà nấu gạo “mậu dịch” (gạo từ kho các cửa hàng lương thực của Nhà nước) hơi đủ các thứ mùi: gián, mốc và có khi là xăng dầu..., có khi lẫn những hạt sạn to như hạt ngô.

Sau đó gạo mậu dịch cũng thiếu và ngày một lần đầy những sạn, ngô, khoai... Hường, con gái bà, từng nói lên mơ ước trong bài văn nộp cô giáo: “Ngày tết em mong sao có một nồi cơm trắng và một bát thịt kho...”. Một ước mơ không có trong tâm thức những người trẻ bây giờ, nhưng thời đó là một ước mơ.

Mỗi tháng, theo chỉ tiêu, cả nhà bà Vận được nhận 2kg thịt. Gọi là thịt nhưng toàn mỡ vụn, bạc nhac và lại chia làm hai lần. Lần nào cơ quan bà cũng chỉ đủ thịt chia cho 2/3 công nhân.

Mỗi tổ phải tự bắt thăm. Ai trúng thì lĩnh trước, không trúng thì chờ đợt sau. Các chị tiếp phẩm (bộ phận chia thực phẩm) cân hụt mất một lạng, có biết cũng phải cố mà cười. Ngày lĩnh thực phẩm cả nhà cứ phấp phỏng, chờ đợi và hít khói bếp.

Rán cho cùng kiệt mỡ, cẩn thận đổ vào liễn rồi bà mới cho muối, mắm mặn chát vào kho với mấy miếng thịt để ăn dè. Cả khu tập thể công nhân nhà máy vui như hội. Khu phố lên đèn, ở những gia đình không được lĩnh, có tiếng chì chiết của ông chồng nào đó vì vợ không bốc trúng thăm...

Rất nhiều nhu yếu phẩm khác như xà phòng, mì chính, chất đốt... của tất cả cán bộ công nhân viên chức khác cũng như vậy. Có năm ba tháng liền bà chỉ được lĩnh vải mà không xà phòng.

Có người như cô Hoa chồng chết, nhà có bốn người toàn phụ nữ (mẹ chồng, Hoa và hai con gái) nhưng khi lĩnh tiêu chuẩn quần áo lót thì toàn quần đùi, áo may ô và... dao cạo râu. Cô Hoa khóc cả tuần liền...

Công ty của em bà sản xuất sứ tích điện. Không có tiền, công ty trả lương cho công nhân bằng tích điện. Đơn vị có cao su trả bằng cao su, xí nghiệp có mũ cứng thì trả lương công nhân bằng mũ cứng... Những lúc như vậy lĩnh lương xong cũng không biết đem về đâu, để làm gì?

Chuyên gia kinh tế Lê Văn Viện bảo rằng đó là bối cảnh chung của đời sống người dân trước năm 1986. Hầu như những mặt hàng thiết yếu đều đến tay người tiêu dùng qua kênh phân phối bằng hiện vật, tem phiếu và định lượng bằng chỉ tiêu.

Bài đăng trong “Đêm trước đổi mới”, NXB Trẻ

HÀNG CHÚC NGUYỄN - XUÂN TRUNG - QUANG THIÊN

“VÒNG KIM CÔ”

Những câu chuyện bi hài của “đêm trước” đổi mới thật khó tưởng tượng được nếu không phải là chứng nhân thời kỳ đó. Tất cả đều chạy theo và chạy đua với chỉ tiêu được ấn từ trên xuống bất chấp quy luật thị trường. Người ta tìm mọi cách để hoàn thành chỉ tiêu cho thật đẹp sổ sách báo cáo, còn đằng sau là đủ thứ sáng kiến cải tiến, cải lùi.

Chỉ tiêu “đổ than”

Câu chuyện thời bao cấp khó tin nhưng có thật: Năm 1979, một công ty khai thác than ở Thái Nguyên được giao chỉ tiêu khai thác 150.000 tấn than. Nhưng năm đó các công ty khách hàng không đủ nguyên liệu sản xuất, máy móc, dây chuyền hỏng hóc... nên hoạt động cầm chừng, không cần nhiều đến than. Sản phẩm của công ty than nọ cứ ngày một chất chồng trong kho bãi. Đến lúc kho bãi không thể chứa thì công tác khai thác cũng phải “phanh” dần.

Tuy nhiên chỉ còn hai tháng nữa là hết năm mà cái chỉ tiêu đó mới thực hiện được hơn nửa. Nỗi ám ảnh không đạt chỉ tiêu đe dọa số phận chính trị của tất cả ban lãnh đạo công ty, đến đồng lương tất cả cán bộ công nhân cũng như danh hiệu thi đua của toàn đơn vị. Không thể “bó tay”, ban lãnh đạo công ty quyết định ăn ngủ tại công trường, thức trắng đêm cùng công nhân, vượt qua sương muối, gió may miệt mài khai thác cho bằng đủ chỉ tiêu được giao. Công việc lúc này bận rộn và khó khăn gấp đôi bình thường vì sau khi mất công khai thác, công ty còn mất một công nữa là... đổ than đi. Đổ xuống vực, xuống suối, xuống hang... hay bất cứ đâu cũng được.

Sự việc cuối cùng cũng đến tai cấp trên. Giám đốc công ty than bị khiển trách. Thế nhưng trong phiên họp tổng kết năm của toàn công ty, ông giám đốc mặt mũi đen nhẻm, hốc hác chạy lên bục phát biểu hào hứng: mặc dù gặp rất nhiều khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, chúng ta đã phát huy phẩm chất sáng tạo, nỗ lực lao động và đã hoàn thành tốt chỉ tiêu cấp trên giao. Tỉnh đã có bằng khen cho tất cả các đơn vị hoàn thành chỉ tiêu.

Ông Bùi Văn Long, nguyên tổng giám đốc Liên hiệp Dệt Việt Nam (tiền thân Tổng công ty Dệt may), vẫn còn ám ảnh những con số chỉ tiêu: Dệt Thành Công được giao chỉ tiêu sản xuất 3 triệu m² vải/năm. Nhưng khi 1/3 dây chuyền đắp chiếu vì không phụ tùng thay thế, vốn lưu động Nhà nước cấp không nổi 1/2 nhu cầu thì cái chỉ tiêu ấy vẫn giữ nguyên.

Đến lúc công ty khắc phục được khó khăn, năng lực dư thừa, thị trường “cháy” hàng thì chỉ tiêu ấy cũng không thay đổi. Hai chữ “chỉ tiêu” trở thành “vòng kim cô” khủng khiếp trùm lên toàn bộ mọi hoạt động sản xuất. Nhà nước cung cấp nguyên nhiên vật liệu và vốn lưu động mỗi năm cho doanh nghiệp, kèm theo một con số sản phẩm nhất định mà doanh nghiệp phải làm ra rồi cũng nộp cho Nhà nước.

Tuy nhiên, do thiếu tất cả mọi thứ cộng với phương thức quản lý “của chung” nên hầu như không bao giờ những gì Nhà nước giao tương ứng với những gì Nhà nước muốn thu lại từ doanh nghiệp. Và những chỉ tiêu này cũng hủy diệt gần như hoàn toàn mọi sáng tạo, năng động của doanh nghiệp.

Chuyên gia sử kinh tế Đặng Phong kể lại câu chuyện cao su chạy từ Nam ra Bắc rồi quay lại Nam

cũng chỉ vì cái “vòng kim cô” chỉ tiêu: Xí nghiệp Đồ hộp xuất khẩu TP.HCM vì thiếu miếng lót cao su dưới nắp hộp trái cây xuất khẩu nhưng đến mua ở Công ty Cao su miền Nam không được. Lý do: không có chỉ tiêu kế hoạch. Xí nghiệp cầu cứu Ủy ban Kế hoạch TP thì nơi đây chuyển “quả bóng” cho Ủy ban Kế hoạch nhà nước.

Sau khi cân đối đầu ra - đầu vào, Ủy ban Kế hoạch nhà nước đồng ý giao chỉ tiêu 300kg mủ cao su cho xí nghiệp nhưng đó là chỉ tiêu năm tới. Hỡi ôi, trái cây không thể chờ sang năm mới đóng hộp xuất khẩu. Xí nghiệp không thể chịu chết vì cái chỉ tiêu kế hoạch vô hồn. Bà giám đốc xí nghiệp sức nhớ có quen ông giám đốc Nhà máy cao su Sao Vàng Hà Nội. Đánh liều bay ra đàm phán với “ông Sao Vàng”, “bà Đồ Hộp” vay được 300kg mủ cao su quý ời là quý. Sau đó xí nghiệp không có mủ mà trả, đành trả bằng đồ hộp. “Ông Sao Vàng” càng mừng vì có quà cải thiện đời sống công nhân.

Cuộc sống quá khốn khó, động lực sản xuất, tinh thần trách nhiệm ngày một tiêu hao, nhiều căn bệnh phát sinh ở hầu hết các nhà máy xí nghiệp. Điển hình nhất là tệ ăn cắp. Ông Nguyễn Xuân Hà (nguyên giám đốc Công ty dệt Thành Công) vẫn còn nhớ kỷ niệm buồn: năm 1982, khi ông chuyển sang làm giám đốc Công ty dệt Thắng Lợi, có 5.000 công nhân nhưng tệ nạn trộm cắp trong nhà máy quá mức khủng khiếp.

Trong ba tháng thực hiện “bàn tay sạch”, nhà máy bắt được 15 kẻ gian trong đó có năm đảng viên. Thậm chí cả bí thư chi bộ cũng lấy cắp môtơ. Trộm cắp được lập thành băng nhóm trong cơ quan, liên kết với bên ngoài và thực hiện bằng các thủ thuật rất tinh vi. Nhưng khi tìm hiểu thì hầu hết thủ phạm đều từng là những người lao động rất tốt nhưng vì hoàn cảnh túng bấn nên họ nhắm mắt làm liều.

Xe chạy xăng thành... chạy than

Ông Trần Văn Khang, nguyên giám đốc Công ty công tư hợp doanh Điều hành bến xe miền Tây, nói: sau giải phóng vài năm thì xăng không đủ cấp cho xe chạy. Những xe chạy xăng thời đó là loại hiện đại, máy móc tốt nhưng chẳng lẽ để đắp chiếu. Một đề tài khoa học rất... nổi tiếng thời đó có khả năng biến loại động cơ hiện đại lùi lại hàng trăm năm đã được áp dụng. Đó là cải tạo xe chạy xăng thành chạy than.

Thế là từ vận tốc 70-100km/h thành 20-35km/h. Từ êm nhẹ chiếc xe thành con quái vật không ngớt kêu gào. Xe chạy đến đâu, lửa, xỉ than rơi vãi ra đường đến đó và lửa từng làm cháy rừng khi đi qua rừng núi. Hành khách, nhà xe mặt lúc nào cũng đen như người âm phủ. Gặp dốc lớn, tất cả lại xuống xe: 1- 2 -3 hò dô ta... đẩy xe lên dốc.

Bến xe miền Tây (TP.HCM) hai mươi mấy năm trước khi thành phố chỉ có 1/4 lượng khách so với bây giờ, nhưng cảnh chen chúc vạ vật của người chờ xe không khác gì chạy loạn. Nhiều người đi từ tờ mờ sáng, ngoài tư trang, hàng hóa, họ còn đem theo một viên gạch. Đến cửa quầy bán vé khi trời chưa rõ mặt người, hành khách đã đua chen nhau đặt hòn gạch để xí chỗ xếp hàng mong mua vé trước. Vậy mà không ít người đợi đến 2-3 ngày vẫn không mua được vé, đành ra về. Lễ tết thì khỏi phải nói.

Bến xe phía Nam (Hà Nội) cũng y như thế. Thời bao cấp không mấy khi hành khách mua được vé trực tiếp từ bến xe mà chủ yếu là vé chợ đen. Riêng bến xe Kim Liên - Hà Nội (cũ) lúc nào cũng có 5-7 băng nhóm phe vé. Mỗi nhóm 5-7 người. Bọn họ bám chặt và sống ký gửi vào bến xe này với công việc duy nhất: mua càng nhiều vé xe càng tốt. Ngày đó những cảnh như một bà lão còng lưng dốc hết tay nải để tìm những đồng tiền cuối cùng nhưng vẫn không đủ đòi hỏi của tay phe vé. Bà phải rút chuyển. Những hành khách tội nghiệp như bà vừa khóc vừa liêu xiêu giữa bến xe chiều không phải là

chuyện hiếm.

Lái xe Trần Văn Thành than: hành khách khốn khổ thì phận lái xe cũng rất khốn nạn. Săm lốp, phụ tùng, thùng, máy, xăng dầu... đều được tính theo chỉ tiêu (tính số kilômet vận hành để được cấp mới hay trung đại tu) nhưng cái chỉ tiêu ấy chỉ có thể áp dụng trên giấy vì nó rất phi lý. Hổng hóc thiếu thốn, chấp vá đủ kiểu nhưng vẫn không thể sống được. Nhiều người bỏ xe giữa đường, bỏ nghề, bỏ cơ quan về luôn. Một tháng sau, địa phương yêu cầu công ty mới cho xe ra kéo cục sắt ấy về. Ai không dám bỏ nghề thì buộc phải bỏ tiền túi mà cải tạo. Tiền đâu? Lại phải buôn hàng lậu (thật ra chỉ là gạo, thịt, mắm muối, xà phòng...) hay bắt thêm khách, lại phải lo lót, luồn cúi... Trong giới lái xe cũng có rất nhiều người đã phải bán nhà để sửa xe cho Nhà nước. Cho đến tận bây giờ nhiều người khi đã bỏ nghề chạy xe vẫn không mua nổi căn nhà cũ để ở.

NXB Trẻ

TRƯỚC KHI CHỢ TRỜI BỊ ĐÁNH SẬP

Chuyện mua bán thời bao cấp với cảnh ngăn sông cấm chợ, giá dưới đất giá trên trời, mua không được bán không xong... là kết quả của quá trình siết chặt quá nóng vội, mạnh tay. Ông Hà Đăng (nguyên tổng biên tập báo Nhân Dân) gọi đó là “một đêm đánh sập chợ trời”.

Thời của trạm gác

Một chiếc xe tải lăm đầy bùn đất xịt khói đen chạy âm âm qua đường. Thùng xe bịt một tấm bạt lớn đập phàn phật. Đi ngược nó là đoàn xe công tác của cán bộ. Và lập tức ông cán bộ cho quay xe đuổi theo. Đến ngang chừng chiếc xe tải, ông rút súng ngắn chĩa lên trời bắn ba phát đạn đánh giòn rợn tóc gáy.

Chiếc xe tải sợ hãi dừng lại. Người rượt đuổi là một ông phó chủ tịch UBND tỉnh muốn kiểm tra hàng lậu. Ông Chín Cần (Nguyễn Văn Chính), nguyên bí thư Tỉnh ủy Long An, kể lại câu chuyện mà ông được chứng kiến tại tỉnh mình vào thời kỳ bao cấp với mệnh lệnh cấm buôn bán tự do như thế.

Chiếc xe tải đó thật ra giống như bất cứ phương tiện nào. Cứ có dấu hiệu chở được thứ gì đó thì sẽ bị cán bộ kiểm tra. Bởi tất cả mọi thứ hàng hóa không phải của ngành thương mại thì đều là hàng lậu. Trong khi cuộc sống đang cần càng nhiều hàng thì nguồn cung từ quốc doanh chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ.

Chính vì vậy mà gạo, thịt, bánh kẹo, bột giặt, áo quần, mũ dép... đều có thể là hàng lậu ở bất cứ nơi nào, lúc nào... Thời đó, người dân nào cũng có thể là “con phe” (dân buôn lậu) nên cán bộ chống buôn lậu rất nhiều. Công an, thuế vụ có thể kiểm tra xét hỏi bất cứ chiếc bì, thùng, sọt, túi... của ai, ở đâu.

Ngoài hai lực lượng này, mọi cán bộ nhà nước đều có thể bắt hàng lậu. Ông Chín Cần kể: “Một đoạn đường vài cây số nhưng có tới hơn chục trạm gác kiểm soát hàng hóa. Những trạm gác này thường bắt được những ông cán bộ mặc quần hai lớp để đựng gạo, chị hàng thịt cuốn quanh người những tảng mỡ heo rồi mặc áo trùm bên ngoài.

Và đặc biệt nhất là chuyện chở heo trốn qua trạm gác. Một con heo 60kg đã mổ thịt lấy đi lòng, tiết chở ra chợ bằng cách chằng sau yên xe với tư thế ngồi chạng chân sang hai bên. Áo mưa trùm kín “người” rồi đội cho chú “heo người” một cái nón lấp mắt.

Khi qua trạm gác, trời mới tang tảng sáng, người “mẹ” vừa đạp xe vừa quàng tay ra phía sau vỗ về và nhắc nhở “con”, đóng giả mẹ chở con đi học. Tuy nhiên cái cảnh “gia đình đầm ấm” ấy sau cũng bị cán bộ phát hiện.

Và người dân lại tìm những cách khác để đối phó với mạng lưới chống buôn lậu. Mục đích cuối cùng của người dân chỉ là mong bán được những thứ mình làm ra để lo cho cuộc sống.

Mua như cướp

Thời ấy, bà Tư Tây, nông dân ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành (An Giang) có 50 công ruộng. Mỗi năm thu hoạch hơn trăm gia lúa. Theo quy định của Nhà nước, nhà bà chỉ được giữ lại khoảng 60% (đủ để ăn), số còn dư buộc phải bán cho Nhà nước.

Giá bán thấp hơn tiền vốn bỏ ra nên nhà bà cũng như tất cả những nông dân trong vùng đều cố gắng tìm cách giấu lúa không cho chính quyền biết. Cuối vụ từng đoàn cán bộ, có khi cả du kích đeo súng vào từng nhà đo bồ (kiểm tra lúa).

Ai thừa định mức bị buộc phải bán tại chỗ. Có vụ, nhà bà phải xay thành gạo và giấu trong tủ thờ. Đến khi mở ra thì chuột ăn hết quá nửa. Có nhà, vợ giấu gạo, cầm chìa khóa đi vắng, chồng con ở nhà phải nhịn đói...

Để giấu lúa qua trạm thời đó bà con thường làm ghe, xuống có hai đáy, khi vận chuyển thì đồ trầu lên đáy trên, đựng lúa ở đáy dưới. Trong nhà thì họ khoét rỗng đồng rơm rồi thả lúa vào giữa... Người dân Bến Tre thường đi xuống xuống Cà Mau mua lúa. Mỗi chuyến đi cả trăm cây số nhưng cũng chỉ có thể mua 1 tạ trở xuống. Dọc tuyến đường độc đạo này có rất nhiều trạm gác. Có lần một bà nông dân bị cán bộ phát hiện chở lúa. Cán bộ bê bao lúa lên thì bà ta ngất xỉu. “Họ uất ức quá, gia đình đói khổ, quần áo te tua, đi mấy ngày mới tới Cà Mau, cả tuần lễ mới mua được bì lúa. Cả nhà trông vào đó...”.

Chuyện thu mua lúa hay thu mua vải đều giống nhau cả. Năm 1978 giá thành 1m^2 vải calicot sản xuất tại xưởng của Công ty Dệt Thành Công là 1,5 đồng. Thế nhưng tất cả lượng sản phẩm có được, công ty đều phải bán cho Nhà nước với giá 1,2 đồng/ m^2 .

Giá thành 1m^2 vải dệt theo kiểu oxford hết 10 đồng nhưng công ty phải bán cho Nhà nước giá 9 đồng/ m^2 . Giá của hai thứ vải trên nếu bán ở thị trường tự do thì cao gấp 10-12 lần. Tương tự như vậy, tất cả mọi sản phẩm công ty sản xuất được đều chung tình cảnh trên.

“Sau bao nhiêu ca lao động cật lực để vượt qua những khó khăn mà Nhà nước không thể hỗ trợ như máy hỏng, nguyên nhiên liệu, vốn... thiếu thì nhà máy mới ra đời được một lượng hàng ít ỏi. Thế nhưng nhìn cảnh đóng hàng xuất cho nội thương với giá thấp hơn vốn bỏ ra, cán bộ công nhân rơi nước mắt...”.

Ông Trần Đức Nguyên, nguyên trưởng Ban nghiên cứu của Thủ tướng, cho rằng cái từ “thu mua” (vừa thu vừa mua) được hình thành từ thực tế này. Còn dân gian gọi đó là: mua như cướp. Và chuyện “thu mua” tồn tại dưới nhiều hình thức: mua theo giá nghĩa vụ, mua theo giá khuyến khích, bán theo cơ chế có thưởng...

Mục đích là loại bỏ thị trường tự do nhưng cả về thực tế (Nhà nước không đủ hàng) lẫn lý thuyết (giá Nhà nước phải căn cứ theo giá chợ để hình thành) thì hệ thống thị trường chính thống lại bị phụ thuộc vào thị trường tự do.

Bán như cho

Nhà có con rể mới từ chiến trường trở về, bố vợ muốn mua tặng con một đôi dép nhựa và sắm thêm đôi chiếu cói. Ông đi bộ 18km để lên cửa hàng mua bán của huyện. Tới nơi, cô mẫu dịch viên vừa cầm cúi thuê khăn vừa nói vọng lên: “Hết hàng!”. “Vậy đôi này thì sao?”. Hỏi đến ba lần ông mới được cô ta gất lên: “Mất ông để đâu vậy? Không nhìn thấy bảng “hàng mẫu không bán” à?”.

Về nhà có người mách ông phải gặp kẻ môi giới và trả thêm tiền mới mua được. Chạy vay mấy ngày, trả thêm gấp đôi tiền cùng rất nhiều lời cảm ơn, cảm tạ cuối cùng ông cũng mua được đôi dép và cặp chiếu cói. Câu chuyện trên của ông Nguyễn Đình Kiên, xã Gia Trung, huyện Gia Viễn (Ninh Bình) về tình trạng quá bình thường của bản thân ông cũng như của tất cả mọi người sống trong thời bao cấp.

Ai mua thứ gì cũng phải đến hợp tác xã mua bán hay cửa hàng mậu dịch quốc doanh. Mua cây kim cuộn chỉ hay cái bắc đèn cũng cực kỳ khó khăn. Nhà nước bán hàng dưới giá thành và cũng thấp hơn giá chợ (bán phân phối), hàng hóa không đủ 1/10 nhu cầu nên nhân viên thương nghiệp kênh kiệu, xem thường khách hàng vô cùng. “Bán như cho” là lời cửa miệng đầy xót xa của thời ngấn sông cấm chợ lúc bấy giờ.

Các chuyên gia kinh tế bao cấp nghĩ rằng Nhà nước bán rẻ (dưới giá thành) cho dân những mặt hàng thiết yếu thì Nhà nước cũng phải mua sản phẩm của họ với giá rẻ (dưới giá thành). Phần chênh lệch sẽ được tính tương đương nhau, không bên nào bị thiệt mà vẫn ổn định được nhu cầu của mình.

Cả xã hội lúc ấy trở thành một thị trường mua không được bán cũng không xong. Và khi không đủ hàng hóa để cung cấp, sự thất thoát giữa các khâu phân phối trung gian quá lớn thì thương mại quốc doanh trở thành một thứ ân sủng đối với người tiêu dùng. Vì thế thị trường tự do không thể bị xóa bỏ triệt để nhưng cũng không ngừng bị bóp nghẹt. Nó đã để ra môi trường màu mỡ cho những thủ đoạn tiêu cực như móc ngoặc, chà đạp, tham ô, đầu cơ. Hàng hóa đã khan hiếm lại bị đủ thứ trò mách mung, thiệt thòi nhất vẫn là kẻ mua mà mặt mày thường cứ như người “mất sổ gạo”.

HOÀNG CHÚC NGUYỄN - QUANG TRUNG - XUÂN THIÊN

“ĐẸP TRAI ĐI BỘ KHÔNG BẰNG MẶT RỖ ĐI LƠ”

Giai thoại, hò vè nở như ngô rang

Xe “Lơ” tức Pơ-giô được chú thích như sau tại triển lãm “Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp” (1975 - 1986): “Tài sản cá nhân quý hiếm và niềm mơ ước khó thực hiện của đại đa số gia đình, chuẩn mực của giàu sang”.

Pơ-giô có mấy màu phổ biến: Đỏ ớt, xanh cô-ban, cá vàng. Lắp xích hộp tức xích hai tầng êm ru. Nhìn tổng thể đẹp nhả nhặn. Thế nên chủ nhân của nó guồng xe trên đường, cứ là lên “mấy chân kính” trong mắt đối tượng.

“Đẹp trai lai Pháp, hiếm có khó tìm” mà “đi xe của Bộ” tức đi bộ, hoặc đi xe xấu, xe nội thì vét đĩa. (Từ “vét đĩa” thông dụng như “kém tắm” bây giờ).

Về sau xuất hiện xe máy thì: “Mặt rỗ đi Lơ không bằng lưng gù đi Cúp” “Lưng gù đi Cúp không bằng con cóc ngồi sập gụ” (cóc: chỉ đối tượng cao tuổi). Sập gụ, tù chè cũng một niềm mơ mộng ngất ngây của nhà khó.

Họ xa của gia đình tôi có một người quắc thước đường bệ, dáng đi xe rất đẹp. Ông được cơ quan phân phối chiếc xe Thống Nhất. Mỗi lần đến chơi, xe để ngay cửa vãn ý nhị chìa nửa lớp chắn ngang. Ngồi chuyện trong nhà, mắt cứ chăm chăm nhìn ra sợ kẻ trộm nằng mặt. Là cán bộ cỡ nhỏ, ông đành dùm mua được chiếc Pơ-giô đẳng cấp. Chưa bao giờ tôi thấy nó hạ thổ, lúc nào cũng lơ lửng giữa nhà, mình mẩy băng bó bằng vải trắng. Hình như tận cuối đời ông chủ vẫn không nỡ ngồi lên xe, thôi coi như lưu lại kỉ niệm sâu sắc một thời.”

Hàng xóm thì có nữ y tá công tác ở bệnh viện Saint Paul, ngoài niềm tự hào về nhan sắc - “thời con gái xinh nhì phố Hàng Than, chỉ thua Phương Thanh (diễn viên điện ảnh)” còn là: chiếc xe Mi-pha của Đức mà ngày ngày, nhan sắc vẫn “thân” bẻ bồng lên lên xuống xuống mấy tầng gác, như bẻ cục cụng.

Ca sĩ người gốc phố Huế - Ái Vân cho biết: “Chồng Vân là dân Sài Gòn sang Mỹ, anh ấy không thể tưởng tượng được tại sao đẹp trai đi bộ lại không bằng mặt rỗ đi Lơ, rằng một chiếc xe đạp dù của Pháp lại giá trị đến thế”.

Chiếc xe máy Pơ-giô 103 Ái Vân từng sở hữu mới gọi là đỉnh! Vân bèn bỏ túc cho ông xã một ít kiến thức: *Một yêu anh có Sen-kô/ Hai yêu anh có Pơ-giô cá vàng/ Ba yêu nhà cửa đàng hoàng/ Bốn yêu hộ khẩu rõ ràng Thủ đô...*

Đây còn là tiêu chuẩn của thời khá, chứ cao điểm khó khăn, cả Hà Nội ăn bo bo thì: *Một yêu anh có may-ô/ Hai yêu anh có cá khô ăn dần/ Ba yêu rửa mặt bằng khăn/ Bốn yêu anh có chiếc quần đùi hoa...*

Giai thoại chiếc quần đùi: Anh nọ đến bệnh viện tiêm đùi, bác sĩ yêu cầu “thoát” quần dài. Anh nhăn nhó, e thẹn. “Ồ cái anh này lạ nhỉ, đàn ông với nhau ngại gì” “Nhưng em không có quần đùi” “Ồ cái anh này lạ nhỉ, thế anh tưởng tôi có chặc!” “*Bắt phanh trần phải phanh trần/Cho may-ô mới được phần may-ô*” hẳn cũng được chế tác trong giai đoạn này...

Sinh viên dĩ nhiên ăn khổ, bát canh toàn quốc nước chấm đại dương, nên mới có chuyện: Căng tin có bữa dọn món cá hắc hoi, các trí thức tương lai ngắm đĩa thức ăn, than: Khổ thân mày cá ơi, đầu mày đây mà mình mày đâu.

Phở - nhân vật trong cuộc sống lứa đôi

Phở, ngon tuyệt, cũng ám ảnh những đứa trẻ ở phố. Ốm mới được ăn, nên hay đập bệnh, lừa bố mẹ rằng khó ở. Người lớn cũng có tiêu chuẩn riêng của người lớn.

Một trong những điểm độc đáo của hàng phở phố Bà Triệu đoạn cắt Lý Thường Kiệt là tên các thành viên trong gia đình: Hoàn, Toàn, Phấn, Khởi, Tiến, Bộ, Tươi. Điểm nữa: Con dâu nhà này - Tuyết Hằng, xinh tuyệt với da mịn, lúm đồng tiền duyên dáng, mũi dọc dừa.

Hằng là danh ca đội Họa Mi - Cung thiếu nhi Hà Nội, hát “Em đi giữa biển vàng” trên Đài, trên ti vi thì hay ngang Hải Vân của đội Sơn Ca Đài Tiếng nói Việt Nam nhưng xinh hơn. Một bạn gái xinh đẹp khác của tôi cũng suýt đầu quân vào nhà này, yêu chàng út da trắng môi đỏ tên Tươi!

Phở cho đến giờ luôn hấp dẫn, đầy phong vị, chả thể có người ăn thay cơm, còn chuyện phở kể cả ngày được, ngào ngạt hương vị đời thường. Như chuyện tác giả của những ca khúc trữ tình và nhạc phim nổi tiếng nọ, ngày xưa cũng nổi tiếng luôn với lập ngôn: “Đọc hết tổng phở rồi”. Nguyên do anh hay khoe chuyện rất dễ dàng cura đồ các em, với “bài” tán: Rủ đi chơi, đêm về có bồi dưỡng phở! Chỉ phở mà đọc hết tổng phở của người ta ư?

Quầy tạp

Chiếc đài Rigonda tổ bố, ti vi đen trắng Nép-tuyn, ti vi Sa-tuyn Liên Xô, quạt Tai Voi... là những vật dụng sang trọng trong ngôi nhà khá giả, do thành viên đi nước ngoài học tập công tác sắm.

Áo lông Đức cũng từng là biểu tượng, hoài niệm hình ảnh lung linh của các chàng khoa Lý, hàng xóm khoa Văn Tổng hợp chúng tôi - giữa thập kỉ 80. Cả khóa 30 bọn họ diện áo lông Đức màu cỏ úa, màu bộ đội... nom ngời ngời, đi đến đâu nữ sinh nhất là dân ngoại tỉnh ngoái sái cổ.

Trào lưu “cứu nước cứu nhà” - xuất khẩu lao động bắt đầu nổi từ đầu những năm 1980. Đội đi Liên Xô sáng tác về rất hay ho thống thiết phỏng theo Hịch... về những dây may so, bàn là, áo phong cảnh mai...

Một trong bọn họ mà tôi quen, quyết chí đi Liên Xô mang sức trẻ đổi lấy bàn là, nồi áp suất... Được ít lâu đã thấy tò tò về, chưa kịp sắm sửa gì, bởi trót mang bầu. Thằng bé đẻ ra được cả nhà gọi “Saratov không ra đá” (Saratov: tủ lạnh Liên Xô, cũng một đỉnh cao mơ ước).

Dương Phương Vinh

XUẤT DƯƠNG GIÚP NƯỚC, CỨU NHÀ

Trong suốt 30 năm hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1946-1975), nước ta đã được bầu bạn năm châu viện trợ không hoàn lại rất lớn, nhưng vay nợ cũng không ít. Bởi vậy từ đầu những năm 1980 phải bắt đầu xuất khẩu lao động để có thêm nguồn tài chính trả nợ. Trong lúc nước ta dư thừa nhân công, không đủ việc làm, có những nước sẵn sàng tiếp nhận và bố trí việc làm cho lao động Việt Nam. Đó là điều rất quý, đáng trân trọng, bởi như vậy Nhà nước ta có thêm những khoản tiền trả nợ và từng cá nhân “đi xuất khẩu lao động” có của ăn của để về giúp gia đình. Qua mấy năm làm việc ở nước ngoài, mỗi người cũng có cơ hội nâng cao tay nghề và thu nhận được những điều bổ ích khác. Xuất khẩu lao động có nhiều dạng, song trong những năm mới bắt đầu “khai phá” lĩnh vực này, chủ yếu chúng ta mới chỉ thực hiện hai hình thức: Đưa những toán đông thanh niên (mỗi đoàn vài trăm người) đi làm các nghề không đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao tại nhà máy của các nước xã hội chủ nghĩa anh em (thời đó) và cử đại biểu trí thức thành thạo ngoại ngữ Anh, Pháp đến các nước châu Phi giảng dạy cao đẳng và đại học, làm chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là y tế và nông nghiệp.

Ngày ấy tôi có may mắn làm phóng viên thường trú TTXVN tại Liên Xô, có nhiều dịp tới tham quan các nhà máy của bạn, tiếp xúc với lãnh đạo nhà máy và với anh chị em công nhân Việt Nam. Bởi vậy, tôi rất hiểu tâm tư tình cảm của người xa xứ, nỗi nhọc nhằn, sự vất vả của người lao động và cả tâm trạng bức xúc của những người đồng hương. Theo các hiệp định về hợp tác lao động giữa nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, hàng năm chúng ta cử hàng chục nghìn lao động trẻ khỏe tới các nước đó làm việc. Ngày ấy những anh chị em này được gắn một cái mác chung là “lao động hợp tác”. Đương nhiên không phải mọi thanh niên có sức khỏe, có một chút hiểu biết về một nghề nào đó và có nguyện vọng “lao động hợp tác” là đã đủ điều kiện để được xem xét “xuất dương”. Hơn nữa, nếu muốn lựa chọn đất nước mà mình yêu thích, thì còn phải tuyển lựa qua rất nhiều tiêu chí và thủ tục khác.

Cũng không rõ nguồn cơn từ đâu, căn cứ vào những tiêu chí nào mà rất nhiều thanh niên thích đi lao động ở CHDC Đức (nay đã thống nhất vào CHLB Đức), tiếp đến là Tiệp Khắc (nay đã phân chia thành hai nước CH Szech và CH Slovakia), rồi mới đến Liên Xô và Bungari... Tôi đoán rằng nguyên nhân chủ yếu là vì lợi ích kinh tế. Đã đi lao động kiếm tiền, thì mấy ai không nghĩ tới đồng lương, thu nhập thực tế cao để có thể gửi về giúp gia đình được nhiều nhất. Thời ấy chỉ những nhà nào thật giàu có mới có thể tậu được chiếc xe đạp Mifa, hay chiếc xe máy Mukich (sản phẩm của CHDC Đức). Những ngày gió mùa Đông Bắc rét thấu xương, chàng thanh niên nào khoác chiếc áo lông Đông Đức, thì cứ gọi là khối cô gái phải xuýt xoa nhìn theo. Những chiếc xe máy Babeta và xe đạp Favorit hay Eska (sản phẩm của Tiệp Khắc) một thời cũng là niềm mơ ước của dân mình. Người đi lao động hợp tác ở Liên Xô thì chỉ có thể đem về giới lắm là chiếc tủ lạnh Saratov, vài chiếc nồi hầm, bàn là, máy bơm nước Kama và một đồng hồ kính xoong, chậu nhôm... Các nước xã hội chủ nghĩa thuở ấy theo đuổi chế độ quan liêu bao cấp, xây dựng một nền kinh tế không cạnh tranh, không theo quy luật cung - cầu... nghĩa là cũng chỉ sản xuất cho dân họ đủ tiêu dùng “theo kế hoạch”, chứ không phải là nền sản xuất hàng hóa. Bởi vậy họ chẳng ưa gì những người mua nhiều, bất kể thứ hàng nào.

Thanh niên mình sang lao động hợp tác tại các nhà máy Liên Xô khá đông, lúc cao điểm lên tới hơn trăm nghìn người, tập trung phần lớn ở các thành phố Nga, nhất là quanh ngoại ô Mátxcova. Nếu như năm 1981, năm đầu tiên thực hiện Hiệp định hợp tác, có khoảng một hai nghìn lao động Việt Nam ở khu vực quanh thủ đô Mátxcova, thì chỉ sau đó hai ba năm, khu vực này đã có hàng chục nghìn lao động Việt Nam. Lúc chuẩn bị lên đường, ai cũng yên trí rằng lao động xuất dương trước hết sẽ được đào tạo một nghề tinh thông. Mấy năm sống ở nước bạn sẽ được ăn sung, mặc sướng, chỗ ở đàng hoàng. Ngoài giờ làm việc có thể đi chơi đây đó, được chiêm ngưỡng những danh lam thắng cảnh, được hiểu biết bao điều mới lạ của những xứ sở mà ngày ấy được coi là “thiên đường nơi trần gian”... Và khi về nước ít nhất cũng có lưng vốn kha khá làm cơ sở ban đầu để xây dựng “tổ ấm” riêng cho mình. Thực tế đâu phải như vậy! Người đi “lao động hợp tác” về thực chất là đi làm thuê, làm mướn, đâu có được tự do đi lại trên nước bạn. Muốn đi chơi Mátxcova hay bất cứ một thành phố nào khác đều phải được chính quyền địa phương cấp visa (một thứ giấy thông hành đi từ địa phương này tới địa phương khác). Mỗi quý chỉ được cấp một lần. Lãnh đạo các nhà máy có sáng kiến động viên công nhân Việt Nam hăng hái thi đua làm việc bằng “phần thưởng visa”. Ai làm được nhiều sản phẩm và chất lượng bảo đảm thì không những được tiền thưởng, mà còn được cấp visa đến Mátxcova nhiều hơn, kể cả số lần và thời hạn lưu lại.

Anh chị em lao động Việt Nam mong muốn, háo hức đến Mátxcova không phải chỉ để tham quan Cung điện Kremli cổ kính, Quảng trường Đỏ lịch sử, vào Lăng viếng Lênin, thăm thú các bảo tàng văn hóa - nghệ thuật, lịch sử, hay những danh lam thắng cảnh khác, mà khi ở quê nhà chỉ được biết qua sách báo, phim ảnh. Họ tới thủ đô còn vì một nhu cầu tình cảm cũng rất đáng trân trọng là tìm đồng hương, giao lưu kết bạn. Và sau nữa, hầu như ai cũng có nhu cầu tìm mua các đồ dùng cần thiết, gửi về cho gia đình. Những năm mới ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài bị bom đạn cày xới, sản xuất đình đốn, lại bị Mỹ và các đồng minh của Mỹ bao vây cấm vận, dân ta thiếu đủ thứ. Chính vì vậy, mọi nhu yếu phẩm, các mặt hàng công nghiệp đều phải phân phối. Người thân đi lao động ở nước ngoài gửi về cái gì cũng quý, cả từ cái kim, sợi chỉ, bánh xà phòng, lưỡi dao cạo râu, đến xe đạp, xe máy, máy thu thanh, thu hình, tủ lạnh... Ở Liên Xô thời đó cũng chỉ Mátxcova và một vài thành phố lớn khác mới phong phú các mặt hàng. Bởi thế có người “lao động hợp tác” nào ở Liên Xô mà lại không thích đến Mátxcova cơ chứ!? Cứ đến hai ngày nghỉ cuối tuần, từng nhóm, từng nhóm dăm bảy người, tổng cộng có đến hàng trăm người, từ khắp các nẻo đường ngoại ô Mátxcova theo những đoàn tàu Electricchka (tàu đường sắt đầu kéo điện) vào thành phố. Họ đi tham quan danh lam thắng cảnh, lang thang tìm mua đồ dùng ở các cửa hàng bách hóa, đồ gia dụng, cửa hàng thuốc... tới các ký túc xá sinh viên thăm bè bạn đồng hương. Những năm còn tồn tại Nhà nước Liên Xô, cảnh sát không những nhiều quá như thời kỳ hậu Xô Viết. Cảnh sát thời Xô Viết không bao giờ vô cớ hạch sách giấy tờ tùy thân và khám xét giữa đường bất cứ người Việt Nam nào. Thậm chí trong nhiều trường hợp, họ còn giúp đỡ rất thân tình đồng bào chúng ta. Có thể nói trước năm 1990 cảnh sát Mátxcova thực sự là “những người bạn dân”, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ và giúp đỡ nhân dân, cả ban ngày lẫn ban đêm, cả với đồng bào của họ, cũng như khách nước ngoài. Bởi thế khi đã vào địa phận Mátxcova, anh chị em lao động Việt Nam có thể tự do đi lại như trên quê hương mình.

Gian nan, vất vả nhất vẫn là chuyện tìm mua đồ dùng cần thiết và những mặt hàng đang được ưa chuộng, đang có giá ở quê hương. Cũng phải nói thêm rằng thời ấy không có chuyện gửi ngoại tệ về nước. Dành dụm được đồng nào phải biến thành quà cáp, hàng hóa chuyển về. Lương tháng của công nhân sau khi nhà máy đã trừ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền nhà ở và nhiều thứ tiền khác nữa,

cũng như khâu trừ một phần đáng kể chuyển vào Quỹ để nước ta trả nợ nước bạn, còn lại được phát bằng tiền mặt trực tiếp cho từng người lao động. Mọi người tự lo việc ăn uống. Nam giới ngại vào bếp thì đi nhà ăn tập thể, đi cửa hàng ăn uống công cộng. Nữ giới chăm chỉ hơn và nhất là không hợp các món ăn Âu châu, thường tập hợp từng nhóm dăm ba người đồng khâu vị tổ chức bếp ăn riêng. Cánh nữ chăm chỉ làm việc, lại tần tiện hơn, không rượu chè, cà phê, thuốc lá, nên cũng thường tích lũy được nhiều hơn. Phần lớn công nhân mình được sắp xếp làm việc bên những cỗ máy, thiết bị đáng lẽ đã bị loại bỏ và thay thế hiện đại hóa từ lâu, song vẫn được tận dụng (thực ra, thời ấy nước bạn cũng chưa đủ điều kiện và tiềm lực để thường xuyên đổi mới thiết bị). Mặc dù vậy, với bản tính cần cù, miệt mài lao động suốt thời gian mỗi ca làm việc, nên số lượng sản phẩm của công nhân mình vẫn thuộc loại cao. Những năm 1980, tiền lương trung bình thực lĩnh của một công nhân dệt Việt Nam khoảng 180-250 rúp (tương đương 220-300 USD, theo tỷ giá hối đoái chính thức khi đó. Nhưng trên thị trường “chợ đen” thì phải 4-4,5 rúp mới mua được 1 USD). Với thu nhập như vậy, hàng tháng mỗi công nhân dệt có thể dành ra 120-180 rúp để mua các thứ gửi về giúp gia đình.

Tôi đã chứng kiến, đã biết hàng trăm trường hợp khổ sở, ê chề của đồng bào mình khi đi mua hàng. Thật ra phần lớn người Nga rất tốt, giàu lòng vị tha, rất thông cảm với nhân dân Việt Nam đã 30 năm phải chịu chiến tranh tàn phá, không có điều kiện phát triển sản xuất, nên thiếu thốn đủ thứ. Nhưng cũng không ít người Nga tỏ ra bức bối, khó có thể thông cảm với lối mua bán của một số anh chị em mình. Liên Xô sản xuất cái gì cũng theo kế hoạch, đâu có phải là một nền kinh tế hàng hóa, bán được càng nhiều càng quý như trong cơ chế thị trường. Với số dân 250 triệu người, họ tính toán một năm cần bao nhiêu nồi hầm, bao nhiêu bàn là, bao nhiêu tủ lạnh... Thế nhưng người mình thấy gì “ưng” là vét sạch. Bởi thế mới có chuyện “đánh sập cửa hàng!”, hoặc “mua diệt chủng!”... Những năm 1982-1986, nồi hầm, bàn là, phích kim loại lưỡng dụng (vừa có thể giữ nóng, vừa có thể giữ lạnh), máy bơm nước Kama, quạt máy Orbita, tủ lạnh Saratov... rất được giá ở trong nước. Thế là dân ta lòng sục, vất sạch những thứ đó ở các cửa hàng Mátxcova. Một lần, vừa thấy hai ô tô tải chở đầy nồi hầm tới cửa sau của cửa hàng “1000 Melochei” (Nghìn mặt hàng lật vặt) trên đại lộ Lênin, chưa đầy một giờ sau toàn bộ số nồi hầm đó đã được chuyển ra xếp như mấy bức tường hoa trước cửa hàng. Người qua đường, nếu không biết, cứ nghĩ hôm đó cửa hàng vì lý do nào đấy mà phải nhập hàng từ phía cửa trước. Ai dè, đã có mấy người Việt Nam mua sạch, chuyển ra cửa, đang chờ xe chuyển đi! Có lẽ vì vậy, về sau các cửa hàng đã rút kinh nghiệm chỉ bán cho mỗi người mua một số lượng có hạn, tùy theo mặt hàng. Thế nhưng, từ đó lại nảy sinh hiện tượng móc ngoặc giữa nhân viên cung ứng của cửa hàng với người mua Việt Nam. Thậm chí, những người này còn cho nhau số telephone để tiện thông báo cho nhau khi nào có mặt hàng gì (mà người Việt Nam thích mua) và đưa về cửa hàng nào. Thường thì đây phải là những nghiên cứu sinh, sinh viên ở ngay trong thành phố kết hợp cùng với công nhân ở ngoại ô. Đương nhiên, khi móc ngoặc như vậy, thì nhân viên cửa hàng cũng được trả thêm (lãnh đạo cửa hàng không thể kiểm soát hết). Những người đã mua với số lượng lớn như thế không phải chỉ để gửi về nước, mà chủ yếu là để bán lại cho những người đồng hương nào có nhu cầu mà không mua được tại cửa hàng. Như vậy đã manh nha hình thành thị trường “chợ đen” ngay trong cộng đồng người Việt ở Liên Xô từ thời ấy. Nhiều người đi công tác ngắn hạn, hoặc chỉ dừng chân ít ngày ở Mátxcova, mà muốn mua mấy thứ “cua hiếm theo đơn đặt hàng của bà xã”, thì tốt nhất là nên đến “thị trường” này, chứ còn đi tìm ở cửa hàng nhiều khi chỉ mỗi chân, dặc căng! Giá mua lại so với giá chính thức chênh nhau không nhiều lắm, nên khi cần, mọi người đều có thể tìm đến. Giá của các mặt hàng sản xuất tại Liên Xô đều ghi rõ ngay trên sản phẩm hoặc bao bì. Ví dụ chiếc nồi hầm ghi giá 14 rúp, thì mua lại cũng chỉ 18-20 rúp, bàn là 7,5 rúp mua lại với giá 10-12 rúp, phích lưỡng dụng giá ghi 40 rúp mua lại 55-60 rúp, tủ lạnh Saratov

210 rúp phải mua lại với giá 280-300 rúp... Nói chung, giá mua lại ở thị trường “chợ đen” thường đắt hơn 30-40%. Một số nghiên cứu sinh hoặc đội trưởng, phiên dịch các đội “lao động hợp tác” đã nhờ mảnh lời đầu cơ này mà “phất” lên nhanh chóng.

Đi mua với số lượng lớn ở cửa hàng nhiều lúc cũng khôn khổ, nhất là anh chị em công nhân vốn liếng tiếng Nga còn “quá ngắn”. Một lần tôi đã chứng kiến câu chuyện vừa giận, lại vừa thương của đồng bào mình khi đi mua hàng. Chuyện là thế này, mấy chị em ở thành phố Orekhovo-Zuevo lên Mátxcova chơi, thấy ở một cửa hàng đồ điện có bán nhiều dây may-so, liền tới quầy trả tiền, xếp hàng để nhận hàng. Đương nhiên, lần thứ nhất không có vấn đề gì: séc ghi 5 rúp thì nhân viên cửa hàng trao 20 sợi dây may-so (giá ghi 25 côpéc/sợi, cứ việc nhân nhầm mà trả tiền). Ngay sau đó hai cô quay lại mua lần thứ hai. Cô thứ nhất đưa séc 5 rúp, nhân viên bán hàng có vẻ bức bối cau có, nhưng vẫn trao đủ 20 sợi dây. Khi cô thứ hai chìa séc và bảo: “Tôi cũng mua may-so”, thì nhân viên bán hàng ném ra luôn một lời phỉ báng: “Các cô mua để ăn hay sao mà mua nhiều thế!”, rồi đặt chiếc séc 5 rúp đó trên mặt quầy, chưa chịu trao hàng ngay, mà lại nhận séc và trao hàng cho người đứng sau. Tình cờ lúc đó tôi cũng đang xếp hàng mua vài thứ đồ điện. Mắt thấy tai nghe đầy đủ sự việc, lòng tự trọng dân tộc trỗi dậy, không thể kìm chế, tôi giằng nắm dây may-so mà một cô vừa mua, đặt lên mặt quầy: Chị xem đây là cái gì? Kim loại phải không? Chị có thể ăn được kim loại không? Thế thì tại sao chị lại nói như vậy!? Mấy người Nga đang xếp hàng cũng đồng tình: Anh ấy nói đúng đấy, nếu không thể bán nhiều thì giải thích cho khách hàng biết, chứ không được xử sự như vậy. Lại nói tại sao người mình mua nhiều dây may-so. Vì ngày đó tuy nước ta rất thiếu điện, nhưng do chế độ quản lý quá sơ hở, nên nhiều người ở các khu tập thể tha hồ xài điện, chỉ cần mua sợi dây may-so với khuôn đất chịu nhiệt là đã có bếp điện có thể dùng điện vô tội vạ: nấu ăn, đun nước tắm, thậm chí hâm cả cám lợn mà không phải trả tiền. Người đi nước ngoài về tặng bạn bè dây may-so thì quý hóa quá!

Có được đồ rồi, đến công đoạn gửi về nước, cũng đâu có dễ dàng. Mỗi cán bộ mãn hạn công tác về nước cũng thường phải “gánh vác” một số lượng không nhỏ các loại quà của anh chị em công nhân gửi về cho gia đình. Đương nhiên, đây chỉ có thể là quà tình cảm, không mang tính chất kinh tế. Sau nhiều lần Cục hợp tác lao động (Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội) đàm phán với phía bạn và Đại sứ nước ta tại Liên Xô trực tiếp làm việc và yêu cầu, phía bạn mới đồng ý để “lao động hợp tác” nước ta mỗi năm được gửi một thùng hàng khoảng 1,2 m³ qua đường biển và mỗi tháng 10 kg qua đường bưu chính. Đương nhiên danh mục và số lượng đều phải qua kiểm tra gắt gao của Hải quan, cho phép gửi những gì và số lượng tối đa bao nhiêu. Rõ ràng không phải ai cũng dành dụm được nhiều tiền và càng không thể kiếm được những mặt hàng giá trị (theo nhu cầu trong nước) để gửi về. Và lại, không phải mọi người đều có thể tới các bưu điện trung tâm (được chỉ định), hay ga đường sắt gửi hàng chậm đi Odessa, từ đó chở đến nước ta qua đường biển. Thế là lại nảy sinh “thị trường” mua bán tiêu chuẩn gửi hàng và “dịch vụ gửi hàng”. Thậm chí cả một số công nhân và nhân viên hải quan Nga cũng tham gia lĩnh vực dịch vụ này, nhất là việc gửi hàng thùng theo tiêu chuẩn hàng năm. Rất nhiều chị em đã nhờ tới các đồng nghiệp Nga, họ lấy phí dịch vụ vừa phải và rất thích được tặng thêm chai rượu Lúa Mới, hay rượu Nếp Mới. Người bản xứ có nhiều thuận lợi để làm việc đó và họ cũng cần có thêm thu nhập.

Tôi cũng đã tới Trung tâm Bưu điện trên Đường Warshawa ở Quận Tây - Nam Mátxcova để quan sát, tìm hiểu về việc gửi suất quà hàng tháng của người lao động hợp tác. Theo quy định của Hải quan nước bạn, ngoài những mặt hàng cấm theo thông lệ quốc tế và quốc gia; không được gửi hàng thể lỏng,

những đồ dễ vỡ, quần áo, giày dép và các mặt hàng mà nước sở tại đang khan hiếm... Chỉ được gửi những hàng gọn nhẹ, không cồng kềnh vì kích cỡ bao bì đã xác định. Và đương nhiên mọi thứ đều bị hạn chế số lượng. Thực ra anh chị em mình cũng chỉ tập trung gửi một số mặt hàng thiết thực, được trong nước ưa chuộng. Với thùng hàng 10 kg, giá trị bên trong chỉ được 9 kg: Chẳng hạn, một chiếc bàn là hoặc nồi hầm hay phích lưỡng dụng, 5 dây mai-so, 2 kg đường hoặc kẹo, 20 cuốn vở học sinh hoặc 5 thép giấy, 10 bánh xà phòng thơm hoặc xà phòng giặt (loại 72%, thường đen gần như màu đất và khá hôi), tối đa 5 hộp lưỡi dao cạo râu (lezvie), 10 cuộn chỉ nhỏ, 5 bao kim khâu... và một vài đồ linh tinh khác. Nhân viên hải quan ngày nào cũng bắt gặp những thùng hàng na ná như vậy, có lẽ cũng ngao ngán lắm. Tôi đã từng nghe được những lời nhận xét của họ. Cô nhân viên hải quan trẻ: “Sao người nào cũng gửi mấy cái đồ lảm cẩm này, thật kỳ cục!” Bà hải quan đứng tuổi, có lẽ là sếp, giải thích: “Em không hiểu đây thôi, Việt Nam mới ra khỏi cuộc chiến tranh miền mấy chục năm liền, làm gì có điều kiện phát triển sản xuất, nên cái gì cũng thiếu. Liên Xô tiến hành cuộc Chiết tranh Vệ quốc chống phát xít Đức kéo dài chỉ 4 năm, mà cũng phải chịu đựng khó khăn trăm bề, thậm chí có cả chết đói, chết rét, hàng chục năm sau mới khôi phục được.” Quả là chỉ những người đứng tuổi, bản thân từng trải nghiệm nhiều gian khổ thời chiến, mới thấu hiểu và thông cảm được những khó khăn của nhân dân ta thời ấy.

Mà như vậy đâu đã hết. Số phận mỗi thùng quà, kể cả suất hàng năm gửi chậm theo đường biển, hay suất hàng tháng theo đường bưu điện (đều rất nhỏ nhoi, theo giá trị hiện nay, nhưng lại vô cùng có ý nghĩa ngày ấy) đến tay người nhận cũng còn lắm gian truân, thậm chí còn bị “bốc hơi” hoặc “bị thất lạc” giữa đường, nhất là địa chỉ người nhận lại ở các vùng nông thôn xa trung tâm hành chính. Hơn thế nữa, không hiểu sao ngày ấy quy định của Hải quan nước mình rất kỳ cục, nhiều khê. Người được gửi quà, ngoài Giấy chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, còn phải xin đủ các loại giấy chứng nhận của cơ quan, xã, phường... nghĩa là bị hành đủ điều. Trong nước nhiều mặt hàng chưa sản xuất được, hoặc nếu đã sản xuất thì số lượng cũng rất khiêm tốn, đáng lẽ cần khuyến khích gửi từ nước ngoài về để dân có cái dùng, thì lại chủ trương hạn chế. Thậm chí có thể gọi là ngăn chặn, mà những mặt hàng ấy có độc hại gì đâu! Trong khi nước bạn cho phép mỗi người đã làm việc dài hạn (một năm trở lên) được gửi, được mang về vài ba chiếc tủ lạnh, vài ba chiếc máy khâu, dăm chiếc máy bơm nước loại nhỏ (dùng cho nhu cầu gia đình), hàng chục bàn là, nồi hầm... nghĩa là số hàng tương xứng với số tiền họ thu nhập chính đáng, thì chúng ta lại hạn chế thứ này một chiếc, thứ kia hai chiếc, ba chiếc... Rõ ràng sự hạn chế đó là bất hợp lý, có lẽ xuất phát từ một quan điểm lo sợ dân mình trở thành những con buôn! Năm 1983, trong một lần về phép, tôi đã từng chứng kiến tại sân bay Nội Bài cảnh tịch thu, hoặc thu mua những “hàng quá tiêu chuẩn”. Mấy công nhân về phép mỗi người xách tay hai chiếc phích Trung Quốc, thế nhưng nhân viên hải quan giải thích rằng tiêu chuẩn mỗi người chỉ được đem về một chiếc, số vượt quy định phải được thu mua (với giá bèo bọt so với thị trường “chợ đen”). Một anh khăn khăn xin mãi: “Em về phép, mua cho vợ con một chiếc phích, tặng nhạc gia một chiếc. Chẳng lẽ tặng mẹ vợ, con lại không có cái dùng. Mà để lại cho vợ con dùng, thì hóa ra thất hứa với bên ngoại”. Nhưng nói thế nào cũng vô ích thôi, vì đó đã là quy định! Thế rồi, chẳng hiểu cậu ta “vô tình” hay “hữu ý” đá vỡ chiếc phích “quá tiêu chuẩn”. Nhân viên hải quan quát tháo: “Cậu phá hoại à?” “Dạ không, em vội nên vấp phải thôi ạ” - cậu ta trả lời. Thôi thì, dù sao cũng đã qua lâu rồi cái thời còn nhiều ấu trĩ!

Hơn 10 năm sau tôi có dịp trở lại làm việc ở Nga, gặp lại một số khuôn mặt quen “lao động hợp tác”. Chả là, chính sách perestroika (cải tổ) của M. Gorbachev, được thực hiện từ năm 1986, có nhiều

sai lầm, đã dẫn đến phá vỡ Liên bang Xô Viết. Nhiều nhà máy phải đóng cửa, không có điều kiện bồi thường và mua vé cho công nhân Việt Nam về nước. Một số người dành dụm được chút đỉnh, cố mua tấm vé “bỏ của chạy lấy người, hồi hương”. Số đông còn lại túm năm tụm ba, dựa vào nhau lần hồi kiếm sống. Những năm đầu của thời hậu Xô Viết, nền kinh tế nước Nga trở nên quá tiêu điều đến mức không thể hiểu nổi. Những cửa bách hóa, đồ gia dụng, cửa hàng thực phẩm... chỉ vài năm trước đó còn phong phú, hàng hóa đa dạng, người mua tấp nập như trẩy hội, thế mà vào đầu những năm 1990, các quầy hàng hầu như trống rỗng. Người mình chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm, mua chỗ này bán chỗ kia. Thậm chí sang cả Ba Lan, CH Czech, Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc... đánh hàng bình dân phục vụ các tầng lớp dân nghèo nước Nga. Nhờ vậy, nhiều người cũng đã khá lên, rồi họ đứng mũi chịu sào mở chợ, tổ chức cho bà con mình buôn bán tập trung. Gặp lại bà con quen biết cũ, ôn lại chuyện thời bao cấp (cả ở nước mình và nước Nga), ai cũng tâm đắc lời cha ông ta đã dạy: “Trong cái khó ló cái khôn”, cần cù, nhẫn nại đã dành. Phải đoàn kết và năng động, nắm chắc thực tế để tích cực hòa nhập, phát huy tối đa thế mạnh và kiềm chế tới mức tối thiểu các nhược điểm của cộng đồng. Ai đâu có ngờ được rằng hàng trăm “lao động xuất dương” sang Liên Xô ngày ấy, giờ đây đã trở thành những “đại gia” trong cộng đồng người Việt mình ở nước Nga!

Ngô Gia Sơn

Nguyên Trưởng Phân xã TTXVN tại LB Nga

KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

Tôi sinh ra và lớn lên trong thời bao cấp, tuổi thơ tôi in đậm hình ảnh thời kỳ này. Tôi không có ý định lên án, chỉ trích hay than thở về những khó khăn của thời bao cấp. Mỗi thời kỳ lịch sử có sứ mạng của nó và có những lý do để nó tồn tại.

Tôi nhớ lại thời kỳ này với nỗi thương yêu và sự khâm phục cha mẹ tôi và những người lớn cùng thời của họ. Khó khăn là thế, thiếu từ những cái nhỏ nhất, vậy mà họ vẫn vượt qua, vẫn sống trong sạch và điều vĩ đại nhất là họ vẫn nuôi dạy chúng tôi nên người. Sống trong thời đại ngày nay, với điều kiện kinh tế tương đối tốt, và nhất là khi đã có gia đình và làm cha làm mẹ, tôi mới cảm nhận hết những gì cha mẹ tôi đã vượt qua trong thời bao cấp xa xôi ấy.

Hẳn các bạn còn nhớ câu: Buồn như mất sỏ gạo. Tôi thì còn cảm nhận được nó một cách trung thực nhất, sống động nhất. Hôm ấy, mẹ tôi dậy sớm để đi xếp hàng mua thực phẩm. Trời mùa hè, nắng và oi bức, mãi gần 12 giờ trưa bố con tôi vẫn chưa thấy mẹ về. Cả nhà sốt ruột vì đã đến giờ cơm trưa. Rồi tôi nhìn thấy mẹ, thần thờ, mặt trắng bệch, dắt xe đạp đi vào nhà. Tôi không bao giờ quên khuôn mặt mẹ tôi lúc ấy: Nước mắt còn đọng trên mi, khuôn mặt ngơ ngác và thất thần. Mẹ chỉ nói được câu: Mất hết rồi... rồi òa lên khóc. Khi mẹ đã bình tâm lại, cả nhà mới biết, khi mẹ xếp hàng mua thịt thì bị rách túi và kẻ gian đã lấy sạch tem phiếu và tiền. Ngày ấy, mất hết tem phiếu là cả nhà nhịn ăn nhịn mặc cả tháng. Mẹ tiếc của quá không đi nổi xe đạp về nhà, cứ vừa dắt xe về vừa khóc.

Thế đấy, cho dù giờ đây, hai chữ bao cấp như một ký ức xa xôi của mỗi người đã sống qua thời kỳ đó, tôi vẫn nhớ đến nó. Và tôi khâm phục tất cả những ai đã sống vượt qua thời kỳ đó trong đó có cha mẹ tôi.

Nguyễn Hồng Vân

NHỮNG NGÀY KHỐN KHỔ

Bước vào khu vực trưng bày "Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp 1975- 1986", cái đập vào mắt chúng tôi trước hết là một cửa hàng lương thực được tái tạo. Như gặp lại một nơi rất thân quen, chúng tôi ồ lên: Đúng là cửa hàng lương thực phía sau Bệnh viện quân đội 354 đây! Rồi chúng tôi nhớ về những lần đi mua gạo, mua thịt, mua chất đốt... theo chế độ tem phiếu. Vì việc xếp hàng mất rất nhiều thời gian nên nhiều người đã “xí chỗ” bằng gạch đá, bằng mũ, bằng nón. Có lần tôi xếp hàng suốt ba tiếng đồng hồ nhưng khi đến lượt mình thì chị bán gạo tuyên bố ráo hoảnh: Hết gạo rồi, mời các ông, các bà về! Lại có lần mua được gạo hí hửng đem về khoe vợ nhưng khi mở ra xem thì lại là gạo mốc.

Trong khu trưng bày có tái hiện một căn hộ mà cán bộ công chức chúng ta sống thời bao cấp. Trong căn hộ này tôi bắt gặp lại cái chạn bát rất giống cái chạn bát nhà tôi. Và một cái giống nữa là khu vực phụ được dành một diện tích đáng kể để nuôi lợn, nuôi gà. Còn nhiều đồ vật trong căn hộ này hơn hẳn các đồ vật trong các “căn hộ” 9 m² của chúng tôi khi ấy. Vào những năm đó, chúng tôi đâu đã có tivi, tủ lạnh, màn tuyn. Chỉ có những người được đi học hay cử đi công tác dài hạn ở Liên Xô, CHDC Đức... mới có những đồ cao cấp này. Mấy anh em chúng tôi nói với nhau: Gia đình này, nói theo cách nói của tiến sĩ Bùi Xuân Đỉnh – nhà dân tộc học, là thuộc tầng lớp “da trắng” rồi. Còn chúng ta thuộc dân “da đen” cơ mà!

Tại gian trưng bày, chúng tôi thấy lại cuộc sống đầy bươn chải của con người thời bao cấp. Một bà là bác sỹ làm nghề chữa bệnh cho mọi người mà phải cặm cùi ngồi quán thuốc lá thuê, phải làm bánh để đi bỏ mồi kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con. Chúng tôi thời đó trong khu tập thể cũng phải làm như vậy thôi. Ai nấy đều phải xoay xở để cuộc sống đỡ chật vật hơn một tí. Người thì ra ga Hàng Cỏ lấy trứng vịt rồi đem ra chợ Công Vị bán lại. Người nuôi lợn, nuôi gà. Người làm bánh quế, quán thuốc lá để đem “bỏ mồi”.

Và có một nghề rất thông dụng đối với anh chị em khu tập thể khoa học xã hội chúng tôi ngày ấy là nghề “mò cua, bắt ốc”. Số là chung quanh khu tập thể có một cái hồ khá lớn (nối liền với Hồ Thủ Lệ bây giờ). Trong hồ có nhiều cua ốc, tôm cá. Thế là gần như ngày nào chúng tôi cũng lao xuống hồ bắt cá, bắt cua. Tôi nhớ có lần mẹ tôi ở quê ra. Không có gì để đãi mẹ, tôi nói với mẹ: Có cái xoong bị thủng con đem ra chợ để hàn, mẹ chờ con một tí! Rồi tôi nháy mắt với đứa con trai sáu tuổi cùng nhau ra hồ. Khoảng hơn một tiếng sau hai cha con tôi trở về với khá nhiều tôm cua trong cái xoong bị coi là “thủng”. Thấy hai cha con tôi về, mẹ tôi trù mến nói: Lúc nãy mẹ đã ra ven hồ xem hai cha con “hàn” xoong rồi! Mẹ tưởng con tốt nghiệp đại học, có công ăn việc làm rồi thì không phải mò cua, bắt ốc như khi ở quê với mẹ. Nghe mẹ nói, tôi cay cay nơi sống mũi và nước mắt cứ thế trào ra.

Chúng tôi gặp lại trong gian trưng bày tác phẩm "Đứng trước biển" của Nguyễn Mạnh Tuấn, phim "Hà Nội trong mắt ai" của đạo diễn Trần Văn Thủy, bài thơ "Tản mạn thời tôi sống" của nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo và bài thơ "Mùa Xuân nhớ Bác" của Phạm Thị Xuân Khải... Thời đó, chúng tôi say mê xem các tác phẩm dám nói nên sự thật này và cùng hy vọng vào một ngày mai tươi sáng hơn.

Và ngày mai ấy cũng đã đến. Nhưng vẫn không quên... Ôi cái thời bao cấp! Cái thời mà nhiều người chỉ mong sao ăn được một bát cơm không bị mốc, có một cái xe đạp tốt để đi, một cái quạt con cóc để

xua bớt đi cái nóng nực mùa hè, có một cái áo may ô lạnh lặn để mặc, có một đôi dép "Tiền phong" để đi, được mua một miếng thịt lợn có nhiều mỡ để khi xào rau, nấu canh còn thấy hơi hương của chất “thịt”, chất “mỡ”...

Nhìn nhận từ góc độ khác, tôi thấy thời kỳ bao cấp dù sống trong gian khó nhưng tình người với nhau vẫn rất sâu đậm. Trong khu tập thể, chúng tôi chia nhau từng con cua, con cá, cọng rau kiếm được, trồng được; cùng nhau tụ tập tại một gia đình để xem phim, xem đá bóng. Ai về quê ra có ít quà đều đem chia cho các nhà xung quanh. Ai có việc vui, việc buồn đều được hàng xóm láng giềng đến chia sẻ, động viên, giúp đỡ. Trong khu tập thể của chúng tôi thời đó không có những tệ nạn xã hội.

Cho đến bây giờ, mấy gia đình chúng tôi gắn bó với nhau từ thời bao cấp vẫn đi lại thăm hỏi, động viên và giúp đỡ nhau như anh em ruột thịt, cho dù không còn sống chung trong một khu tập thể nữa.

Phạm Hữu Nghị

KHÔNG GÌ LO BẰNG MẤT SỔ GẠO

Thời bao cấp, người dân tìm mọi cách chạy bằng được vào cơ quan Nhà nước để được cấp sổ gạo. Làm việc ở phòng nọ, phòng kia cũng xin bằng được xuống sản xuất để được hưởng tiêu chuẩn lao động nặng từ 17 đến 21kg. Nhiều gia đình làm tư thương bên ngoài, bán quán nước cũng sợ cơ quan phát hiện cắt mất khẩu phần lương thực. Mỗi lần đến kỳ đóng gạo mới vui làm sao: Nhà nhà xếp hàng, người người chen chúc.

Có gia đình dậy từ 3, 4 giờ sáng cử người ra xếp “nốt”, thậm chí xếp bằng cả những cục gạch. Thế là mới có cảnh người ra sau vớt bỏ phần “nốt” của người trước mong chóng đến lượt mình. Thậm chí xếp được sổ rồi, nhìn thấy một chồng cao ngất ngưỡng, cứ thấp thỏm lo mất sổ. Có người bị mất sổ trông mới thảm hại làm sao: Mặt nhệt ra, tái xám, toát hết mồ hôi. Thế là cả tháng đó phải chạy ngược chạy xuôi để lo tạm cấp, trước khi làm được sổ mới. Bây giờ nghĩ lại cười ra nước mắt...

BÙI SĨ CĂN

Cán bộ trừ giáo viên

Ngày ấy, thực phẩm bán theo tiêu chuẩn tem phiếu. Có tem phiếu cho cán bộ, có tem phiếu cho nhân dân. Tem phiếu cán bộ còn phân chia theo mức lương, theo cấp bậc. Nhân dân thành thị mới có tem phiếu, trong đó, trẻ em được ưu tiên hơn, với ký hiệu trên ô tem phiếu có chữ TR. Nhân dân nông thôn mua hàng theo sổ hợp tác xã mua bán.

Tiêu chuẩn tem phiếu định mức, nhưng cũng có khi cửa hàng thực phẩm được nhận về một số hàng ngoài quy định. Hàng ít, chỉ đủ phân cho mỗi bì phiếu cán bộ được mua một số lượng nào đó, hàng dư mới bán đến bìa nhân dân. Hôm ấy, tại bảng thông báo của cửa hàng có ghi: “Mỗi cán bộ được mua 5 quả trứng vịt, cắt ô X”.

Cán bộ lục tục đến mua. Các thầy cô giáo phải dạy học hết buổi mới chạy vội ra cửa hàng, thì được nhân viên cửa hàng đáp tỉnh khô: - Tiêu chuẩn bán cho cán bộ, chứ có bán cho giáo viên đâu! - Giáo viên cũng là cán bộ như các ngành chứ, sao lại không? - Cán bộ là cán bộ, giáo viên là giáo viên, như là như sao được! Các thầy cô ầm ức ra về. Ít lâu sau, cửa hàng nhận về một số tải cá khô. Rút kinh nghiệm lần trước, bảng thông báo ghi chẻ hoe: “Cửa hàng có cá khô cho cán bộ (trừ giáo viên). Mỗi người 3 lạng, cắt ô T”. Các thầy cô càng ầm ức nhưng cãi thế nào được với cửa hàng thực phẩm!

VĂN TIỂU (Lào Cai)

TƯ CÁCH HÒN ĐÁ

Có bao nhiêu người xem triển lãm là có bấy nhiêu cuộn phim quay chậm về hình ảnh và ký ức về thời bao cấp tưởng như đã bị bỏ quên trong kho chứa.” (Nguyễn Quang Sơn, 34 tuổi, một trong những người đến xem trưng bày).

Chỉ cần một hiện vật nhỏ, độc đáo như lọ penicilin đựng mì chính, dân dã như vỏ bao thuốc lá Điện Biên, Tam Đảo thôi cũng có thể nhắc nhở lại không khí một thời. Từ thanh niên tới người đứng tuổi chăm chú xem kỹ từng hiện vật, chỉ trở vội về thích thú, so sánh những hiện vật trưng bày với những thứ đồ dùng mình còn lưu trữ ở nhà và hào hứng kể lại câu chuyện của riêng mình.

Nhiều người trẻ chú ý đến “hòn đá xếp hàng” nhỏ xíu trong tủ kính. Hòn đá ấy từng “đại diện” cho cán bộ nghiên cứu Mai Xuân Hải, công tác tại Viện Hán Nôm. Ông Xuân Hải ghi tên mình và số 127 - số của sổ mua hàng lên hòn đá để giữ một chỗ trong hàng người rồng rắn chực chờ trước cửa hàng thực phẩm thời bao cấp.

Có khán giả trẻ ước: “Giá như bảo tàng cho phục dựng một gian hàng rồi bán vé cho khán giả vào xếp hàng cầm tem phiếu mua đồ như thật. Cảm giác sẽ rất hay”.

Xúc cảm thế hệ

Đứng trước câu chuyện này, mỗi người thuộc những thế hệ khác nhau có tâm trạng khác nhau: “Xem triển lãm xong, em mới hiểu được bố mẹ, ông bà em đã phải sống chật vật như thế nào. Em nhớ ông nội em có cái ca tráng men, hồi còn nhỏ em được uống nước bằng cái ca ấy. Em ấn tượng nhất là khu xếp hàng mua gạo và gian bán hàng tết” - Vũ Thị Nhung, sinh năm 1987, sinh viên năm 1 khoa tiếng Anh Viện đại học Mở chia sẻ.

Đây là lần thứ hai từ khi triển lãm mở cửa, Nhung tới Bảo tàng Dân tộc học. Nhung biết đến cuộc trưng bày trong một chuyến đi thực tế của môn học cơ sở văn hóa Việt Nam và ngay lập tức bị thu hút.

Còn bác Nguyễn Tiến Mỹ, 64 tuổi, nguyên kỹ sư quân đội về hưu, trầm ngâm: “Tôi nhớ lại thời gian khổ và bình đẳng của xã hội, thời vật chất túng thiếu nhưng phẩm chất tốt đẹp hơn bây giờ. Số cán bộ và đảng viên giữ được phẩm chất nhiều hơn bây giờ”.

Những cơn gió dũng cảm

Trước và sau “trái bom thơ” của Phạm Thị Xuân Khải, còn có nhiều văn nghệ sĩ như nhà thơ Thanh Thảo, nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo, nhà văn Thái Bá Lợi, đạo diễn Trần Văn Thủy, nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma Văn Kháng... Giờ thì bài thơ và tác giả Xuân Khải cùng hiện diện tại khu trưng bày, sẵn sàng cởi bỏ nỗi lòng về thời đã qua.

Những ví dụ về sự ấu trĩ trong quản lý văn hóa thời bao cấp cũng được chính những nhân chứng cùng thời với Phạm Thị Xuân Khải kể lại trước ống kính máy quay của những người làm bảo tàng và được đem phát tại chỗ dưới chủ đề “Quản lý xã hội và văn hóa”. Chủ đề này được đặt ở vị trí trung tâm trong không gian trưng bày.

Có thể coi đây là lần đầu tiên, những câu chuyện về khó khăn của văn nghệ sĩ được công khai một cách có hệ thống. Người lo việc “bếp núc”, tiến sĩ Mai Thanh Sơn, thư ký dự án “Cuộc sống ở Hà Nội

thời bao cấp”, nói: “Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi là những người làm lịch sử, làm khoa học, cần phải trung thực. Đây là thời điểm thích hợp nhất để nói. Chúng ta đang tổng kết 20 năm đổi mới. Cần phải biết rằng có những người đã phải trả giá cả một phần đời. Đó là những trái tim trong sáng, dũng cảm, đại diện cho tâm trạng một thời. Thế hệ trẻ hôm nay cần phải biết được điều đó”.

Uyên Ly

THỜI BAO CẤP VỚI THẾ HỆ 8X

Cảm thông, xúc động khi được biết về một thời khó khăn, khổ cực của ông bà, cha mẹ - đó là nhận xét chung của đa số bạn trẻ thế hệ 8X sau khi tham quan Triển lãm "Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp" được tổ chức tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

Chút ký ức đọng lại

“Một yêu anh có may ô

Hai yêu anh có cá khô ăn dần

Ba yêu rửa mặt bằng khăn

Bốn yêu anh có chiếc quần đùi hoa...”

Đang theo dõi đoạn video về cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp, tôi phải ngoảnh ra bởi tiếng cười phá lên của một cô gái còn khá trẻ. Sau khi giới thiệu mình là phóng viên, tôi được biết lý do của tràng cười là do cô đọc được khổ thơ trên. Phùng Chung Thủy (20 tuổi) - sinh viên Trường đại học Dân lập Thăng Long - nhà trên phố Phan Chu Trinh vẫn tủm tỉm: “Bây giờ, dù anh nào có đủ cả bốn thứ trên, chưa chắc em đã yêu!”.

Thủy bảo: “Ký ức sâu đậm nhất của em về thời ấy là chiếc xe đạp có biển số của bố em. Bố mẹ em giữ gìn nó cẩn thận lắm. Cứ mỗi lần đi về đến nhà lại kỳ cọ, lau rửa cho đến bóng loáng thì mới thôi”. “Vậy so với chiếc xe được trưng bày ở kia thì thế nào?” - Tôi hỏi vui. “Có lẽ còn mới hơn anh ạ”.

Còn Phan Anh Vũ - bạn của Thủy - sinh viên Trường đại học Bách Khoa Hà Nội thì reo lên: “A! Chiếc quạt Tai voi này nhà tớ vẫn còn dùng đây mà”. Vũ tâm sự, chiếc quạt này là của một người chú đi Liên Xô gửi về. Có thể nói nó là thứ tài sản... vô giá của cả gia đình cậu thời đó.

Quả thật đối với một bộ phận giới trẻ sinh sau thời bao cấp thì chuyện yêu một người con trai chỉ vì anh ta có “áo may ô, cá khô, khăn mặt hay... quần đùi hoa” quả là buồn cười. Tất nhiên, đây chỉ là thơ tiểu lâm, nhưng nó cũng nói lên phần nào cuộc sống khó khăn ngày ấy. Nhắc đến thời bao cấp cũng có nghĩa là nhắc đến một thời kỳ mà đôi khi có những ký ức rất chung của nhiều người trong xã hội.

Thực ra, với nửa đầu của thế hệ 8X (SN 1980 - 1985), đa số các bạn vẫn còn những ký ức khá sâu đậm đối với thời bao cấp.

Tôi gặp Nguyễn Thu Thúy, 22 tuổi - sinh viên Trường đại học Ngoại thương tại khu trung bày. Thúy dùng rất lâu trước căn hộ tập thể khu Trung Tự (dựng lại ngôi nhà của hai bác sĩ Phạm Trạng và Đặng Thị Kim Sơn). Căn hộ có diện tích 28m² với 7 nhân khẩu nhưng vẫn phải dành chỗ để... nuôi lợn, gà, chim cút.

Thúy tâm sự, ngày còn nhỏ cô cũng sống ở tầng 5 của một khu tập thể. Gia đình 6 người chen chúc trong một căn hộ 24m². Nhưng thế còn là tốt chán. Vì nhiều gia đình hàng xóm của Thúy có tới 3 thế hệ vẫn phải chung sống trong một căn hộ tập thể như thế. Không những vậy, nhiều gia đình còn phải “tăng gia, sản xuất” để cải thiện cuộc sống.

Thúy vẫn ấn tượng mãi về những ngày người hàng xóm kêu lái buôn đến bắt lợn. Con lợn khi bắt ra được trói bốn chân vào một đòn khiêng bằng tre. Hai người đàn ông lực lưỡng mắt nhắm nhắm lợi khênh lên, xuyên qua cái móc của chiếc cân tạ. Mặc cho hai người đàn ông thở phì phò, người chủ nhà và ông lái cứ đẩy tới đẩy lui quả cân. Cuối cùng thì con lợn cũng được ngã giá và khênh xuống tầng một. Trên quãng đường ngoắt ngoéo của cầu thang, nó đã kịp “ghi lại dấu ấn” bằng hàng chục bãi phân. Người chủ nhà lẻo đẻo chạy theo, lấy chổi và hót rác kiên nhẫn hót từng bãi một để bón cho đám sắn dây ở lan can nhà.

Còn Phương, 26 tuổi, hiện là giáo viên một trường THPT thì nhớ lại, ngày ấy Phương còn là một cậu bé đang đi mẫu giáo. Bình thường, nồi cơm của gia đình thường được chia làm hai góc. Một góc là cơm (nấu bằng gạo tằm) dành cho Phương và em gái. Bố, mẹ cậu chỉ ăn toàn hạt bo bo. Lâu lâu, mẹ Phương nghiền hạt bo bo ra thành bột rồi hấp lên. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ có hai bố mẹ là “nhá” được.

Lan - em gái Phương thì tủm tỉm: “Ngày ấy, chẳng mấy khi chúng em được mặc quần áo lành lặn cả. Những mụn vá được các mẹ, các chị vá rất khéo, cứ vuông chẵn chẵn như cái “tivi” ấy. Gặp nhau, bọn em hay so xem đĩa nào có nhiều “tivi” hơn và lấy làm hãnh diện nếu mình có nhiều nhất”.

Nguyễn Tấn Đạt, 32 tuổi đang làm nhân viên của Tổng công ty Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vinaconex dẫn em gái đi thăm lại “một thời để nhớ”. Cô em cứ cười như nắc nẻ khi xem những gian trưng bày: quầy bơm mực bút bi, lọ penicilin đựng mì chính, con búp bê làm từ vải vụn... Đạt bảo, không thể so sánh cái thời ấu thơ của anh với thời hiện tại này, bởi nó quá “khập khiễng”?!

Đạt vẫn chưa thể quên những hôm trời nắng chang chang, đi xếp hàng thay mẹ để mua mớ rau, con cá. Vì chỗ xếp hàng nắng quá, lại rất mỏi chân, Đạt liền lấy hòn đá thay vào. Chạy ra xem lũ trẻ bán bi một lúc, quay vào Đạt chẳng thấy hòn đá của mình đâu. Cậu lại phải xếp hàng từ đầu. Khi đến lượt cậu thì chị mật dịch viên đánh một câu xanh rờn: “Hết hàng”. Đạt cứ vừa đi vừa khóc trên quãng đường mấy cây số về nhà.

Tôi còn gặp không ít những bạn trẻ khác cùng có chung những hoài niệm về thời bao cấp. Nhiều bạn tâm sự, ký ức về những năm tháng thiếu thốn trong họ chợt ứa về khi gặp lại con búp bê Liên Xô hay bánh xà phòng 72%. Một thời kỳ chỉ biết dùng đồ second hand (đã qua sử dụng) như quần áo, giày dép, sách giáo khoa... và mỗi lần mất một món đồ thì tiếc ngẩn ngơ. Những nhu yếu phẩm cũng phải dùng một cách dè sẻn, tần tiện.

Phương cho tôi biết ngày còn nhỏ, mỗi lần đánh răng cậu chỉ dám bóp một tí ti kem cho có. Rồi nhà có một bi đông mờ mẹ cậu đã cất đi hàng vài tháng, chỉ để dành đãi khách. Đến khi có khách thì bi đông mờ ấy đã bốc mùi khét lẹt, đành phải đổ đi.

Lan thì nhớ nhất là ký ức về những lần được ăn phở. Thường một quý, thậm chí một năm em mới được ăn một lần. Và phải lúc ốm mới được bố mẹ chiều cố. Vậy nên nhiều khi phải giả vờ người khó ở để được ăn... phở.

Giúp thế hệ trẻ hiểu rõ thời gian khổ

Ông Nguyễn Văn Huy, GS. TS. - Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học cho biết: “Triển lãm ‘Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp’ giúp người xem không chỉ hiểu được cuộc sống trong thời bao cấp như thế nào, hoàn cảnh lịch sử cũng như cách vận hành của nó ra sao mà còn thấy rõ tính năng động sáng tạo của

những con người bình thường trong việc khắc phục khó khăn, tổ chức cuộc sống. Chính sự năng động sáng tạo đó là một trong những tiền đề đưa tới sự thành công của công cuộc đổi mới ngày nay. Bên cạnh đó, cuộc triển lãm cũng muốn hướng tới thế hệ trẻ - thế hệ 8X (những người sinh sau những năm 80) có thể hình dung được để chia sẻ với những gì mà cha anh đã từng trải, vượt qua”.

Quả thật, không ít bạn trẻ mà chúng tôi gặp đã tỏ ra cực kỳ ngạc nhiên, thậm chí sửng sốt, kinh ngạc khi biết được một phần trong cuộc sống ông cha họ cách đây chỉ vài thập niên. Tuấn Anh - sinh viên năm thứ hai Trường đại học GTVT nói với chúng tôi rằng nhiều khi ông bà, bố mẹ thỉnh thoảng lại mang thời bao cấp ra so sánh thì cậu cho rằng họ cứ nói quá, chứ làm gì có những chuyện xếp hàng cả ngày mà không mua được vài con tép?

Qua các bạn trẻ, qua những lời kể của thế hệ cha anh, chúng tôi cũng cảm nhận được phần nào cuộc sống của người dân Hà Nội thời bao cấp.

Anh Vũ Toàn nhà ở phố Hàng Bông còn kể tôi nghe chuyện chiếc xe đạp của bố anh mua từ năm 1978 mà bây giờ vẫn còn mới cứng, chỉ bị xước tí tẹo. Nguyên do là sau khi mua được con xe đạp Pơ-giô, ông cụ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Tất cả mọi người trong nhà, trừ ông ra, không ai được chạm vào chiếc xe này. Có lần bác hàng xóm hỏi mượn để chở vợ bác đang đau đẻ đi bệnh viện song cũng không được. Trong một lần đi ra đường, chẳng may bị ngã - xe bị xước một ít sơn, ông cụ tiếc lắm, cả ngày hôm đó không ăn được cơm. Và đến tối thì ông bọc tất cả lại, treo lên nóc nhà.

Tuy vậy, cũng trong thời bao cấp, chúng tôi được nghe không ít những câu chuyện đầy tình người. Sự giúp đỡ, tinh thần tương thân tương ái đã khiến cho không ít người vượt qua được những khó khăn thử thách. Đó là chuyện chị Mai từng sống ở khu tập thể Trung Tự bị ốm. Cả nhà bóí không ra nổi hạt gạo để nấu cháo cho chị. Nhưng rất may là nhiều người hàng xóm biết chuyện, kẻ nhường tem phiếu mua rau, gạo, người mang cho quả trứng gà (là một trong những ước mơ thời bấy giờ).

Mai Lan - sinh viên Trường cao đẳng Mẫu giáo Trung Ương I tâm sự. Cô nhớ nhất là những đêm trung thu. Mấy nhà ở cùng một dãy khu tập thể thường chung nhau cỗ để phá. Phương châm là có gì góp nấy. Mâm cỗ chỉ có nải chuối, dăm cái oản và đĩa cốm. Vậy mà lũ trẻ vẫn cảm thấy vô cùng sung sướng.

Sự yêu thương, đùm bọc chia ngọt sẻ bùi đã giúp cho con người thời ấy vượt qua được những khó khăn để tiếp tục sống, tiếp tục cống hiến.

...Hiểu về một thời quá khứ gian khó của cha anh cũng là để giới trẻ thêm trân trọng những gì thế hệ mình đang có. Đất nước bây giờ tuy vẫn còn không ít những khó khăn, song cơ bản là đã tiến bộ hơn thời bao cấp rất nhiều. Và theo Đạt, giới trẻ ngày nay, nhất là thế hệ 8X - 9X rất cần đến xem triển lãm này. Nó không chỉ là giáo cụ trực quan về một thời đáng nhớ của lịch sử dân tộc mà còn là bài học về quy luật phát triển của xã hội. Đạt cũng bày tỏ nên có một cuốn sách viết thật chân thực về cuộc sống ở Việt Nam thời bao cấp. “Chắc chắn nó sẽ là cuốn sách rất hay và hấp dẫn”

Theo CAND

THỜI RUNG RUNG NƯỚC MẮT

Hiếm có một cuộc trưng bày nào thu hút được đông đảo người tới xem như triển lãm “Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp” tại Bảo tàng Dân tộc học Hà Nội. Người già thì bùi ngùi, trầm lắng, người trẻ thì tò mò, sẻ chia.

Đây là “Cuộc sống ở Hà Nội thời... rung rung nước mắt”. Câu nói ấy ông Lê Hữu Tăng, 66 tuổi, nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Quốc gia, trong buổi khai mạc cuộc trưng bày "Cuộc sống ở Hà Nội thời bao cấp", khiến tôi vô cùng xúc động. Tôi là một người trẻ sinh sau năm 1975, thực tế có nếm trải chút ít dư vị của thời bao cấp. Nhưng đó là những cảm nhận rất mong manh, mơ hồ. Chỉ có thế hệ cha mẹ chúng tôi, những người đã trải qua chiến tranh và sống trọn vẹn qua thời bao cấp, mới có được những xúc cảm đặc biệt nhất khi có cơ hội được nhìn lại, tái hiện lại cuộc sống mà mình từng trải nghiệm.

Một người phụ nữ cứ đứng mãi ở quầy trưng bày các loại tem phiếu, trên gương mặt bà dường như những ký ức ngủ yên bấy lâu đang bộn bề quay trở lại. Bà tên Liên, nhà trên phố Hàng Bài. Bà bảo: "Tôi tưởng như mình đang đứng trước một cửa hàng lương thực và đợi cô mậu dịch viên bán cho một ít gạo. Đợi chờ, kiên nhẫn là một thói quen của thời bao cấp. Tôi rất sợ những ngày mua phải gạo có mùi mốc, hoặc những ngày đến lượt mình mua thì hết hàng. Cái thời ấy, như vừa mới hôm qua thôi. Mà thấm thoắt đã hơn 20 năm rồi".

Bà Liên đã 68 tuổi, là cán bộ về hưu, có 3 người con. Các con của bà đều thành đạt và giữ những vị trí quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đất nước. Và các cháu của bà thì hầu hết đang du học ở nước ngoài. Cuộc sống đã thay đổi đến mức ngoài sức tưởng tượng của bà. "Ngày hôm nay đúng như là một giấc mơ đối với tôi. Hàng hóa, vật chất nhiều vô kể, thỏa sức mà mua bán, lựa chọn".

Một nhóm bạn trẻ tay cầm điện thoại di động sành điệu, cười rúc rích khi đọc một bài thơ, vốn là "phương châm tình yêu" của các cô gái thời bao cấp: "Một yêu anh có may ô/ Hai yêu anh có cá khô để dành/ Ba yêu rửa mặt bằng khăn/ Bốn yêu anh có cái quần đùi hoa". Lạ nhỉ, thời ấy các anh trai rửa mặt bằng gì nhỉ? Nhưng đằng sau cái rúc rích cười ấy, và đằng sau câu hỏi ấy là gì? Có lẽ vẫn là một thái độ rung rung nước mắt như nhân vật đầu tiên trong bài viết này đã nói.

Đất nước ta đã trải qua một thời kỳ như vậy, một thời kỳ thiếu thốn, khan hiếm hàng hóa và các nhu yếu phẩm cần thiết cho đời sống của mỗi con người. Giáo sư, Tiến sỹ Nguyễn Văn Huy, Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, người đã mất nhiều thời gian, công sức, cùng với các đồng sự của mình ở tổ chức UNDP, quỹ SIDA (Thụy Điển), quỹ Ford, Viện Khoa học xã hội Việt Nam thu thập, tìm kiếm các hiện vật để có được một cuộc trưng bày này đã kể lại cho chúng tôi câu chuyện về chính gia đình mình thời bao cấp: "Chị gái tôi con một vị Bộ trưởng mà cũng phải đi làm chuyên gia ở Angiêri, vì kinh tế gia đình eo hẹp. Mẹ tôi viết thư cho chị dặn dò: ‘Con đi xa là vì kinh tế gia đình. Nhưng dù thế nào con cũng phải giữ lấy thanh danh của gia đình, đất nước.’”

Vòng quanh một lượt để ngắm nhìn tất cả các chủ đề trong trưng bày như: cơ chế phân phối (hệ thống tem phiếu, cửa hàng lương thực, quầy hàng Tết, quản lý xã hội và văn hóa (phim ảnh, văn nghệ, đài, xe đạp), không gian của một gia đình trong một căn hộ chật hẹp... khách tham quan dường như chỉ

nói nhiều về nỗi thiếu thốn vật chất thời bao cấp, khi hàng hóa luôn nằm trong sự phân phối của Nhà nước. Nhưng sự thiếu thốn tinh thần mới là một điều quan trọng.

Những đứa trẻ của thời bao cấp (bây giờ đều là các cụ, các ông, các bác cả rồi) sẽ hiểu rõ hơn ai hết cảm giác của việc đi xem tivi nhờ nhà hàng xóm. Có khi cả làng, cả phố mới có một gia đình có được cái tivi để xem. Đó là những gia đình khá giả và thường là có người thân đi Liên Xô gửi về. Báo chí, sách, phim ảnh thời bao cấp cũng thật khó để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của các tầng lớp nhân dân. Đông đảo công chúng không có cơ hội được tiếp xúc với nhiều tác phẩm nghệ thuật và nhân văn. Nhiều cơ quan tìm cách khai thác các bộ phim không được chiếu công khai để chiếu dưới danh nghĩa "chiếu nội bộ", "phim nghiên cứu"...

Quản lý xã hội, quản lý văn hóa thời bao cấp, ai cũng hiểu là còn nhiều bất cập. Trong khó khăn, bức bối của đời sống, người Hà Nội nói riêng và người Việt Nam nói chung nhìn ra sức sáng tạo và khả năng duy trì sức sống của lịch sử trong chính mình. Người dân luôn biết xoay xở để làm sao có thêm thu nhập, cải thiện đời sống, như trồng rau, chăn nuôi lợn, gà, làm thêm các dịch vụ nhỏ và nghề thủ công. Hàng tiêu dùng được tiết kiệm và tận dụng triệt để, như lợn cổ áo sơ mi, vá, đôi ống quần trước ra sau, lợn xích xe, đắp lợp... Những người phụ nữ thì làm thêm nghề đan len, dệt khăn áo len, làm kim băng mang đi bán.

Ai cũng xúc động khi nhìn thấy chiếc áo nút với hàng trăm mối nối từ những sợi nút thừa, rất ngắn, mà bà Hà Thị Kiệm ở phố Vương Thừa Vũ mua về để đan áo cho chồng. Đó cũng là chiếc áo ấm duy nhất mà chồng bà có để diện trong mười mấy mùa đông Hà Nội lạnh giá. Không thể nói hết bao nhiêu yêu thương bà Kiệm gửi vào trong chiếc áo bà đan cho chồng, khi đôi tay mỗi nhừ bởi công việc nối những mẩu nút thừa.

Ông Lê Gia Thụy, 65 tuổi, Trung tá Công an về hưu, kể lại một câu chuyện "móc ngoặc" hết sức hồn nhiên của mình thời bao cấp: "Có một lần tôi 'móc ngoặc' được với một bà bán gạo ở chợ Mơ. Tôi nói: 'Thôi bây giờ chị bán gạo cho tôi trước đi, nhà tôi khó khăn, hết gạo. Nếu khi nào nhà chị hỏng tivi, hay đài, cần sửa chữa tôi sẽ cho người đến.' Vậy là bà ấy nghe ngay, dặn tôi nhớ giữ lấy lời mình nói."

Hàng trăm câu chuyện được những người đã sống qua thời bao cấp kể lại, như là những nhân chứng lịch sử của một thời kỳ gian khổ mà đất nước ta phải trải qua. Những hiện vật trực quan được nhìn thấy bằng mắt, những ký ức vui buồn, ngậm ngùi được hiện hữu... Ai cũng nhận thấy rõ một điều rằng, thời kỳ bao cấp là thời kỳ nghị lực và trí tuệ của hàng triệu người bị kìm nén, chỉ chờ được giải phóng. Nó cũng chính là tiền đề để đất nước ta bước vào một giai đoạn đổi mới. Đó là lúc năng lực kìm nén ấy bùng phát, và tạo ra những bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội, như chúng ta đã chứng kiến, trong 20 năm vừa qua.

Tôi nghĩ, gần 500 hiện vật được trưng bày, tái hiện cũng chỉ có thể kể cho người xem một phần rất nhỏ của cuộc sống thời bao cấp của người Hà Nội. Những khó khăn, chật vật, phiền toái, mà thế hệ 8X, 9X hôm nay hình dung về thời cha mẹ họ đã trải qua cũng chỉ là rất nhỏ. Nhưng, có một điều đặc biệt là, tôi không hề thấy, từ phía những người sống qua thời bao cấp mà tôi đã tiếp xúc, thái độ cay đắng với thời cuộc mình đã sinh ra và lớn lên. Hầu hết đều là tiếng nói cảm thông, pha chút ngậm ngùi.

Ông Lê Nam, ở phố Hàng Buồm: "Sao tôi lại ruồng rẫy thời mình đã sống, khi có dịp nhìn lại? Đó là một giai đoạn tất yếu của lịch sử, khi đất nước ta vừa trải qua chiến tranh, bom đạn, vẫn đang bị bao vây bởi nhiều thế lực thù địch bên ngoài. Tôi thừa nhận cách quản lý xã hội của chúng ta khi đó

còn nhiều ấu trĩ. Và người dân rõ ràng là trăm nỗi thiếu thốn, cơ cực rồi. Nhưng ngày đó tôi vẫn thấy vui, là bởi mình đang là công dân của một nước độc lập. Những thay đổi, tái thiết của đất nước thời hậu chiến phải từ từ chứ".

Còn bà Liên thì đầy nỗi niềm: "Tôi nhận thấy, đất nước ta rõ ràng đang có những đổi thay vượt bậc về kinh tế. Nhưng sự phân hóa giàu nghèo đang ngày một trở nên rõ rệt hơn. Trong khi nhiều người vun tiền vào các cuộc ăn chơi sa đọa thì vẫn có hàng triệu người nghèo cần được ăn no, mặc ấm. Thời bao cấp thiếu thốn, nhưng là thiếu thốn chung của toàn xã hội. Còn con người thì rất hòa thuận, yêu thương, đùm bọc nhau. Tình làng nghĩa xóm thời ấy cũng khác lắm. Chúng ta đang giàu có, đầy đủ hơn. Nhưng tôi lo các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đang bị xói mòn nhanh chóng".

Thời bao cấp, những ước mơ bình dị của con người là "được ăn một bát cơm gạo không bị mốc, được sở hữu một chiếc quạt nhỏ làm dịu bớt sự tù túng và nóng nực, được tắm bằng xà phòng thơm". Khi cánh cửa đổi mới mở ra, những ước mơ đó cũng được trỗi dậy trong một thế giới tràn ngập hàng hoá với ý tưởng mới. Các loại hình dịch vụ đa dạng. Bây giờ, xe máy, máy tính, điện thoại di động lấp lánh trong các cửa hàng. Học sinh thì mơ ước được đi du học. Những ước mơ về vật chất có thể thay đổi theo chiều hướng cao hơn. Nhưng, ước mơ của các bậc cha mẹ về con cái mình, là mong chúng mạnh khỏe, hạnh phúc, thì chưa bao giờ thay đổi.

Vậy, trong một đời sống mỗi ngày một tiện nghi hơn, liệu tuổi trẻ hôm nay có cảm thấy mình hạnh phúc hơn thời cha mẹ họ? Đó là một suy ngẫm vượt ra khỏi khuôn khổ của một cuộc trưng bày thuần túy. Sự phát triển của một xã hội, không đơn thuần là việc mang tới cho con người ngày một nhiều hơn sự văn minh vật chất.

Ai cũng hiểu rằng, nhu cầu vật chất, dù có lớn đến bao nhiêu, vẫn là hữu hạn. Người ta vẫn có thể ở một ngôi nhà đẹp nhất, lái một chiếc xe sang trọng nhất, ăn những món ngon nhất và sử dụng những đồ dùng đắt tiền nhất... mà vẫn không cảm thấy mình hạnh phúc. Vì sao một số người sống qua thời bao cấp vẫn có cảm giác vui, hạnh phúc, thậm chí là có phần tiếc nuối khi nhắc lại thời kỳ này (dù cho họ thừa hiểu những thiếu thốn của nó)? Một nhà thơ lớn lên trên phố Hàng Đào suốt thời bao cấp nói rằng, mỗi khi nghĩ về những năm tháng ấy lòng anh lại dâng lên một nỗi thương cảm, xót xa. Đó là một thời kỳ con người sống hồn nhiên, yêu thương nhau, và vì vậy họ dễ dàng vượt qua những khốn khó. Sự đủ đầy vật chất luôn luôn là điều mà con người hướng tới, nhưng nó chỉ là sự thêm vào, chứ nó không có giá trị tối cao đảm bảo hạnh phúc, nếu con người ta đánh mất đi sự đồng cảm, tình yêu thương và lòng nhân ái.

Thế hệ trẻ sinh ra những năm 1980 sẽ nhìn nhận thời kỳ cha mẹ mình đã sống theo một cách riêng. Và như lời nói của ông Đỗ Hạnh ở phố Nam Ngự, được trích dẫn trong trưng bày, thì: "Mong sao cuộc sống tiện ích với vô vàn lựa chọn thời nay sẽ không làm bọn trẻ mất phương hướng và sa ngã. Để có được điều đó, gia đình vẫn là một giá trị cao quý, một nhân tố quan trọng nhất"

Bình Nguyên Trang

THỜI BI TRẮNG

Đó là thời bao cấp - thời mà bất kỳ ai đã trải qua khi nhớ lại đều thốt lên: Thật khủng khiếp! Tất cả đều hằn sâu trong ký ức. Thậm chí nhiều người còn lưu giữ những kỷ vật làm minh chứng để kể cho thế hệ sau này về một thời gian khó với cơ chế quản lý kinh tế - xã hội không thích hợp, gây ra sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần. Cũng may chúng ta đã sớm nhận ra và công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng đã đưa nước ta thoát khỏi thời bao cấp đầy bi tráng.

Tất cả được tái hiện tại triển lãm “Cuộc sống Hà Nội thời bao cấp” đang diễn ra tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Và chẳng thể nói là bất ngờ khi người Hà Nội mặc dù bận trăm công ngàn việc nhưng vẫn đổ xô đến bảo tàng để sống lại một thời khốn khó như ngày xưa ào ào xếp hàng mua gạo. Có mặt tại triển lãm không chỉ những người đã qua thời bao cấp mà có rất nhiều khách quốc tế và các bạn trẻ. Minh Phương - sinh viên năm thứ nhất đại học quốc gia Hà Nội khi xem xong thốt lên: Bọn em giờ sướng thật. Thế mới thấy các cụ sống qua thời bao cấp thật cực khổ.

Gian hàng được khách tham quan ghé thăm nhiều chính là quầy bán lương thực. Bởi đơn giản là thời đó người ta ước mơ thật giản dị: được ăn một bát cơm không phải dọn khoai, sắn hay bột mỳ chứ chưa nói đến một bát cơm thơm như một điều quá đổi bình thường trong cuộc sống hiện tại. Tôi đọc trên những gương mặt của khách tham quan những xúc động khi nhìn vào những hình nộm đứng xếp hàng, phía dưới chân là nón, mũ, gạch, đá... Những vật tưởng chừng vô tri vô giác thế mà có thể thay mặt cho con người để... xí phần mua gạo. Bởi thời ấy muốn mua được gạo, người ta có khi phải dậy từ nửa đêm để xếp hàng.

Đây là thời kỳ mà cuộc sống của cán bộ công nhân viên chức dựa trên sự phân phối của Nhà nước mà tem phiếu là bộ phận quan trọng nhất của chế độ phân phối. Mỗi loại nhu yếu phẩm đều có một loại tem phiếu riêng như gạo, thịt, vải, chất đốt... Mỗi mặt hàng này lại có những tiêu chuẩn khác nhau (về số lượng được mua). Loại đặc biệt A1 dành cho cán bộ cao cấp từ Ủy viên Bộ Chính trị và Phó Thủ tướng trở lên, loại A dành cho Bộ trưởng và Ủy viên Trung ương, loại thấp nhất là N dành cho nhân dân. Công nhân viên lao động bình thường một tháng được 0,4 kg thịt, 0,5 kg cá, 0,35 kg đường, 0,5 lít nước mắm... Cái thời mà câu nói của miệng là “Buồn như mất sổ gạo!”. Những mậu dịch viên thời này được coi như "vua". Quen được họ - có được thông tin hôm nay có gạo không mốc hay có cá tươi... là vui như Tết. Đây cũng là thời kỳ xuất hiện những "con phe" tem phiếu. Họ mua rẻ tem phiếu của những người vì bận công việc không mua được hàng hoặc cần tiền rồi móc ngoặc với mậu dịch viên mua được hàng có chất lượng tốt bán ra ngoài hưởng lợi. Bà Trần Thị Tuyết - nguyên là mậu dịch viên cửa hàng thực phẩm Đồng Xuân, Hà Nội cho biết: "Có rất nhiều mậu dịch viên tiêu cực, nhất là những cô trẻ không có bản lĩnh, hám lợi bán hàng cho "phe phẩy". Nhưng cũng khổ nếu không bán hàng thì bị dọa, những người phe tem phiếu không có công ăn việc làm, coi đây là nghề nên ghê gớm lắm".

Trong gian khó, thiếu thốn về mọi mặt những đức tính trời phú cho con người như năng động sáng tạo phát huy hiệu quả. Đây là thời kỳ mà khi ra đường rất dễ bắt gặp những người mặc quần pickê, đôi ống quần trước ra sau, xích xe đạp thì lộn lại, lớp xe đạp quần bằng dây cao su... Càng khó khăn, con người càng phải nghĩ ra cách tự cứu mình và phong trào nuôi lợn được các gia đình hưởng ứng mạnh mẽ, thậm chí các gia đình ở tập thể những nhà cao tầng cũng nuôi. Có một vị giáo sư nổi tiếng nuôi lợn

trên căn hộ tập thể tầng 4, nhưng ông nói rằng: "Chính lợn nuôi tôi", nghe thật xót xa song điều đó phản ánh cuộc sống của thời bấy giờ.

Người đàn ông ngoài 50 tuổi gương mặt đầy đà mặc quần pickê mông, áo sòn vai, chân đi dép nhựa Tiền Phong hàn quai cùng cô con gái trong bộ váy Thượng Hải trên tay cầm máy ảnh kỹ thuật số xuất hiện tại quầy bán gạo trong triển lãm. Rất thành thực, ông nhanh chân đứng sau hình nộm rồi bỏ chiếc mũ đang đội xuống dưới chân. Ông quay sang nói với con gái: Con biết tại sao phải để mũ xuống chân không? Để nếu có bị chen bật ra còn có cái mũ giữ chỗ. Rồi ông nhoài người về phía trước nói to: Hôm nay gạo độn gì chị ơi? Trời ơi, lại hạt bo bo ư? Hôm qua còn được độn bột mỳ kia mà. Con gái ông sững sốt: Bố đang nói với ai vậy? Ông cười rạng rỡ: Bố đang nói với quá khứ! Rồi ông quay sang nói với những người xung quanh: Nếu Đảng không đổi mới thì bây giờ chẳng biết đời sống sẽ ra sao!

Hùng Sơn

NHỮNG NGHỀ SÁNG GIÁ THỜI BAO CẤP

Có lẽ không một thời nào mà cô mậu dịch viên lại được tôn vinh như thời bao cấp. Dường như ai cũng phải nhún nhin vài ba câu, ai cũng phải lụy nhờ để được mua nhu yếu phẩm.

Tạo ra được mối quan hệ thân thiết hay lấy được lòng cô mậu dịch viên thì không những không phải xếp hàng dài cổ cả buổi mà còn được ưu tiên mua những thứ ngon nhất. Chưa kể, nếu gặp buổi vui miệng, cô mậu dịch viên còn "thuận tay" viết cho vài "mẫu giấy" thì tha hồ mà đi lĩnh thực phẩm.

Nghề buôn... tem phiếu!

Vào những năm còn bao cấp, tất cả hàng hóa từ dầu mỡ, vải vóc, lương thực đến mắm tôm, cá mè... chỉ được mua theo tem phiếu. Mỗi người tùy theo nghề nghiệp, chức tước mà được phân phối một lượng tem phiếu khác nhau. Vì vậy mà có nhà dùng hết nhưng cũng có nhà dùng không hết, và nghề buôn bán tem phiếu xuất hiện.

Dân buôn tem phiếu thường lấy khoảng trống trước cửa hàng bách hóa, thực phẩm hay trước cửa hàng cơ khí tổng hợp làm "trụ sở" giao dịch. Ai mua thì bán, ai bán thì mua. Hễ thấy bóng dáng công an là thi nhau chạy thực mạng.

Sự thiếu thốn tất yếu của thời kỳ quá độ khiến góc nhìn về nghề nghiệp cũng trở nên khác biệt. Mậu dịch viên, công nhân trong các công ty sản xuất nhu yếu phẩm được coi là nhất. Ngày đó, lấy được cô mậu dịch viên, dù là bán cá khô hay mắm tôm ở cửa hàng thực phẩm, về làm vợ là mơ ước của không ít người.

Có người nhà làm thợ điện cũng được coi là niềm tự hào. Vì thời ấy, muốn có đường điện tốt thì phải nhờ vả, cậy cục các bác thợ điện. Lỡ mà cháy đường dây, lại cũng phải đồng quà tấm bánh đến nhờ vả. Các ông thợ điện vì thế mà rất được trọng vọng, ngay cả các cô mậu dịch viên cũng phải nhún nhin đôi ba câu.

Hễ có ông thợ điện cầm tem phiếu đi mua thực phẩm là y như rằng không phải xếp hàng chờ đợi và bao giờ cũng được ưu tiên mua thực phẩm ngon nhất...

"Nháy" mắt là... xong!

Lương của một mậu dịch viên những năm 1980 cũng chỉ dao động trong khoảng vài chục đồng, cửa hàng trưởng cũng chỉ cao hơn vài đồng. Nhưng được cái có thực quyền! Bà Bùi Thị Nguyệt từng làm mậu dịch viên ở cửa hàng lương thực Thái Bình suốt những năm của thời bao cấp kể: "Lương thì cũng chẳng nhiều nhận gì lắm nhưng được cái thời ấy ai cũng nể trọng mậu dịch viên. Có lẽ cũng chỉ có thời ấy mà các cô bán hàng mới được người ta biếu xén, nhờ vả. Người nhà thì luôn được miếng ngon và những thứ tốt nhất".

Thời ấy có sự "móc ngoặc" hay nói nhẹ hơn là có sự ưu ái nhau giữa các cô mậu dịch viên. Khi có người quen hay người nhà cô mậu dịch viên nào đó đến mua hàng ở quầy bên cạnh, muốn nhanh, muốn tốt, muốn được đồ ngon thì có khi chỉ cần cái nháy mắt là... người nhà cô mậu dịch viên đó dễ dàng được nhận miếng thịt ngon nhất hay cân lòng lợn tươi nhất.

Làm mậu dịch viên thì chồng, con được ăn cơm gạo chứ không phải độn sắn, độn khoai. Mua bao thuốc lá mà muốn nửa tút thuốc Điện Biên, nửa tút thuốc Tam Đảo để thay đổi khẩu vị cũng... ok! Muốn có mét vải sa tanh đẹp mềm mại để may chiếc quần mặc ngày tết cũng đơn giản chứ không phải mặc loại vải diêm bầu vừa cứng, vừa xấu mà mậu dịch viên bán theo tem phiếu cho những người đang xếp hàng chờ ngoài cửa. Muốn có cân gạo tám thì phải là người nhà hoặc chí ít cũng là người quen một cô mậu dịch viên nào đó thì mới mua được.

Bà Trần Thị Lan hiện đang ở khu TT Hồng Hà, làm nhân viên mậu dịch ngay từ khi cơ chế tem phiếu bắt đầu, kể rằng có đủ thứ ưu tiên khi làm mậu dịch viên. Mậu dịch viên mà đi mua hàng ở các quầy khác quầy mình đứng thì chỉ cần đưa phiếu, nháy mắt một cái là được mua ngay. Lại đều là những thực phẩm tươi nhất, ngon nhất và những hàng hóa tốt nhất. Thi thoảng có những đợt bán ồ ạt không cần tem phiếu một số mặt hàng như diêm và xà phòng phế phẩm... thì bao giờ các cô mậu dịch viên cũng nhân người nhà ra mua.

Vui tay, viết tặng nhau... tem phiếu!

Có khi cô mậu dịch viên sang nhà hàng xóm chơi, gặp bữa được chủ nhà tươi cười mời mọc, vui vẻ là chặc lưỡi tiện tay xé tờ lịch, lật mặt trắng lên viết vài câu đại loại như: Kính gửi chị N (cửa hàng thịt lợn) bán cho chị Hà vài lạng thịt lợn ngon. Thế là bà chủ nhà tên Hà tất tưởi đi lĩnh thịt về làm bữa cải thiện cho cả nhà.

Chị Bùi Thị Nguyệt (mậu dịch viên Thái Bình) kể: “Lúc ấy không gì bằng quen biết. Có khi gặp nhau ở cổng tre đầu làng hay gặp nhau giữa chợ, quý nhau là vớ lấy bất kỳ mẩu giấy nào, viết vài câu là lĩnh được ngay vài lạng thịt, vài bao thuốc lá hay mấy cục xà phòng.”

Nếu quen thân thì cũng chẳng cần phải đến tận nơi mà chỉ cần gửi ai đó cầm đến là cũng nhận được cỗ lòng ngon. Đang chuyện trò rôm rả về lũ trẻ con với bà hàng xóm đông con, thấy thương thương, cô mậu dịch viên lại tiện tay xé mảnh giấy nham nhở từ trong sổ ra, viết kính gửi chị mậu dịch viên nào đó để bà hàng xóm được ưu tiên mua thêm lạng thịt hay đôi tất.

Tóm lại là ở bất kỳ chỗ nào, người ta cũng có thể viết "tem phiếu" để cho người nhà hay để ban ơn cho ai đó. Những dòng chữ nguệch ngoạc có thể được viết trên bất kỳ loại giấy nào, có khi chỉ là một mẩu giấy nham nhở bé bằng nửa lòng bàn tay nhưng giá trị của nó lại được đảm bảo bằng những cân thịt, cỗ lòng hay bất cứ thứ hàng hóa nào đó - mà không phải cứ có tiền là mua được.

"Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm"

Ở vào thời bao cấp, thu nhập không đủ sống nên hàng loạt thầy cô giáo đã bỏ nghề, nhất là các thầy cô giáo thành phố phải bỏ nghề đi buôn để kiếm sống. Riêng giáo viên ở miền núi, vùng sâu hay nông thôn lại ít chịu ảnh hưởng của cơn lốc bỏ việc hơn do ngoài giờ lên lớp thì nửa ngày còn lại họ cày cấy, trồng trọt hay chăn nuôi để kiếm thêm thu nhập cho gia đình.

Thực trạng này đã tạo nên câu cửa miệng: "Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm". Cô giáo Nguyễn Thị Nguyệt (giáo viên trường Tiểu học Sông Cầu, Thái Nguyên) nay đã về hưu kể lại: “Những năm giao thời đổi mới, hàng loạt giáo viên phải bỏ nghề vì thu nhập lúc ấy không đủ sống, lương của tôi năm 1982 là 62 đồng, cũng phải trồng chè, trồng cây ăn quả và cả nuôi cá thì gia đình tôi mới sống qua những năm tháng đó mà tôi không phải bỏ nghề”.

Vào những năm đổi mới, một số nghề cũng được trả lại đúng với vị trí của nó như nghề thầy thuốc trở lại là một trong những nghề "sang trọng" nhất. Bây giờ người ta vẫn truyền kể cho nhau nghe câu

chuyện "cười ra nước mắt" ngày trước rằng, có bà mẹ vợ than với hàng xóm: "Cứ tưởng nó lấy anh lái xe, ai ngờ nó lấy ông tiến sĩ. Thế có khổ không cơ chứ!"

Theo Gđ&Xh

MẸ TÔI KÉN RẼ

Cái thời sinh viên, mọi người đều bảo hai chị em tôi càng lớn càng xinh, nhất là cái Thúy. Tôi thì chỉ được chiều cao, nước da trắng trẻo, nhưng mắt hơi to, còn tóc thì cứng như sợi móc - đúng là “gen trội” của bố. Tôi bất mãn nhất với cái mũi, nó tẹt dí tẹt dí. Ngay từ hồi còn học cấp hai, nghe tụi cái Thanh, cái Hằng quân sư, suốt ngày tôi nhón tay kéo mũi cho cao, nếu không được như mấy đứa con gái ở khu chuyên gia Liên Xô (Khách sạn Kim Liên), thì cũng phải cao bằng mũi của cái Thanh, cái Hằng, nhưng đâu có được! Ấy thế mà khi vừa bước chân vào Trường Đại học kinh tế quốc dân, đã có chàng sinh viên “xứ Quan họ” còn dám ca ngợi: “Em đẹp nhất trường, chỉ có cái mũi không được cao như của chị em châu Âu thôi. Mình là nòi giống da vàng, mũi tẹt cơ mà. Vả lại, sau này chúng mình chung sống với nhau, nếu nhà có chật hẹp thì em có thể nhường bớt không khí cho chồng con. Nhường cơm nhường áo chưa là cái gì, nhường ôxy mới quý chứ. Đức tính nhường nhịn cho chồng con là đức tính quan trọng nhất, quý hóa nhất của phụ nữ Việt Nam đấy.”

Quả thực, cái mũi hơi bị khiếm khuyết, nhưng cũng không vì thế mà có thể làm mẹ tôi phải lo lắng. Bà luôn mồm động viên: “Nhất dáng, nhì da, thứ ba mới đến khuôn mặt” con ạ! Mà nào tôi có lo “chống ề” đâu cơ chứ. Đến trường có cả chục “vệ tinh”. Mấy chàng năn nỉ muốn được tới “thăm” gia đình, muốn được “tiếp kiến”, được “thỉnh giáo” ba mẹ tôi. Nhưng tôi ngại bị chi phối thời gian, mất thì giờ vào những chuyện “chưa đến lúc” ấy. Ông bà nội ngoại tôi ở quê, lần nào về thăm, các cụ cũng thúc giục: “Cứng tuổi rồi đấy, hăm hai hăm ba chứ còn bé bỏng gì nữa, mấy đứa bằng tuổi cháu ở làng đều con bông con bế cả rồi”. Thời gian trôi đi vùn vụt, đã hết năm thứ tư, sắp bước vào năm cuối cùng đời sinh viên. Mấy năm cùng học giúp chúng tôi hiểu được tính cách của nhau. Có mấy người bạn cùng lớp, cùng khóa, thậm chí cả ở các khóa trên đã trở nên rất thân thiết với “nhóm con gái khu tập thể Kim Liên” chúng tôi. Một buổi tối thứ bảy, hai trong số những bạn thân đó đã trở thành “khách không mời” của gia đình tôi. Họ là các chàng trai xuất thân từ những gia đình khá giả, buôn bán trên phố Hàng Bông, Hàng Gai. Hai người, nhưng mang tới ba bó hoa, một bó hoa ly, hai bó hoa hồng thắm. Những giây phút ban đầu làm cả nhà ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Hình như cả hai anh đều lúng túng. Ở trường, trong các cuộc tiếp xúc, giao lưu xã hội, họ đâu có thế, họ rất mạnh dạn và hoạt bát cơ mà. Tôi phải vội vàng giải vây, tháo gỡ tình huống căng thẳng đó: “Thưa ba mẹ, đây là anh Đức, còn đây là anh Thảo, cả hai anh đều cùng khóa với con.”

Được tôi chủ động giới thiệu, họ như chết đuối vớ được cọc. Thảo vội cướp lời luôn: “Dạ thưa hai bác, sắp tới ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, chúng cháu muốn được chúc mừng bác và hai em. Nếu được hai bác cho phép, thỉnh thoảng chúng cháu tới thăm gia đình, mong hai bác coi chúng cháu là những người bạn của Hiền và Thúy, như con cháu trong nhà. Ba tôi kéo ghế mời hai chàng trai ngồi. Mẹ tôi cảm kích nhận bó hoa ly: “Các cháu làm cô cảm động quá, cảm ơn hai cháu. Thế gia đình hai cháu ở đâu, ba mẹ làm gì?”... Cứ thế hai cụ phỏng vấn lý lịch trích ngang của hai chàng trai, trong khi hai chị em tôi pha trà, lấy hoa quả mời khách, thực ra, cũng chỉ có ít táo Thiện Phiến và ổi đào mà chủ nhật trước chị em tôi vừa về quê hái ở vườn ông bà ngoại. Tôi gắng gượng tươi cười, nhưng trong lòng vẫn giận họ, vì đã bảo đừng đến, thành thử tôi có chuẩn bị trước gì đâu, ngay cả đến nhà cửa chưa kịp dọn dẹp, cũng chẳng kịp tắm giặt thay quần áo. Thế mà họ có chịu nghe cho đâu, vẫn cứ đến. Lì lợm quá, chắc chắn sẽ mất điểm.

Tin hai chàng sinh viên Hàng Bông, Hàng Gai đã đột nhập được vào “lô cốt” của một trong những hoa khôi Trường Đại học Kinh tế quốc dân nhanh chóng lan truyền khắp trường, thậm chí cả trong giới sinh viên Hà thành. Nhưng ngay tuần sau đó, thì Đức và Thảo đã không còn được “độc quyền” ra vào căn hộ có “hai bông hồng tươi thắm” ở khu B tập thể Kim Liên. Cánh nam sinh viên quen biết với hai chị em chúng tôi cứ thi nhau kéo đến thăm gia đình, chẳng cần có lời mời của tôi, hay của Thúy. Ba tôi tỏ vẻ không hài lòng và trách cứ các con, nhất là tôi, vì tôi là chị, lớn hơn em đến 3 tuổi, lại đang học năm cuối, sắp thi tốt nghiệp đến nơi. Cái Thúy phớt lờ, chẳng thèm bắt chuyện với chàng trai nào, đi học thì chớ, về đến nhà là hai lỗ tai cắm máy nghe nhạc, trong khi đó mắt vẫn chăm chú đọc sách. Có lẽ vì thế, chưa thấy một cậu bạn trai nào của nó ở Trường Đại học Sư phạm đến thăm nhà.

Mẹ tôi vốn là cán bộ tổ chức ở một viện nghiên cứu, nên bà rất thành thạo và tinh ranh trong việc khai thác lý lịch trích ngang của những chàng trai có ý định theo đuổi con gái bà. Một hôm, sau bữa cơm tối, bà bảo: “Mẹ thấy anh Thảo, hay anh Dũng là hợp với con và gia đình nhà mình. Chỉ có điều Thảo bằng tuổi con, mà phụ nữ có gia đình, sinh đẻ rồi là mau già lắm, sợ đến lúc ấy bạn bè lại trêu đùa là hai chị em, như mẹ với ba các con ấy, thế thì chán lắm!”

“Ô hay, mẹ nó nói gì thế?” Ba tôi lên tiếng, “Lại nhồi nhét vào đầu con trẻ những điều linh tinh. Ai bảo là bà già hơn tôi nào? Ra đường, đi cùng các con, người ta lại cứ tưởng bà là chị cả của chúng nó ấy chứ!”

“Ông mới học được cái bài ca ngợi vợ ở đâu ra thế? Ấy là tôi cũng nói vậy để nó liệu chừng, đã biết ý tứ của cậu Thảo thế nào đâu cơ chứ,” Mẹ tôi cãi lại: “Tôi thấy anh Dũng mến cái Hiền lắm. Cậu ấy hơn cái Hiền ba tuổi, đã tốt nghiệp đại học, có công ăn việc làm tử tế, còn trẻ thế mà đã được dự kiến cất nhắc lên phó phòng của Viện thiết kế. Như vậy chắc chắn có triển vọng đưa vào diện cán bộ nguồn. Gia thế nhà anh ta cũng được. Cả ông bà nội là lão thành cách mạng. Ông xung vào đội vệ quốc quân, tham gia hai cuộc kháng chiến, đến khi nghỉ hưu với quân hàm đại tá, nhưng lại được hưởng lương tướng. Bà nội tham gia khởi nghĩa ở Hà Nội trong đoàn quân tiến vào chiếm Bắc Bộ phủ, nhưng đã mất cách đây 3-4 năm rồi. Bố mẹ Dũng đều là cán bộ cấp vụ. Họ khá hơn nhà mình đây, cả hai đều có bìa mua hàng ở cửa hàng phố Nhà Thờ (thời đó quy định cán bộ cao cấp mua thực phẩm ở phố Tôn Đản, cán bộ trung cấp mua ở phố Nhà Thờ). Nhà chỉ có hai chị em, cô chị đã xây dựng gia đình, ở riêng và đã có một cậu con trai 3 tuổi, chị ấy làm Cửa hàng trưởng một cửa hàng bách hóa, nên cả nhà cả họ, ngay cả bà con láng giềng cũng được nhờ...”

“Trời ơi! Mẹ đọc diễn văn, hay duyệt lý lịch kết nạp đảng cho ai vậy?” Tất cả những người đó chỉ là bạn con, không hơn không kém. Con chưa nghĩ gì tới chuyện yêu đương, chưa có ý định tìm hiểu ai. Thế mà mẹ cứ xồn xồn làm như họ sắp làm rể của mẹ không bằng!”

Nếu tôi không cắt ngang lời bà, thì chắc rằng cả tối hôm đó sẽ biến thành buổi xét duyệt các ứng viên làm rể gia đình tôi. Quả thật tôi không biết mấy về gia đình các chàng trai đó. Mỗi lần họ đến chơi, bà lại rủ rỉ hỏi chuyện. Đương nhiên chỉ những người nào bà thấy có vẻ xứng đôi với con bà thì bà mới hỏi kỹ. Nhiều chàng lại còn sử dụng chiến thuật lấy lòng mẹ và em gái để nhờ vào đó bao vây cô chị. Bởi vậy họ đã cố tình đến chơi, khi tôi vắng nhà. Tôi hiểu lòng mẹ. Có người mẹ nào chẳng muốn con gái mình như “hạt mưa sa giếng ngọc”. Rõ ràng bà ưng anh Dũng nhất. Điều đó thấy rõ qua những biểu hiện bà đón tiếp mỗi khi anh đến chơi, cũng như mỗi khi bà nói chuyện về anh với con cái. Anh Dũng từng trải hơn các bạn cùng lớp với tôi. Anh bình thản và rất tế nhị mỗi khi giao lưu với các bạn trai cùng lớp tôi. Chưa một lần tỏ tình, chỉ thể hiện tình cảm qua sự chăm sóc rất chu đáo như

người anh đối với em gái. Anh ít quan tâm tới quà cáp vật chất, mà chủ yếu săn sóc tới việc học tập của hai chị em chúng tôi. Mỗi khi chúng tôi hỏi gì, anh đều cố gắng giảng giải, cho tới khi phải hiểu thật kỹ. Có lẽ chính vì cái điều khác biệt ấy, tôi cũng thấy xốn xang hơn mỗi khi nhớ về anh. Và có lẽ cũng vì vậy trong suốt cuộc đời sinh viên, tôi chỉ một lần khóc thầm khi Dũng bị ốm, phải nằm bệnh viện.

Tôi tốt nghiệp, ra trường, đã công tác được gần một năm, lần đầu tiên anh Dũng mới mang hoa tới nhà dự sinh nhật tôi - bó hoa hồng 25 bông, đúng bằng tuổi tôi. Anh đến sớm hơn mọi người để chính thức thổ lộ “những điều quan trọng nhất”. Dù rất có cảm tình, song tôi vẫn ngỡ ngàng. Mẹ tôi thì đã chờ đợi giây phút đó từ lâu. Bà lo lắng, sợ con gái bà không vững vàng, dễ rơi vào tình trạng “lửa gần rơm”. Mà quả thật mấy người bạn cùng lớp đã đến yết kiến bà, đều là những chàng trai tuấn tú, nhất là Thảo. Anh ấy rất đẹp trai, thông minh, hầu như kỳ thi nào cũng giành được số điểm cao nhất. Từ sau cái lần dám liều mình gõ cửa, Thảo tìm mọi cơ hội tặng hoa, mang quà biếu ba mẹ. Anh ấy cũng có khiếu nói, khéo nịnh, đã mang quà gì đến thì mẹ tôi không thể nào không nhận. Lại được cái Thúy nữa, nó cứ như bị anh ta bỏ bùa mê, lúc nào cũng anh Thảo, anh Thảo, làm như thể trên đời này không còn ai hơn. Có lần nó còn dám tuyên bố với mẹ rằng: “Chẳng hiểu chị Hiền thế nào. Anh ấy mà ngỏ lời cầu hôn con thì xong ngay, mà chắc là ba mẹ cũng không từ chối”. Chẳng phải chỉ riêng tôi, có đến hơn nửa số con gái trong lớp đều có cảm tình với anh ấy. Mãi sau khi tôi và anh Dũng ra UBND phường đăng ký kết hôn, chuẩn bị cưới, bà mới tiết lộ “điều cơ mật nhất”. Hóa ra mẹ Dũng và mẹ tôi là bạn cùng lớp từ thời học sinh Trường phổ thông cấp ba Việt Đức (47 Lý Thường Kiệt, Hà Nội). Qua khai thác lý lịch các ứng viên làm rể tương lai, mẹ tôi nghe tên mẹ Dũng thấy ngỡ ngàng người quen, bà lẳng lặng đến tận nhà để tìm hiểu. Hơn 30 năm rời khỏi mái trường phổ thông, mỗi người theo một ngã đường, mẹ Dũng được chọn đưa đi đào tạo tại Liên Xô, còn mẹ tôi tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm xung phong đi B. Ngần ấy năm gặp lại nhau, họ mừng vui vô hạn. Nhưng, hai người bạn gái sau khi đã biết chuyện tình cảm của các con, họ quyết định giữ bí mật cho đến khi tác thành cho đôi lứa. Đương nhiên, sau khi gặp lại, nhận ra nhau, các vị phụ huynh của hai nhà đã nhiều lần tổ chức gặp riêng, sau lưng các con, để “hoạch định và lên chương trình” tác thành cho hai chúng tôi.

Đến nay, chuyện ấy đã lùi vào dĩ vãng hơn 20 năm, tôi và Dũng đã chung sống vui buồn bên nhau, đã tạo dựng được một “tế bào khỏe khoắn” của xã hội, sinh đẻ theo đúng hình mẫu lý tưởng, con gái đầu lòng, con trai thứ hai và là út, cách nhau 5 tuổi. Cháu Thục giống mẹ nhiều hơn, nhưng lại giống bố ở cái mũi khá cao, nên xinh hơn mẹ thời con gái. Từ bé đến lớn cháu đều học giỏi, kế thừa gen trội của bố, hiện cháu sắp lên năm thứ tư Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Dân ta thường bảo “cha mẹ sinh con, trời sinh tính”. Cả hai đứa, chẳng đứa nào giống tính bố mẹ. Cháu Thục rất kín đáo, dịu dàng, ít nói, không thích la cà hay đi chơi đâu, ngoài việc đến nhà mấy cô bạn thân cùng lớp suốt từ thời học sinh. Thỉnh thoảng có mấy cậu bạn trai cùng lớp đến chơi nhà. Sau thủ tục chào hỏi, vợ chồng tôi thường rút lên gác để các cháu tự nhiên. Cánh thanh niên sinh viên bây giờ rất thực tế, không téu táo, lãng mạn viễn vông. Họ thường bàn luận những vấn đề thời cuộc, những công việc sắp tới, đặc biệt về tương lai khi ra trường. Có lần Thục dè dặt hỏi tôi: “Nếu ra trường mà không xin được công việc tử tế, mấy đứa chúng con lập công ty tư nhân, có được không ạ?” Tôi không phản đối, nhưng cũng tỏ ra không khuyến khích, vì sợ các cháu chưa đủ kinh nghiệm thương trường, làm ăn thua lỗ, mà vốn liếng gia đình tôi nào có được là mấy. Vả lại, thằng em nó đang học lớp 10, còn phải chu cấp dăm bảy năm nữa mới có thể tự lập. Chuyện tình cảm riêng tư cháu Thục lại càng kín đáo. Thỉnh thoảng thấy các bạn gái của cháu gán ghép với người này người nọ, nhưng cháu chỉ cười và yên lặng. Vợ chồng chúng tôi

thực hiện phương châm đề cháu độc lập suy nghĩ, tự tìm hiểu và lựa chọn, chỉ góp ý mang tính chất hướng dẫn. Riêng bà ngoại thì nghiệp vụ cán bộ tổ chức đã thấm vào máu, mỗi lần Thục dẫn các bạn đến thăm bà, hẳn thấy có cậu bạn trai nào của nó là bà “phỏng vấn”, khai thác hết mọi góc gác, ngọn ngành nhà anh ta. Đương nhiên, tôi là mẹ, cũng phải quan sát theo dõi chặt chẽ, cho dù chỉ là âm thầm lặng lẽ, mọi diễn biến tình cảm và các quan hệ của con gái. Tôi nghĩ rằng, thời buổi hiện nay, khi xã hội phát triển theo cơ chế thị trường, nước ta tích cực giao lưu hội nhập quốc tế, thì những suy nghĩ và nhận thức của thanh niên cũng khác với thời chúng tôi. Không nên có tư tưởng bao cấp, nghĩ mọi thứ hộ con cái.

Lại nói cô Thúy em tôi. Thời con gái ngoài học chỉ biết đến âm nhạc, hết nhạc tiền chiến, nhạc xanh, nhạc đỏ, nhạc pop, nhạc jazz... Bao nhiêu chàng trai săn đón, nỉ non, cô đều bỏ ngoài tai, phớt lờ. Xinh đẹp đến mấy chẳng nữa, thì cũng chỉ có một thời con gái. Tốt nghiệp với tấm bằng ưu, mẹ là cán bộ tổ chức có nhiều mối quan hệ, có thể xin cho cô dạy học ở một trường tại Hà Nội, nhưng cô lại muốn vào dạy ở thành phố Hồ Chí Minh. Chuyện tình cảm riêng tư của Thúy, thì đúng là “hồng nhan bạc mệnh”, bảy năm dạy học trong đó, lấy hai đời chồng, mà không vẫn hoàn không. Thương nó quá, ba mẹ tôi phải chạy đi chạy lại, nhờ hết người này đến người khác, xin bằng được cho nó ra dạy ở Hà Nội. Giờ thì cô ấy đã có một gia đình êm ấm, chồng là PGS. TS. Trưởng bộ môn ở một trường đại học. Cậu ấy mãi học, gặp Thúy tuy muộn màng, nhưng đến gần tứ tuần đã có một con trai, hiện nay cháu đang học lớp 2. Gặp cháu Thục, lúc nào dì Thúy cũng nhắc đi nhắc lại cái câu muôn thuở: “Độc lập suy nghĩ là đúng, hạnh phúc của mình phải do mình quyết định. Nhưng phải nghe lời chỉ bảo của người lớn, của cha mẹ, ông bà. Bà ngoại tuy có những cái cũ, cổ hủ, nhưng kinh nghiệm tổ chức, nhìn người, đánh giá người của bà là không thể xem thường. Đảm rằng cha mẹ không thể suy nghĩ hộ, làm hộ mọi việc cho con cái, nhưng nếu có được sự giúp đỡ, có được sự kế thừa, thì cũng không nên từ chối, đặc biệt không thể coi thường, đừng như dì mà vất vả cháu ạ!”

Linh Vũ

VINH QUY DU HỌC

Một ngày đầu tháng 7/1983, cả cái xóm nghèo hơn hai chục gia đình ven đô chúng tôi vui hẳn lên, mọi người xúng xính quần áo mới cứ như sắp đi trăng hội. Chả là cậu Tấn, con cả ông Vạn du học Liên Xô tốt nghiệp đại học về nước, ông bà ấy mời sang uống nước chia vui cùng gia đình. Ông bà Vạn thuê hẳn chiếc xe 15 chỗ ngồi cho hai đứa con nhỏ và cả bạn gái của Tấn mang hoa lên sân bay Nội Bài đón “cậu cừ”. Chỉ còn cô em thứ hai của Tấn và mấy người cô dì, chú bác họ hàng ở nhà sắp xếp bàn ghế và chuẩn bị bữa trưa mời khách. Một sự kiện trọng đại, biết bao niềm mơ ước và hy vọng của cả gia đình gửi gắm nơi người con du học, thế thì không vui không sướng sao được! Máy bay trễ giờ, thủ tục hải quan kiểm tra hành lý cũng quá nhiều khô, chậm chạp, nên mãi tới sau 1 giờ chiều xe mới về tới nhà, chậm hơn 3 giờ so với lịch trình.

Sáu năm học ở thủ đô Mátxcova, Tấn cao lớn, chững chạc hẳn lên. Bước từ trên xe ô tô xuống trong bộ quần áo ly là thẳng tắp, giày đen bóng lộn, tay xách cặp diplomat, lại thêm cặp kính trắng ra dáng một thanh niên trí thức thời hiện đại, Tấn bắt tay ông bác, ông chú, các vị cao niên chòm xóm, đến những bạn cùng trang lứa. Đúng là phong cách phương Tây. Hầu như mọi người trong xóm, từ già đến trẻ đều hân hoan chào đón người đi xa mới về. Ngay cả bà thím vừa mới sinh em bé được ba tháng cũng bồng con theo, phải đến ngay để mừng cậu cháu “vinh quy du học” chứ! Cô bé hàng xóm Thương Huyền thậm yếu trộm nhớ Tấn từ khi cậu mới học cấp III, nay gặp lại nhau trong bầu không khí cả gia đình, họ hàng, xóm giềng mừng vui hồ hởi, càng trở nên thân thiết, yêu thương như đã là dâu con trong nhà. Cô lẳng xăng chạy lên chạy xuống, nhà trên nhà dưới, tươi cười, hết rót nước mời trà, mời thuốc, mời bánh kẹo, như chủ nhân thực sự. Mấy bạn gái thậm thì to nhỏ, đấm lưng Huyền: “Mày sướng nhé, từ nay khỏi nhớ nhung khóc hết nước mắt. Mau mau cưới đi cho bọn tao ăn cỗ”. Còn “cậu cừ” thì suốt từ lúc về tới nhà bị “phỏng vấn” liên chi hồ điệp, thôi thì đủ loại câu hỏi. Bà con xóm giềng chẳng quan tâm mấy tới chuyện học hành của cậu. Đã tốt nghiệp một trường đại học ở Liên Xô thì chắc chắn phải là học giỏi rồi. Họ muốn biết về cuộc sống âm no, sung túc, tràn đầy hạnh phúc của người dân nước bạn, về thủ đô Mátxcova hoành tráng, đường bệ với những đường phố rộng lớn tới 5-6 làn xe, về mùa đông thì băng tuyết trắng xóa mênh mông, về hệ thống metro 2-3 tầng chạy dọc ngang thành phố rồi lại có đường vòng tròn nối chúng lại với nhau... Ôi sao mà sướng thế, mong sao nước mình cũng nhanh chóng được như vậy! Mấy người có con em đang lao động hợp tác ở Tiệp Khắc, CHDC Đức cũng chia sẻ nhiều chuyện rôm rả. Con em họ viết thư về nói rằng cuộc sống của người dân các nước đó cũng rất đầy đủ, chẳng kém gì Liên Xô. Sướng nhất là mùa hè tha hồ uống bia, không bị ép buộc “đã bia thì phải mực” (hay ít nhất phải lạc luộc) như ở quê mình. Ông bà Vạn sung sướng nở mày nở mặt. Trò chuyện với mấy ông bà xóm giềng, ông Vạn “nổ cứ như ngô rang”, làm như thể ông cũng vừa bay từ bên trời Âu về ấy: “Thú vị thật, các bác ạ, ngày xưa cha ông mình mơ ước có đôi cánh bay được như chim. Nay thì gấp bao nhiêu lần chim ấy chứ! Vút một cái bay lên cao 9-10km. Bồng bênh, bồng bênh trên chín tầng mây, ngồi bên cửa sổ nhìn ra cứ tưởng như đang bay trên cánh đồng bông. Từ Mátxcova về Hà Nội gần 10 nghìn km, thế mà chỉ hết 10 giờ bay. Tài thật, thiên thần thật!” (chả là, suốt từ sân bay Nội Bài về nhà gần một tiếng đồng hồ, ông đã khai thác được biết bao nhiêu chuyện ở cậu cừ).

Bữa trưa quá muộn, các món ăn đã nguội ngắt, nhưng dù sao vẫn phải chờ gia chủ, nhất là “cậu cử” Tấn - nhân vật chính và là trung tâm của bữa cỗ này. Thấy bố mẹ và chị dâu tương lai quá vui, luôn miệng nói cười, mời khách ăn bánh kẹo Liên Xô, hút thuốc lá Tây, họ quá sung sướng hình như không thấy đói, quên cả bữa ăn, đến nỗi cô em gái của Tấn - tác giả bữa cỗ phải ghé tai ông Vạn giục giã: “Bố mời các ông, các bà sang ăn đi!” Lúc ấy ông Vạn mới sực nhớ, vội đứng dậy: “Mừng quá, vui quá, tôi quên cả thời gian. Bây giờ đã gần 2 giờ trưa rồi, xin mời các ông các bà, các anh các chị, các cháu sang nhà chú em tôi, ở ngay bên cạnh, dùng bữa cơm với gia đình để mừng cho cháu Tấn đi đến nơi về đến chốn, học hành tử tế, đỗ đạt nên người”. Bữa ăn hàng ngày rau dưa xoàng xĩnh thế nào cũng xong. Nhưng đây lại là bữa tiệc “vinh quy bái tổ” của “cậu cử du học Liên Xô”, nên ông bà Vạn đã phải chạy vạy lo sao cho thật tươm tất. Mà cũng đúng thôi, đã lâu lắm rồi bây giờ ở cái xóm nghèo ven đô này mới có thêm một “ông cử”, mà lại là “cử ngoại”, chứ đâu phải “cử nội”! Ông Vạn cả đời theo nghiệp quân ngũ, tham gia cả hai cuộc kháng chiến, đến ngày giải phóng miền Nam vẫn còn hai mảnh đạn găm trong người, có cậu con trai nên người như thế thì còn gì sung sướng, hạnh phúc cho bằng!

Những ngày hồ hởi, tràn đầy niềm vui rồi cũng dần dần lui vào quá khứ. Khó khăn đầu tiên “cậu cử” vấp phải sau 6 năm du học chính là thực tế còn nhiều gian truân, bộn bề của quê hương. Với tấm bằng cử nhân Trường Đại học tổng hợp quốc gia Liên Xô, mang tên nhà bác học Nga vĩ đại Mikhail Lômonôxốp kể cũng oai, nhưng không phải vì thế mà Tấn có ngay được một chỗ việc làm hợp khả năng, theo ý muốn. Nhờ người bạn đi lao động hợp tác ở Tiệp Khắc mua hộ chiếc xe gắn máy Babeta (ngày đó thế là “ghê” lắm rồi), Tấn về về phóng xe vào thành phố hết ngày này qua ngày khác, cả tháng trời, mà chưa nơi nào thu nhận. Mọi người khuyên Tấn: Cử nhân sử học thì tốt nhất anh nên theo nghề nghiên cứu lịch sử, xin làm việc ở Viện sử học hay một Bảo tàng lịch sử chẳng hạn. Thế nhưng anh lại thích nghề làm báo, hoặc một công việc gì đó trong lĩnh vực xã hội. Có điều là những lĩnh vực ấy anh không có người quen giúp đỡ, cũng chẳng được ai tiến cử. Chẳng riêng gì “cậu cử” Tấn đâu, hầu như mọi người tốt nghiệp đại học, đều phải “tự thân vận động”, may ra thì được chỗ làm việc hợp ngành học, hợp khả năng, còn không thì miễn là có chỗ làm việc, hàng tháng được lĩnh lương, thế là vui lắm rồi... Cuối cùng thì Tấn đành phải đầu quân theo chế độ hợp đồng chuyên dịch những bài báo từ tiếng Nga sang tiếng Việt ở một cơ quan nghiên cứu khoa học. Đến lúc ấy mới biết rõ giá trị thật sự tấm bằng cử nhân của Tấn. Kiến thức sử học chưa rõ ra sao, nhưng trình độ tiếng Nga của “cậu cử du học Liên Xô” thì cũng khiêm tốn thôi. Cả ngày không dịch xong một bài báo trên tờ Pravda khoảng 500 từ (tính theo tiếng Việt), bởi vốn từ vựng tiếng Nga của anh rất bình thường, phải tra từ điển liên tục, mà ngữ pháp nắm cũng không chắc. Dịch mười câu, thì phải sửa lại, biên tập tới sáu bảy câu. Làm việc chưa đầy một tháng, bản thân “cậu cử” Tấn cũng thấy đuối, nên đành xin thôi việc. Và ngay cuối năm đó, may nhờ công lao, uy tín của người cha, ông vừa là thương binh và cựu sĩ quan QĐND, nên Tấn được cử đi làm phiên dịch trong một đội lao động hợp tác ở Liên Xô. Cưới vợ chưa kịp hưởng hết tuần trăng mật đã phải lên đường.

Các thế hệ du học Liên Xô, hay các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước những năm 1980 của thế kỷ trước thường có ý thức trách nhiệm, chăm chỉ, nghiêm túc học tập, nên đa phần bảo đảm chất lượng. Họ về nước nhiều người phát huy tốt năng lực, vận dụng được những điều đã học ở nước bạn. Sau này việc tuyển chọn đưa đi đào tạo ở nước ngoài có thể không kỹ lưỡng, và cũng có thể do nhiều chính sách ưu tiên con em các gia đình có công trong hai cuộc kháng chiến, phần nữa cũng có thể “nhầm lẫn” (lý do tiêu cực), nên chất lượng lưu học sinh không đồng đều. Mặt khác, từ đầu những năm 80 do cơ chế thị trường bắt đầu xâm nhập các nước xã hội chủ nghĩa, tình hình xã hội ở các nước

Đông Âu ngày càng diễn biến phức tạp, một bộ phận du sinh chạy theo lối sống đua đòi, cần có nhiều tiền. Họ tham gia “buôn bán cò con”, làm dịch vụ tại chỗ, “đánh” các mặt hàng từ trong nước sang và từ các nước Tây Âu vào các nước mà họ đang theo học. Cậu cử Tấn là một đại biểu du học sinh kiểu đó. Giờ học trên lớp, cậu đâu có chú ý lắng nghe thầy giảng bài, ngồi đấy nhưng đầu óc toàn nghĩ về những mảnh lời buôn bán. Tối về ký túc xá có mấy khi Tấn chịu vào phòng đọc, thư viện để nghiên cứu những vấn đề thầy đã giảng. Hầu như tối nào cậu cũng lang thang ở Nhà khách Đại sứ quán trên phố Ôbôlenski, hay các khách sạn, nơi thường có cán bộ nước mình đi công tác lưu trú. Thời ấy, nước mình cái gì cũng khan hiếm, bởi thế mỗi khi được đi công tác nước ngoài, ai cũng tính toán mang một vài món hàng gì đó với số lượng mà cả hải quan nước ta và nước bạn cho phép, cốt để đổi lại những thứ mà gia đình mình đang cần, hoặc ở trong nước đang được giá. Các thế hệ đã công tác trong những thập kỷ 70-80 của thế kỷ trước chắc hẳn vẫn còn nhớ, trong hành lý của hầu hết những ai đi Liên Xô (kể cả cán bộ đi công tác hay du sinh), đều có vài ba cái quần bò, một hai lô (mỗi lô 5 chiếc) áo phông, áo cành mai Thái Lan. Thậm chí ngay cả các đảng mỳ râu cũng mang theo một vài lô son môi, bút chì kẻ mắt... và nhiều thứ khác, mà bản thân họ chẳng biết dùng vào việc gì. Lúc ấy có những “bản tin truyền miệng” rất được ưa chuộng và hữu hiệu, với nội dung mách bảo đi nước nào thì mang theo những gì và mua về những gì. Thường thì các “bà xã” lo toan việc này. Đến nước nào cũng có cánh du sinh “đón tiếp, tư vấn và làm dịch vụ” rất chu đáo.

Tấn là một trong những du sinh khá “được việc” trong lĩnh vực này: “Chú có hai chiếc quần bò ư? Năm áo cành mai? Hai lô son, hai lô chì kẻ mắt? Hai bộ trang sức bằng bạc? Cháu sẽ giải quyết hộ chú, tổng cộng may ra thì được khoảng 550-600 rúp. Theo những yêu cầu của cô đã ghi trong giấy, cháu sẽ cố mua giúp chú một phích lưỡng dụng, hai nồi áp suất, bốn chiếc bàn là, một quạt máy Orbita hoặc Pingvina, dăm mét lụa đen và mấy thứ lặt vặt mà cô ghi thêm ở dưới. Ngân ấy đã vừa đủ trọng lượng hành lý hàng không Aeroflot cho phép. Còn thừa rúp nào có lẽ chú mua ít kẹo sôcôla, táo, anh đào để xách tay. Họ chỉ cho phép xách tay túi nhỏ 5-7kg thôi. Thêm nữa, phải tính cước thì chú không chịu nổi đâu!” Cán bộ cấp vụ đi công tác mà khổ thế đấy! Sinh viên Phùng Thế Tấn 6 năm du học, đã phải dành ra bao nhiêu thời gian để “đầu tư” vào lĩnh vực “tư vấn, dịch vụ” này? Thế thì chất lượng của tấm bằng cử nhân không cao cũng là điều dễ hiểu.

Từ năm 1950, Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ ta đã quan tâm đưa thanh niên đi đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em để sau này về xây dựng đất nước. Thế nhưng, trước năm 1960 số lượng gửi đi đào tạo tại các trường đại học ở Trung Quốc, Liên Xô chỉ ở mức nhỏ giọt, mỗi năm một hai chục người, mà chủ yếu là học ngôn ngữ để về nước làm công tác phiên dịch. Từ năm 1960 mới bắt đầu gửi nhiều du sinh ra nước ngoài. Vào đúng ngày 1/8/1960, lần đầu tiên Chính phủ ta dành hẳn cả một đoàn tàu liên vận chở hơn 600 sinh viên đi Liên Xô. Cũng trong dịp đó một đoàn tàu khác chở hơn 300 sinh viên đi Trung Quốc và hơn 100 sinh viên đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Ngày đó du sinh thực sự nghiêm túc học tập, ai cũng khắc cốt ghi xương lời Bác căn dặn: “Nhiệm vụ của các cô, các chú sang đây là học tập, học tập và học tập. Không có cái gì khác lời thôi. Tất cả những gì ảnh hưởng đến học tập, cản trở học tập, đều phải gạt bỏ hết. Nhiệm vụ sang đây là học tập, chứ không phải sang đây để đi theo các cô mắt xanh, tóc vàng nào cả”. (Bác nói tại cuộc gặp với du sinh nước ta ở Matxcova ngày 2/12/1960, khi Bác đi thăm Liên Xô). Từ năm 1959 trở về trước, hàng tháng mỗi du sinh ở Liên Xô được lĩnh học bổng ngay tại trường mình học 1.000 rúp (tiền cũ), dùng để ăn uống, sinh hoạt và mua sách vở, Đại sứ quán cấm không được mua đồ dùng gửi về nhà. Mà quả thực ngày ấy toàn thể quần chúng nhân dân, cũng như cán bộ, bộ đội đều có cuộc sống giản dị, không

ai có nhu cầu tiêu dùng gì cao sang. Có lẽ vì vậy, mọi du học sinh ở nước ngoài đều tập trung cho học tập, ngoài ăn uống, sinh hoạt phí, chỉ dành tiền mua sách để sau này về nước lo làm việc. Năm 1959, trong một dịp đi thăm Liên Xô, Bác nhận xét “Các cô, các chú, các cháu đi học ở bên này sung sướng hơn cán bộ đang làm việc ở trong nước rất nhiều”. Và thế là ngay sau đó, Đại sứ nước ta tại Liên Xô đề nghị giảm học bổng 50%, từ 1.000 xuống còn 500 rúp. Năm 1961, Liên Xô đổi tiền, tăng giá trị đồng rúp lên 10 lần, như vậy học bổng của sinh viên ta là 50 rúp (trong khi học bổng của du sinh các nước châu Á khác và châu Phi là 90 rúp). Cuối những năm 1970 do giá sinh hoạt ở Liên Xô bị trượt giá, nên Đại sứ quán nước ta đề nghị nâng học bổng cho sinh viên lên 60 rúp, rồi 70 rúp. Đương nhiên, học bổng của nghiên cứu sinh bao giờ cũng nhiều hơn, thường chênh với sinh viên 20 rúp. Từ sau cuộc khủng hoảng tài chính tháng 8/1998 của Nga, học bổng của du sinh nước ta được tính bằng USD và thường xuyên điều chỉnh để bảo đảm cuộc sống, sinh hoạt và mua sách vở cần thiết cho học tập và công tác sau này.

Các thế hệ du học Liên Xô những thập kỷ 1950-1970 khi tốt nghiệp, vinh quy bái tổ, trong hành lý của họ thường chỉ có sách và một vài thứ lặt vặt như bàn là, quạt máy, máy thu thanh, chiếc xe đạp Sport hay Sputnik... Thời đó như vậy đã là cả một “gia tài đồ sộ” rồi! Nhiều người công tác ở Bộ Ngoại giao vẫn thường kể lại câu chuyện Đại sứ Nguyễn Lương Bằng, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền đầu tiên của nước ta tại Liên Xô, đã có lần gọi đồng chí cán vụ lên phê bình chỉ vì người đó “dám” tự tiện mua một chiếc đồng hồ báo thức. Đại sứ quán đã có quy định tất cả cán bộ, nhân viên, không ai được mua bán bất cứ thứ gì. Cũng thật oan uổng cho đồng chí cán vụ, anh ta chỉ còn biết thanh minh: “Em hay ngủ rất say, sợ ngủ quên, không kịp dậy sớm chuẩn bị bữa sáng cho Đại sứ, nên mới mua chiếc đồng hồ báo thức, chứ có dám mua gì gửi về nhà đâu ạ!” Các “chú sứ” mà còn bị phê bình như thế, cánh lưu học sinh đâu dám trái lệnh, về sau mọi quy định đã được nói lỏng, cởi mở hơn. Vào những năm 60 của thế kỷ trước, hầu như mọi lưu học sinh nước ta ở Liên Xô đều mê sách, cả sách tiếng Nga và sách tiếng Việt. Sách chuyên môn, sách văn học nghệ thuật đóng bìa cứng, in rất đẹp, mà giá bán cũng chỉ bảy tám mươi côpêch đến một hai rúp. Còn sách truyện, tiểu thuyết do nước ta xuất bản, bán sang Liên Xô có thể nói giá “rẻ như bèo”. Cả bộ tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” của Đại văn hào Lev Tolstoi bốn tập, dày gần 2.000 trang mà giá chưa đến hai rúp; cuốn “Hội chợ phù hoa” hai tập chưa đến một rúp; ba tập tiểu thuyết trinh thám “Nam tước Phongonring” hay cuốn tiểu thuyết “Ruồi trâu” cũng chỉ vài chục côpêch... Ngày ấy do chính sách trao đổi văn hóa giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Liên Xô nhập khá nhiều đầu sách và cả số lượng lớn các sách văn học của Việt Nam. Người Liên Xô biết tiếng Việt, có thể đọc được sách văn học, đang còn rất ít, vì vậy quân ta lại phải “chở củi về rừng”. Học bổng mặc dù đã giảm xuống chỉ còn một nửa, song với mức 50 rúp, du sinh nước ta hàng tháng vẫn cố dành ra được dăm bảy rúp để mua sách. Bởi thế khi vinh quy bái tổ, nhiều người đã có thể đem về vài ba tạ sách. Sách là kiến thức phục vụ cho công tác, là vốn liếng của cuộc sống. Ý thức được như vậy, nhiều người trong số du sinh thời ấy đã thành đạt trong sự nghiệp và trở thành những cán bộ KHKT chủ chốt, những nhà quản lý tốt của nước nhà.

Đương nhiên, không thể vơ đũa cả nắm, cho rằng các thế hệ du sinh trước kia giỏi giang hơn, có ý thức trách nhiệm hơn những thế hệ du sinh sau này. Bao giờ cũng có những người thành đạt hơn và những người kém thành công hơn. Thế nhưng, trên phương diện chính sách đào tạo và quản lý của nhà nước, thiết nghĩ rằng cần phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động, trong một tương lai lâu dài vài ba thập kỷ và trong thời gian dăm mười năm trước mắt, chúng ta cần những lao động trình độ nào và số lượng là bao nhiêu, để hướng thanh niên học sinh lựa chọn ngành nghề thích hợp và đúng đắn nhất.

Mỗi người không khỏi băn khoăn trước tình trạng hiện nay, khi đông đảo thanh niên vượt bao gian khó gắng sức học tập, “tốt nghiệp để rồi thất nghiệp!” Du học do nhà nước bao cấp chắc chắn sẽ còn tồn tại rất lâu. Nếu chỉ có một kênh cha mẹ tự bỏ tiền cho con em đi du học, thì con em nông dân và dân nghèo thành thị chắc chẳng bao giờ dám mơ ước, nếu không phải là đạt những thành tích xuất sắc, lọt được vào “mắt xanh” của các quỹ từ thiện trong và ngoài nước. Đã hơn nửa thế kỷ nay, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (trước đây) và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (hiện nay) dành ra những khoản tiền không nhỏ để hàng năm gửi hàng trăm, hàng nghìn thanh niên ưu tú ra nước ngoài đào tạo, về tham gia xây dựng đất nước. Cho dù du sinh Việt Nam (kênh Nhà nước gửi đi) còn rất thiếu thốn gian khổ, so với du sinh nhiều nước khác, nhưng họ còn sung sướng, hạnh phúc hơn rất nhiều so với sinh viên học trong nước. Những năm 60 của thế kỷ trước, mức học bổng của lưu học sinh ở Liên Xô có lẽ là thấp nhất. Mỗi tháng 50 rúp, thì đã phải trừ khoảng 2,4 - 3,6 rúp tiền thuê ký túc xá (tùy theo mức độ tiện nghi ở những nơi khác nhau); 3-5 rúp tiền giao thông công cộng tùy theo phương tiện xe buýt, tramvai (xe điện chạy trên mặt đất) hay metro (xe điện ngầm), rất ít trường đại học có ký túc xá ở ngay gần để sinh viên có thể đi bộ; 2-3 rúp dành cho cắt tóc, kem đánh răng, xà phòng tắm; 2-3 rúp xem phim hoặc xem kịch, ôpera. Bữa ăn hàng ngày phải khống chế 1-1,2 rúp, thường thì buổi sáng ăn một đĩa cháo có bơ, một quả trứng gà luộc, một cốc sữa và vài ba lát bánh mì, hết khoảng 30 côpêch; bữa trưa 40-45 côpêch gồm bát súp (Shi - canh dưa chua, hay Bulyon - nước luộc thịt), một miếng thịt (lợn, bò, gà hay thịt thỏ) với vài thìa cơm, hạt bobo, hoặc khoai tây rán hoặc khoai tây nghiền nát và một cốc nước chè đường; buổi tối có thể ăn như bữa sang, hoặc tiết kiệm thì chỉ sữa, bơ và bánh mì. Mỗi khi có bạn bè tới thăm, chiêu đãi nhau, thì những ngày sau đó buộc phải rút bớt tiêu chuẩn. Nếu không, sẽ phải cắt bớt khoản xem phim, hoặc sách báo, mà điều này thì hầu như không ai muốn. Cánh nữ sinh thường ăn uống khiêm tốn hơn, nhưng họ lại tốn tiền phấn son, rồi giấy dép quần áo thời trang... nên đâu cũng vào đấy. Được cái họ chăm chỉ, lại có ưu thế nữ công gia chánh, mua thức ăn về ký túc xá tự nấu, nên dù có chiêu đãi bạn bè thì quỹ vui chơi giải trí, sách báo cũng không vì thế mà lo bị thâm hụt.

Từ sau năm 1965, Nhà nước ta cho phép du sinh được đi lao động kiếm tiền trong thời gian nghỉ hè, vì vậy nguồn tài chính của họ được cải thiện đáng kể. Tại Liên Xô và các nước Đông Âu, sinh viên thường được nghỉ hè kéo dài hai tháng rưỡi, từ giữa tháng 6 đến hết tháng 8. Những du sinh có sức khỏe tốt, tham gia xây dựng các công trình chăn nuôi lợn gà, bò sữa, hay những công việc đồng áng khác... tại các nông trang tập thể, nông trường quốc doanh, mỗi kỳ nghỉ hè cũng có thể thu nhập bằng nửa năm học bổng. Nhiều du sinh tại Liên Xô có bạn bè ở CHDC Đức hay Tiệp Khắc còn đi tàu hỏa sang đó để cùng nhau đi lao động, như vậy không những có thể kiếm được nhiều tiền hơn, mà suốt mấy tháng hè bạn bè lại còn được sum họp, giao lưu. Về việc đi lao động ở nước bạn, trong suốt mấy thập niên vừa qua nhận thức của chúng ta đã có những chuyển biến cơ bản. Trước kia, ngay cả các nhà lãnh đạo cũng như phụ huynh của lưu học sinh đều cho rằng xuất dương sang nước bạn là để đi học, chứ không phải đi lao động kiếm tiền. Nghỉ hè là thời gian thư giãn, vui chơi giải trí lấy sức học tiếp năm sau. Nếu chăm chỉ thì đọc sách để thu nhận được thêm kiến thức, kể cả sách chuyên môn hay văn hóa - xã hội cũng đều bổ ích. Dần dà đều thấy rằng cho du sinh tham gia lao động là hợp lý, như vậy không chỉ giúp họ có thêm thu nhập, mà trong quá trình lao động còn được rèn luyện thêm kỷ luật lao động, kỹ năng làm việc, được giao lưu cùng người lao động nước sở tại và bè bạn du sinh nhiều nước khác. Nhờ thay đổi nhận thức, nhiều du sinh đã kiếm được những khoản tiền không nhỏ mua thêm sách báo, các tiện nghi giúp gia đình và chuẩn bị cho cuộc sống tương lai.

Ngày nay, trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, chúng ta lại càng khuyến khích du sinh tham gia lao động tự kiếm sống. Thực tế này không chỉ phù hợp với du sinh các nước nghèo như Việt Nam, mà ngay cả thanh niên nhiều nước có nền kinh tế phát triển khác cũng sẵn sàng lên đường du học bằng những đồng tiền do chính họ lao động kiếm được. Đây cũng chính là một lối thoát cho những thanh niên nghèo đi du học. Với nước ta thì bây giờ mới bắt đầu xuất hiện những công ty sẵn sàng đầu tư cho sinh viên có triển vọng đi du học rồi trở về làm việc cho họ (đương nhiên phải có những điều kiện cam kết chặt chẽ), còn ở nhiều nước khác thì thực tế này đã trở thành xa xưa. Hiện nay, hàng năm có hàng nghìn thanh niên Việt Nam tự túc du học ở các nước có nền giáo dục và đào tạo tiên tiến như Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Australia... Phần lớn trong số họ gia đình chỉ phải chu cấp 1-2 năm đầu, còn sau đó thì họ tự lao động kiếm tiền để tiếp tục học lên. Một khi các bậc cha mẹ và tự thân từng người thanh niên quyết tâm đầu tư cho công cuộc “trồng người” như lời Bác Hồ đã từng dạy bảo, thì chắc chắn rằng hiệu quả đào tạo lao động trình độ cao của nước nhà sẽ được nâng lên nhanh chóng.

Mới đây tôi cũng đã có dịp trở lại thăm gia đình ông Vạn và “cậu cử Tấn” của 25 năm trước. Họ đón tiếp tôi hồ hởi, thân tình như người thân lâu ngày gặp lại. Ông Vạn tự hào chỉ tay: “Anh nhìn xem, giờ đây cái xóm nghèo năm nào đã mọc lên san sát những ngôi nhà 3-4 tầng. Nhà tôi là do cậu cả Tấn đi lao động, có ít tiền đem về xây nên đây. Đầu năm nay gia đình chúng tôi được đón thêm một “ông cử” nữa. Thằng cháu đích tôn Phùng Thế Anh của tôi vừa tốt nghiệp cử nhân kinh tế ở Australia trở về. Thằng bé đến là gan lì, nó chẳng báo gì ngày về. Mãi đến khi thấy có chiếc xe ô tô dừng lại trước cửa nhà mình, thằng Thế Anh và mấy người bạn của nó từ trong xe chui ra, cả nhà mới ngỡ ngàng. Mừng vô hạn, sung sướng vô cùng anh ạ!”.

Có điều lần này gia tộc Phùng Thế không “khua chiêng, gõ trống” rầm rộ như đón “cậu cử Tấn” 25 năm trước. Ông Vạn hạ giọng như thầm thì: Công ty Bảo Thành đã “chăm” thằng cháu Thế Anh nhà tôi ngay từ khi nó mới học xong năm thứ ba. Ông Phó Giám đốc công ty đưa ô tô lên sân bay Nội Bài đón, rồi đưa cháu về tận nhà. Họ muốn dành cho bố mẹ, ông bà nội, ngoại và cả gia tộc điều bất ngờ vô cùng thú vị. Cháu Thế Anh cũng chỉ nghỉ ở nhà một ngày rồi đi làm luôn. Ông Vạn lại cười khà khà: “Cánh thanh niên bây giờ giỏi giang và thực tế hơn cha ông!”

Ngô Sơn

HIỆN HỮU CỦA THỜI BAO CẤP

Nhà báo Ngọc Tiến, báo *Hà Nội Mới* chủ nhật có một đam mê: Đam mê sưu tập những hiện vật thời bao cấp - thời mà như anh nói, dù rất nghèo, nhưng người ta sống với nhau tình cảm lắm. Nghèo vật chất thật đấy, nhưng lại là giàu, giàu về tinh thần, tình cảm. Và có phải Ngọc Tiến hoài cổ về một thời đã qua hay không mà anh cất công tìm kiếm, sưu tập những đồ đạc, vật dụng của thời bao cấp đó. Đến nay, trong bộ sưu tập của anh có hơn 3.000 hiện vật. Những hiện vật bình dị, giản đơn một thời, nhưng lại thật đáng quý, đáng trân trọng trong thời @ này.

Bộ sưu tập của anh gồm những thứ cần cho cuộc sống thường nhật như cái mâm đồng sứt sẹo, những cái bát ăn cơm với men xấu xí và thô kệch. Những chiếc cặp lồng đựng cơm và thức ăn mà thời đó là vật bất ly thân cho cán bộ, công nhân và cả sinh viên nếu học hai buổi. Anh còn giữ lại được cả những tờ đăng ký sử dụng đài, không có đăng ký thì phải nghe lậu và nếu công an xã phát hiện thì bị tịch thu luôn. Song độc đáo nhất có lẽ là bộ tem phiếu, ngoài tem phiếu của Hà Nội, anh còn có cả tem phiếu mua thịt, đường, vải của các tỉnh Nghệ An, Hòa Bình, Hải Phòng... phát hành từ năm 1968. (Tùy theo là cán bộ, công nhân hay đơn vị hành chính sự nghiệp mà được hưởng tiêu chuẩn theo quy định. Ví dụ như với cán bộ, công nhân thì một năm được cấp phiếu mua 5 mét vải, mỗi tháng được 0,5 kg thịt, 4 lít dầu... Với đối tượng là nhân dân thì tiêu chuẩn đường, nước mắm, thịt... thấp hơn cán bộ, công nhân, ví dụ như một người chỉ có 4 mét vải/năm). Ngoài tem phiếu thì sổ gạo cũng là thứ độc đáo. Gạo bán ngoài chợ đen vô cùng hiếm mà cũng không có tiền để mua vì nó vượt quá khả năng thu nhập của người ăn lương nhà nước. Mất sổ gạo thì cả nhà chỉ còn nước đi vay hàng xóm cả tháng vì việc cấp sổ mới mất cả tháng trời. Mà đi vay thì cũng chỉ vay mỗi nhà một ít vì có phải nhà nào cũng dư nhiều đâu.

Trong hàng chục quyển sổ gạo mà anh sưu tầm được có những quyển từ năm 1975. Giấy đen và sổ hết chỗ ghi, chủ hộ còn đóng thêm giấy để khỏi phải đi đổi. Trong quyển sổ của gia đình ông Nguyễn Đức Dương ở A6 Tập thể Khương Thượng, người ta ghi rõ ông và vợ ông là cán bộ được tiêu chuẩn 15kg. Thời đó sinh viên được tiêu chuẩn 17kg, giáo viên 13kg, công nhân là 21kg.

Một hiện vật khác cũng gây chú ý là chiếc xe máy MZ 150cc, nguyên chủ sở hữu của nó là nhà tình báo nổi danh Tạ Đình Đề. Chiếc xe to kèn còi, anh mua lại của một người thợ sửa xe. Chiếc xe được cấp đăng ký năm 1976 này còn nguyên giấy tờ gốc và xe vẫn sử dụng được ngon lành.

Ngọc Tiến

TÔI "TRẮNG ẮN"

Những đột phá, xé rào thời “đêm trước đổi mới” không chỉ bắt đầu từ bức xúc của nông dân, công nhân, doanh nhân; xoay xở của lãnh đạo mà cả sự nhập cuộc của trí thức. GS. TS. Võ Tòng Xuân vừa gửi về tòa soạn câu chuyện của chính ông.

Sau giải phóng, tôi về Đại học Cần Thơ, tiếp tục công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Viết kịch bản khuyến nông

Đầu năm 1978, tôi tìm đến Đài truyền hình TP.HCM và Đài truyền hình Cần Thơ bàn thực hiện chương trình khoa học kỹ thuật nông nghiệp mỗi tuần phát hình một lần dài 30 phút. Đây là sự cộng tác hoàn toàn tự nguyện, không ai lấy tiền của ai.

Chương trình được thực hiện dưới sự chỉ đạo của các anh đài truyền hình, còn tôi thì lo viết kịch bản kiêm đóng kịch, với các anh Nguyễn Văn Huỳnh, Phạm Văn Kim và một số nông dân tiên tiến. Lúc đó việc đưa khoa học kỹ thuật lên truyền hình cho nông dân học là một cách làm mới, cho nên muốn bảo đảm tính hiệu quả cao của mỗi chương trình tôi phải nhúng tay vào việc từ viết kịch bản theo đúng kỹ thuật khuyến nông - nghĩa là phải thể hiện các thông tin và kiến thức mới để người xem, nhất là nông dân, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ chấp nhận và dễ làm theo. Tôi không dùng chữ nghĩa cao xa, cầu kỳ, mà chỉ dùng những từ ngữ mà nông dân thường dùng, dùng tiếng nói của nông dân để trình bày những kỹ thuật mới cho họ nghe. Dĩ nhiên tôi phải hỏi cho nông dân trả lời theo trình tự logic để người nghe hiểu và chấp nhận.

Chương trình này nhanh chóng đã trở nên một chương trình được khán giả ưa thích không kém các chương trình cải lương!

Để hỗ trợ kỹ thuật cho chương trình khuyến nông với đài truyền hình, qua GS. Nguyễn Văn Hiệu, viện trưởng Viện Khoa học, tôi đã tranh thủ với GS. Edward Cooperman, chủ tịch Hội Các nhà khoa học Mỹ, hợp tác với Việt Nam xin một số thiết bị tôi cần như máy thu phát video và tủ lạnh -5⁰C bảo quản tập đoàn giống lúa mà thầy trò nông nghiệp của Đại học Cần Thơ đã sưu tầm.

Có lẽ tôi là người tiếp nhận bộ máy video đầu tiên trong nước vào năm 1981, gồm có bốn đầu máy Betamax, hai đầu máy Umatic và hai máy camera quay video Sony. Tôi nói “đầu tiên” vì lúc đó chưa cơ quan nào trong nước biết dùng loại thiết bị hiện đại này. Khi nhập vào, Hải quan TP.HCM đòi phải có giấy phép của Bộ Văn hóa - thông tin, và khi xin được giấy phép, hải quan ghi rõ chi tiết từng số máy như là đối với xe gắn máy bây giờ. Về đến Cần Thơ, chúng tôi phải trình với Sở Văn hóa - thông tin, ghi từng số máy và cam kết không sử dụng vào mục đích gì khác hơn là làm chương trình khuyến nông. Lúc ấy, GS. Cooperman cũng đem sang Việt Nam hai máy vi tính PC hiệu Apple II mới nhất của Mỹ, một cái đặt tại viện của GS. Nguyễn Văn Hiệu và một cái tại Đại học Cần Thơ. Nên nhớ là máy PC lúc ấy chỉ có một đĩa cứng 64 kilobyte mà thôi (không như bây giờ, nhỏ nhất cũng cỡ 10 Gigabyte).

Mô hình “phản động”

Qua chương trình khuyến nông trên truyền hình, tôi đã mạnh dạn giới thiệu mô hình sản xuất tiên tiến

trong nông thôn để mau chấm dứt tình trạng chán nản trong nông dân; cũng vì thế mà tôi và các vị lãnh đạo của Đài truyền hình TP.HCM (ông Huỳnh Văn Tiểng), Đài truyền hình Cần Thơ (ông Lưu Thành Tâm) và Ủy ban Phát thanh - truyền hình Việt Nam (ông Trần Lâm) suýt bị kỷ luật. Số là trong quá trình nghiên cứu lúa trên khắp đồng bằng sông Cửu Long, tôi thấy một trở ngại rất lớn khiến kỹ thuật không vào được với nông dân, đó là chính sách nông nghiệp của Nhà nước đã không khuyến khích người lao động mà còn bắt buộc họ làm việc như cái máy không được suy nghĩ gì cả.

Từ năm 1979 nông dân gần như bị bắt buộc phải vào hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất nhưng không ra đồng sản xuất, hoặc nếu có sản xuất thì hụ hợ không màng năng suất cao. Gia đình nông dân không đủ ăn mà họ cũng không có dư lúa để bán cho cửa hàng lương thực nhà nước. Ở nhiều địa phương nông dân không có dư lúa bán cho Nhà nước đã phải chịu đo bỏ lúa để chứng minh không có lúa dư.

Trong khi đó chúng tôi cộng tác với một số tập đoàn sản xuất - điển hình nhất là tập đoàn sản xuất số 9 ấp Lung Đen, xã Kế An, huyện Kế Sách, Sóc Trăng - theo kiểu “khoán sản phẩm” thì nhà dân đầy lúa mà kho lương thực nhà nước cũng đầy lúa. Nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh 2/9, tổng kết nông nghiệp sau năm năm hòa bình, tôi đã mạnh dạn đưa mô hình tập đoàn sản xuất số 9 ấp Lung Đen lên báo Tin Sáng ngày 2/9/1980 và trong chương trình truyền hình hằng tuần của tôi.

Các chuyên viên của Đài truyền hình TP.HCM từ lâu không kiểm duyệt chương trình của tôi vì toàn là nói về kỹ thuật, không có hơi hám gì về chính trị, không dè trong chương trình ngày 2/9/1980 lại có mục “khoán sản phẩm”. Các vị lãnh đạo Ban hợp tác hóa trung ương lập tức gửi công điện khắp các tỉnh, tuyên bố không chấp nhận mô hình “phản động” tôi đã nêu, và yêu cầu Đài truyền hình TP.HCM ngưng phát hình chương trình đi ngược đường lối. Anh Võ Văn Chung - người nông dân Tiền Giang cộng tác rất nhiệt tình với thầy trò nông nghiệp của Đại học Cần Thơ từ năm 1977 - đã hốt hải đi xe đồ sang Cần Thơ ngay hôm sau đó báo cho tôi hay là lãnh đạo tỉnh bảo anh ấy không nên tiếp xúc với tôi nữa vì tôi đã phạm tội với trung ương, và khuyên tôi nên cẩn thận.

Tôi liền báo ngay với ông Phạm Sơn Khai, bí thư Đảng ủy kiêm hiệu trưởng Đại học Cần Thơ bấy giờ. Ông hiệu trưởng trấn an tôi hãy bình tĩnh, để ông tìm hiểu thêm xem trên sẽ bắt tội tôi như thế nào. Trong phiên họp tháng 4/1981, Ban chấp hành Trung ương Đảng đứng trước hai sự chọn lựa: làm hợp tác hóa chính thống thì ra ít lúa hay khoán sản phẩm thì lúa đầy bồ của dân và đầy kho lương thực của Nhà nước.

Đảng đã chọn cách thứ hai, thể hiện trong chỉ thị số 100, mà sau này chúng ta quen gọi là Khoán 100. Ủy ban Phát thanh - truyền hình, Đài truyền hình TP.HCM, Đài truyền hình Cần Thơ và tôi được trắng án.

Phê phán chính sách phá rừng trầm

Từ quyết định lịch sử Khoán 100, Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới với những chính sách hợp tình hợp lý hơn. Trong thời gian này tôi tham gia Quốc hội (suốt ba khóa từ năm 1981-1997), đồng thời tham gia các hoạt động tư vấn cho một số viện, trường nông nghiệp quốc tế.

Lần họp Quốc hội đầu tiên của tôi vào tháng 6/1980 đánh dấu một sự thay đổi trong tập quán thảo luận tại hội trường Ba Đình. Bằng những minh chứng khoa học cụ thể, tôi đã phê phán chính sách phá rừng trầm để lập các vùng lúa Tháp Mười, U Minh, tứ giác Long Xuyên - Hà Tiên, làm lãng phí ngân sách quốc gia, nhứt chí người lao động (nhất là lao động bắt đắ dĩ từ thành thị bị bắt buộc tham gia trồng và gặt lúa, điển hình nhất là ở tỉnh Long An những năm 1978-1980). Trồng lúa không có hiệu quả

mà phá hại môi trường sinh thái rừng tràm thiên nhiên.

Sau khi tôi phát biểu, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngoắc tôi lại và hỏi tại sao tôi không nói sớm hơn để Nhà nước đỡ lãng phí? Tôi thành thật thưa rằng đây là dịp đầu tiên tôi có cơ hội trình bày, chớ trước đây đâu ai chịu nghe! Sau đó Thủ tướng đã trực tiếp chỉ thị cho Bộ Nông nghiệp (Thứ trưởng Nguyễn Đăng) nhanh chóng sửa sai. Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Phan Xuân Đột trong giờ giải lao cho tôi biết là mặc dù biết mất rừng tràm nhưng áp lực sản xuất lúa bằng mọi giá đã không cho phép ông bảo vệ rừng tràm được.

GS.TS. VÕ TÔNG XUÂN (Hiệu trưởng Đại học An Giang)

NỖI NIỀM CỦA TÔI

Làn sóng “xé rào” đã dâng trào mãnh liệt, cả đến những vùng cấm nhưng hàng rào bao cấp vẫn muốn siết lại. Trong cuộc giằng co đó, những người trong cuộc thật sự thấm thía bao nỗi niềm...

Hành trình của bao miến

Năm 1979 khi tôi đang công tác tại TP.HCM, được nghỉ phép về quê tại Nghĩa Đàn (Nghệ An). Chuyến về quê nghỉ phép năm ấy tôi không bao giờ quên vì suýt nữa tôi đã phải ngồi tù.

Ngày ấy cánh lính chúng tôi mỗi khi có việc (nghỉ phép hoặc công tác) ở các tỉnh phía Bắc phải đi tàu hỏa. Xuống tàu tại ga Vinh, tôi khệ nệ nào balô đồ đạc linh tinh, vác bao miến “đặc sản Hồ Nai” trên vai đến bên xe khách lấy vé về quê, mặc dù cực khổ nhưng trong lòng rất phấn khởi vì sắp được gặp lại những người thân, đặc biệt là lại có bao miến làm quà.

Khi xe chạy vào địa phận Nghĩa Đàn chưa được 1km thì xuất hiện một trạm gác (thời ngăn sông cấm chợ nhiều trạm gác lắm). Dân địa phương gọi trạm này là trạm Khe Son. Trước tiên là cần barie, được làm bằng nguyên cả cây tre, bở xuống chắn ngang đầu xe. Chiếc xe dừng hẳn lại, hành khách lục tục xuống xe nhưng đa số vẫn ngồi yên.

Một người đàn ông chừng 40-50 tuổi, chẳng biết là nhân viên thuế hay quản lý thị trường, bước một chân lên cửa xe quát: “Tất cả xuống để kiểm tra hành lý!”. Đến lúc này hành khách mới miễn cưỡng rời ghế xuống xe. Tôi là người rời xe sau cùng. Hai, ba người đàn ông hùng hổ bước lên xe, lục tung mọi đồ đạc hành lý của hành khách, nhiều đồ đạc bị lôi xuống, tôi nhìn thấy có những nồi đất đựng cá nướng của bà con vùng biển mang lên bán cho vùng núi, mỗi nồi chỉ khoảng 3-4kg cá, mà vẫn bị lôi xuống và bị gọi là hàng cấm, có thể bị tịch thu.

Tôi đang ngạc nhiên về điều đó thì nghe tiếng quát của một nhân viên: “Cái bao bố này của ai?”. Tôi chạy lại nói của tôi. Ông ta hỏi tiếp: “Cái gì trong này?”. Tôi trả lời là miến, tôi mang từ trong Nam ra để làm quà cho gia đình. Ông ta khẳng định: “Miến làm bằng gạo, là lương thực, là hàng cấm lưu thông, chỉ có Nhà nước mới được vận chuyển từ tỉnh này qua tỉnh khác, anh đã mang hàng không được phép, chúng tôi lập biên bản tịch thu”.

Tôi giải thích đây là miến chứ không phải gạo, hơn nữa số lượng không nhiều, không phải mục đích buôn bán gì, chỉ làm quà cho gia đình nhưng ông ta cũng không cho, buộc tôi phải đưa xuống trạm để lập biên bản. Tôi nhất quyết không chịu. Ông ta nắm bao bố định kéo xuống.

Tôi giằng lấy bao miến, nhìn thẳng vào mặt ông ta nói rít qua kẽ răng vừa đủ để ông ta nghe: “Nếu ông dám kéo bao này xuống, tôi sẽ bắn vỡ mặt ông” - vừa nói tôi vừa đưa tay móc khẩu K54 (chỉ để ông ta nhìn thấy). Chẳng biết ông ta sợ khẩu K54 hay sợ ánh mắt náy lửa của tôi lúc đó, chỉ thấy ông ta buông bao miến ra và lặng lẽ bước xuống xe, đi thẳng vào trạm. Tôi thấy ông ta trao đổi gì đó với một người khác (có lẽ là người phụ trách trạm). Rồi không thấy ông ta ra nữa.

Sau khoảng một giờ đồng hồ lục soát, tiếng quát tháo, tiếng năn nỉ van xin, kẻ chạy ra người chạy vô nhốn nháo, cuối cùng xe cũng được phép chạy và bao miến “đặc sản Hồ Nai” của tôi cũng về được nơi tôi muốn. Cho đến bây giờ, đã 26 năm trôi qua, nhưng mỗi khi có dịp được ăn miến gà, miến vịt,

miền giò heo... tôi lại nhớ bao miền “đặc sản Hồ Nai” và cuộc hành trình gian nan của nó.

TRƯƠNG ĐỨC THẮNG

Thoát nhờ “ông Sáu”

Tôi năm nay đã 86 tuổi, thuộc loại “động vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng, được xếp vào Sách đỏ của Đảng và chính quyền quận”, là chứng nhân của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, và của nhiều thời kỳ lịch sử đương đại ở nước ta và trên thế giới.

Chuyện bao cấp gạo làm tôi nhớ lại một chuyện cũ khá điển hình: hồi đó Bệnh viện Ung thư TP.HCM đang sắp thiếu gạo trầm trọng, chỉ còn đâu hơn một tuần lễ nữa thì có lẽ sẽ phải cho bệnh nhân ăn một bữa cơm, bữa cháo. Chúng tôi xin được một giấy giới thiệu của Văn phòng 2 Bộ Y tế, do thứ trưởng ký, xuống một tỉnh miền Tây mua ba tấn gạo. Xuống đến nơi, vị chủ tịch UBND tỉnh cầm tờ giấy đọc xong, vút xuống bàn như một tờ giấy lộn, nhìn mặt tôi nói với giọng hằn học: “Lại gạo, đây có phải là kho gạo của các anh đâu mà cứ xuống nã mãi thế này. Ba tấn à? Đến 3kg cũng không thể bán cho các anh được”. Tôi hết sức lo lắng và thất vọng bàn với anh em đồ ra chợ và vào các làng xóm tìm mua với bất cứ giá nào. Người ta lén lút bán cho chúng tôi nhưng không được bao nhiêu.

Đêm hôm đó, đột nhiên đứa con nhỏ của vị chủ tịch lên cơn sốt cao, co giật. Bà vợ hoảng hốt ra gọi tôi. Tôi vào xem thấy cháu bé bị sốt xuất huyết khá nghiêm trọng, vội gọi điện cho phòng cấp cứu bệnh viện tỉnh và đưa ngay cháu đến để được điều trị kịp thời.

Sáng hôm sau, vị chủ tịch cho mời tôi vào cấp một giấy phép mua ở kho gạo tỉnh, không phải ba tấn mà bốn tấn gạo. Tôi mừng rơn, vội vã thu xếp đi về, chiếc xe tải chở gạo đi trước, tôi đi chiếc xe con áp tải phía sau. Vừa ra khỏi địa phận tỉnh, sang đến tỉnh bên thì bị một toán dân quân, súng ống kè kè, chặn xe lại, xem giấy giới thiệu thấy nói mua ba tấn mà sao lại quá tải thế này, bắt đồ cả xuống để cân lại.

Chuyện còn đang rất lùng nhùng thì anh lái chiếc xe con của tôi, vốn trước kia đã là một trung sĩ lái xe cho một sĩ quan cao cấp trong quân đội Sài Gòn, mở cửa xe bước xuống, nét mặt hầm hầm tiến lại phía đám dân quân, quát to lên: “Bọn bay muốn rục xương hả? Không thấy ông Sáu ngồi trong xe kia ư?”

Ông Sáu là tôi, ngồi trong xe không biết là Sáu gì, nhưng run quá, nghĩ không khéo đêm nay nằm cho muỗi đốt thê thảm trong trại giam của tỉnh cũng nên. Nhưng may thay, đám dân quân dẹp sang một bên, hất tay cho xe đi. Hú vía. Đi trót lọt về đến thành phố thì đã gần nửa đêm, phải đợi đến sáng kiểm tra xong mới được vào.

Ngoài những chuyến xe bão táp đi mua gạo đó, tôi cũng đã từng đứng ở bục giảng Trường đại học Y khoa TP.HCM. Có bữa thầy đang giảng bài trên giảng đường thì ở dưới sinh viên vừa đi lĩnh được gạo về đang tấp nập chia khẩu phần, đành phải hoãn bài giảng, vì bệnh gì thì bệnh cũng không bằng cái bệnh đói của những bao tử đang tuổi ăn, tuổi lớn.

Còn biết bao nhiêu chuyện riêng của tôi và gia đình tôi thì cũng như của biết bao nhiêu cán bộ và gia đình cán bộ vào cái thời bao cấp ấy. Gần đây anh Nguyễn Khải, nhà văn, có nói với tôi: “Chúng mình thời ấy cứ như đang sống trong một cơn mê sáng tập thể vậy.”

BS NGÔ VĂN QUỠ

(nguyên phó giám đốc Trung tâm Ung bướu TP.HCM)

Không phá rào?

Sau khi báo Tuổi Trẻ ngày 7/12 đăng bài của tôi về “Tù chạy gạo đến phá cơ chế giá”, tôi liền nhận được điện thoại của một bạn trẻ chất vấn: “Thành phố thiếu gạo, dân có tiền, nông dân đồng bằng sông Cửu Long có gạo bán thì xuống mua là chuyện thường tình. Có gì mà phải ca ngợi những vị lãnh đạo của thành phố là dũng cảm đột phá, là dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm...?” Tôi đã trả lời người bạn trẻ. Hôm sau, mấy em học trò của tôi đến khoe đã đọc bài báo đó và cũng hỏi một câu y như thế!

Hóa ra thế hệ trẻ không dễ hình dung nổi những trở ngại về cơ chế và tư duy những năm đó nghiệt ngã đến mức nào!

Thay vì trả lời từng bạn đọc, tôi xin gửi tới báo nội dung trả lời của tôi:

Lúc ấy khuynh hướng của nhiều người, thậm chí của đa số, là không muốn phá rào, mà muốn tìm những định hướng khác như giáo dục tư tưởng, yêu cầu đảng viên phải gương mẫu bán thóc, nhân dân và cán bộ phải chịu đựng gian khổ...

Có một định hướng đã từng được thực thi, mà tôi cùng hàng chục ngàn người đã từng là nạn nhân là: đưa cán bộ công nhân viên chức về nông thôn trồng khoai trồng sắn. Theo chỉ thị số 306-TTg 18/11/1980, các cơ quan xí nghiệp trong cả nước phải thay phiên nhau về nông thôn mượn đất của hợp tác xã để trồng trọt. Đó cũng là lúc người nông dân hợp tác xã đã chán không muốn trồng trọt nữa, sẵn sàng nhường đất cho bất cứ ai muốn xin. Cán bộ công nhân viên buộc phải về những vùng xa xôi 40-50km.

Trường hợp cơ quan tôi thì phải đi từ Hà Nội lên tận Thái Nguyên. Đường xá xa xôi. Tiền xăng, tiền ăn đường còn tốn hơn nhiều so với của cải làm ra. Từ quen cầm bút chuyển sang tay cày tay cuốc. Đã không biết trồng trọt lại không có người trông nom, củ khoai củ sắn bé tí, lại không người chăn nom, trâu bò đến phá...

Cuối cùng tốn vô số thời gian, tiền bạc và công sức mà chẳng được gì. Vậy mà vẫn có vị lãnh đạo nói rằng: “Dù sao thì chúng nó cũng làm ra được củ khoai củ sắn, thêm một chút lương thực cho xã hội, còn hơn là ngồi không ăn hại!” Hóa ra mất không biết bao nhiêu tiền đào tạo những tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ... để làm việc cày cuốc không bằng một người nông dân!

Vậy mà định hướng đó đã từng một thời được coi là có lập trường vững vàng. Còn sự tháo gỡ theo hướng đột phá như TP.HCM thì đã từng bị không ít người cho là chệch hướng. Thật may, nếu không “chệch hướng” mà cứ đúng hướng đi trồng khoai trồng sắn như kể trên thì không biết đến ngày hôm nay “dân mình ra sao”!

Thiết tưởng đó là một bài học rất có ý nghĩa đối với các bạn trẻ hiện nay, là những người không bao lâu nữa sẽ gánh vác trọng trách lèo lái con thuyền Việt Nam đi tiếp vào tương lai.

ĐẶNG PHONG (chuyên gia sử kinh tế Việt Nam)

ĐỘT PHÁ

Sau khi có chủ trương bung ra và cởi trói cho sản xuất của Hội nghị trung ương lần thứ 6, các địa phương bắt đầu có một cái “gậy” để phá rào. Sự bung ra của TP.HCM bắt đầu từ việc sử dụng thương nhân đứng ra thu gom những mặt hàng có thể xuất khẩu để trao đổi trực tiếp với nước ngoài.

Xuất khẩu ở phao số 0

Cuối năm 1979, TP.HCM gần như bế tắc trong chuyện nhập hàng từ bên ngoài. Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt và Chủ tịch UBND thành phố Mai Chí Thọ loay hoay tìm cách nhập khẩu một số nguyên liệu và nhu yếu phẩm tối cần thiết, nhằm nuôi sống các cơ sở sản xuất của thành phố. Việc đó cũng giống như chuyện chạy gạo của Công ty Lương thực: phải tìm một hình thức phá rào mà không bị huýt còi.

Sự bung ra của TP.HCM bắt đầu từ việc sử dụng thương nhân đứng ra thu gom những mặt hàng có thể xuất khẩu để trao đổi trực tiếp với nước ngoài. Hàng thì có. Đối tác cũng có. Vấn đề là cơ chế.

Một giải pháp được đề xuất: không dựa vào quốc doanh mà sử dụng hệ thống liên hiệp xã của thành phố. Liên hiệp xã là một tổ chức có tính chất mặt trận, phi chính phủ. Chỉ có hình thức này mới có thể huy động tư nhân.

Chỉ có tư nhân mới có điều kiện bỏ vốn, mua hàng và liên lạc với các doanh gia nước ngoài để trao đổi hàng hóa. Thật ra tư nhân có khả năng làm việc đó chỉ có thể là thương nhân người Hoa. Họ vừa có vốn, vừa có quan hệ với các chân hàng trong nước, lại có quan hệ thân thiết với người Hoa ở Hong Kong, Singapore. Họ có thể liên lạc, chấp nối để biết có thể đem hàng gì đi trao đổi. Giữa người Hoa với nhau có khi không cần văn bản hợp đồng. Chỉ bằng điện thoại, fax là họ có thể thỏa thuận với nhau.

Phương thức này được xúc tiến từ khoảng đầu năm 1980. Bước đầu liên hiệp xã nhờ các thương nhân người Hoa, liên lạc với Hong Kong, Singapore để hẹn mua một số hàng như sợi thuốc lá, sợi dệt, xăng dầu...

Sau đó, họ đi thu gom các mặt hàng như mực khô, tôm khô, lạc, đỗ, đồ thêu ren, sơn mài... để đổi. Giá cả đều tính ra đôla và trao đổi bằng hiện vật. Làm như vậy là vượt qua được cơ chế giá chỉ đạo của Nhà nước là một trong những cửa ải khắc nghiệt nhất.

Việc trao đổi được tiến hành theo phương pháp trực tiếp: hai bên ngầm điện cho nhau biết, hẹn ngày giờ, gặp nhau tại phao số 0 ngoài khơi trao hàng cho nhau, xong thì ai về nước của mình, không có xuất nhập cảnh gì cả.

Một vị lãnh đạo trung ương “huýt còi” và răn đe cách làm của TP.HCM trái nguyên tắc chủ nghĩa xã hội. Nhưng nếu nghiêm chỉnh chấp hành thì tất cả bó tay.

Không có sự năng động của cơ sở và sự bảo trợ mạnh tay của lãnh đạo thành phố, khó có thể tháo gỡ được cơn đói hàng nhập khẩu. Nhưng dù năng động và mạnh tay thì trước những rào cản về tư duy và cơ chế kể trên, mọi sự tháo gỡ đều phải đi từng bước một, trong xiết bao gian nan và trở ngại.

Trăm “imex” đua nở

Trong năm 1980, phương thức trao đổi ở phao số 0 đã tiến hành được khoảng hơn một chục chuyến. Những chuyến hàng đó đã góp phần giải quyết nguyên liệu cho Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội, sợi dệt cho Nhà máy dệt Thành Công, nguyên liệu làm bột ngọt cho Nhà máy Vifon...

Lúc này thật ra vẫn chưa có vốn vay của ngân hàng. Cả Ngân hàng Ngoại thương cũng như Ngân hàng Nhà nước đều không dám bỏ tiền cho vay hoặc bảo lãnh cho việc xuất nhập khẩu đó. Vốn hoàn toàn là của tư thương, thực chất là của người Hoa bỏ ra để thu gom những mặt hàng trong nước và trao đổi lấy nguyên liệu phục vụ sản xuất và đời sống.

Từ những kết quả buôn bán ở phao số 0, Thành ủy và UBND thành phố bắt đầu nghĩ tới việc thành lập liên hiệp xã, một đơn vị chuyên lo công việc xuất nhập khẩu. Tháng 5/1981, công ty đầu tiên được thành lập bởi liên hiệp xã mang tên Direximco (nghĩa đen là công ty xuất nhập khẩu trực dụng, tức là trực tiếp dùng hàng đổi lấy hàng).

Sau thành công của Direximco, hàng loạt “imex” ra đời. Quận 5 đã thành lập một công ty xuất nhập khẩu rất nổi tiếng là Cholimex. Hội Công thương gia thành lập Công ty Phiconimex. Công ty được phẩm cần nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất thuốc thành lập Pharimex... Như vậy là cùng với Imex Sài Gòn là cơ quan ngoại thương chính thức của thành phố, có chức danh như một tổng công ty, thành phố đã có hàng loạt công ty xuất nhập khẩu thật sự là của địa phương.

Từ trung ương đến các địa phương thời đó, người ta vẫn đồn đại về một câu nhận xét rất nổi tiếng của Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Lê Khắc về những tháo gỡ của TP.HCM: “Bước xuống sân bay Tân Sơn Nhất là đã thấy sắc mùi Nam Tư rồi!”

Cholimex làm luôn cả chuyện kiều hối ngầm. Cholimex liên hệ với đại diện Việt kiều yêu nước tại Canada. Cơ sở Việt kiều đó nhận làm “đại lý” cho việc chuyển tiền về nước. Bất cứ Việt kiều nào ở Canada, Mỹ đều có thể gửi tiền cho cơ sở này. Cơ sở đó báo về cho Cholimex. Cholimex phải chi tiền Việt để trả cho thân nhân của Việt kiều ở trong nước, tỷ giá được tính sát giá thị trường tự do. Như thế là Việt kiều đã giải quyết được việc giúp thân nhân. Cholimex có một số ngoại tệ tương ứng trừ đi khoảng 2-3% phí dịch vụ cho đại lý hải ngoại. Khi số tiền của nhiều Việt kiều gửi về gộp lại thành một khoản lớn, Cholimex yêu cầu đại lý đó chuyển khoản về Hong Kong hoặc Singapore để trang trải một món hàng nhập khẩu nào đó.

Để cho các hoạt động này được hợp pháp, có tình có lý, các “imex” báo cáo với Nhà nước rằng đó là Việt kiều yêu nước gửi nguyên vật liệu về giúp đỡ phát triển sản xuất và xây dựng đất nước. Về nguyên tắc thì điều đó không trái với những quy định rất ngặt nghèo của cơ chế kế hoạch hóa tập trung: nếu Việt kiều yêu nước gửi nguyên vật liệu về giúp đất nước thì được khuyến khích và miễn thuế. Như vậy cái vòng đi và vòng về đã khép kín và trót lọt.

Xét về kim ngạch, con đường kiều hối nguyên liệu không lớn bằng con đường xuất nhập khẩu trực tiếp. Mỗi năm tổng số gửi về chỉ khoảng vài chục triệu USD. Tuy nhiên, để giải quyết những thiếu thốn lúc đó, nó cũng đã đóng một vai trò rất quan trọng trong những năm “đêm trước” đổi mới.

Trong ba năm từ 1980-1982, hoạt động của các “imex” phát triển mạnh không chỉ ở TP.HCM mà đã lan tỏa ra rất nhiều tỉnh trong cả nước. Nhiều tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và ngoài Bắc cũng áp dụng phương thức hoạt động này.

Họ cử những đoàn vào nghiên cứu và học tập kinh nghiệm của TP.HCM. Đó là trường hợp của Dệt lụa Nam Định, Thuốc lá Bông Sen ở Thanh Hóa. Đặc biệt các tỉnh có biển như Quảng Ninh, Hải

Phòng cũng phát triển rất mạnh những hình thức xuất nhập khẩu địa phương.

Tình hình phát triển tới mức mà các cơ quan quản lý ở cấp trung ương đã thấy rằng phải để mắt tới. Bắt đầu có những ý kiến yêu cầu phải siết chặt lại. Lý do thì có rất nhiều: hiện tượng tranh mua tranh bán đã đẩy giá lên cao.

Việc các địa phương mua vét hàng nông sản, lâm sản làm cho cơ quan ngoại thương của trung ương càng thêm khó khai thác các nguồn hàng để xuất khẩu theo các kênh chính thức. Việc mua bán vòng vo, ngoài kế hoạch đã làm rối loạn hệ thống kế hoạch hóa và cơ chế quản lý kinh tế...

Siết lại nhưng chỉ là hình thức

Ngày 14/9/1982, Bộ Chính trị ra nghị quyết 01 về “công tác của TP.HCM” nhằm uốn nắn những biểu hiện bị coi là “chệch hướng”. Đến tháng 12/1982, Hội nghị trung ương lần thứ 3 (khóa V) ra nghị quyết “Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1983 và mức phấn đấu năm 1985”. Nội dung chính của nghị quyết này là lập lại kỷ cương trong phân phối lưu thông.

Để thực hiện những tư tưởng trên, một trong những biện pháp quan trọng là dẹp các “imex” nhỏ lẻ, tập hợp tất cả vào trong một cơ quan xuất nhập khẩu duy nhất của mỗi tỉnh. Từ đó, tất cả các “imex” của TP.HCM đều bị giải thể và nhập lại trong một đơn vị gọi là Imexco.

Tại các tỉnh, các cơ quan xuất nhập khẩu cũng được tập trung lại thành một cơ quan duy nhất, gọi là Unimex. Tất cả các tác nghiệp xuất nhập khẩu đều được “thanh lý”, chuyển toàn bộ tài sản và nhân sự vào một đơn vị thống nhất, do Nhà nước quản lý. Có thể nói nếu xét về mặt tháo gỡ những ách tắc do cơ chế cũ gây ra thì nghị quyết 01 và nghị quyết của Hội nghị trung ương lần thứ 3 là một bước lùi trên con đường đi tới cơ chế thị trường.

Tuy nhiên, đó cũng là điều khó tránh khỏi trong thời kỳ đang phải “dò đá qua sông”, vì những năm nửa đầu thập kỷ 1980 vẫn còn là thời kỳ tranh tối tranh sáng, giằng co giữa một bên là cơ chế kế hoạch hóa tập trung và một bên là cơ chế thị trường.

Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là trong khi ý kiến chính thức của trung ương là siết lại, thì ở TP.HCM và nhiều địa phương phần lớn ý kiến lại chưa “thông” với chủ trương đó. Cũng rất may là việc siết lại chỉ mang tính chất hình thức.

Tuy tất cả các tỉnh và thành phố đều chỉ còn một cơ quan xuất nhập khẩu duy nhất, nhưng việc xuất nhập khẩu trong thực tế lại không siết vào được nữa. Sau ba năm bùng ra của các “imex”, các cơ sở sản xuất đều đã học được cách tiếp cận với thị trường nước ngoài. Khi các “imex” không còn, họ đã kịp tìm được cách tự tổ chức những mối quan hệ.

Cùng với những thành công kể trên, các “imex” cũng phải trả giá vì chưa có kinh nghiệm thương trường, nhiều cơ sở đã bị thua lỗ, phá sản! Và không ít những giám đốc các “imex” đi tù, có người đã tự tử. Tất nhiên, các “imex” cũng như phần lớn các cuộc phá rào khác chỉ là biện pháp tình thế để khắc phục nhất thời những ách tắc của cơ chế cũ. Để đi tới nền kinh tế thị trường theo đúng nghĩa, còn phải tiếp tục trả giá và cả chặng đường dài cam go nữa.

ĐẶNG PHONG (chuyên gia sử kinh tế Việt Nam)

CÔNG PHÁ “LŨY TRE”

Thành trì hợp tác xã nông nghiệp vừa siết lại ở miền Nam đã đưa đẩy người dân vào cảnh bát cơm độn với ngô khoai. Mọi người đều cảm thấy bức bách tìm đường thoát. Và cái chuyện ngăn sông cấm chợ rồi cũng bị công phá nốt.

Trả lại nông cụ cho dân

Linh hồn của hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất là công hữu hóa tư liệu sản xuất (ruộng đất và nông cụ). Cuối năm 1978, An Giang quyết định thành lập hợp tác xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành làm nhân tố điển hình để mở rộng phong trào hợp tác hóa.

Ông Sáu Kiệt, nguyên chủ nhiệm hợp tác xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang, kể: vận động bà con vào hợp tác xã, công an còn phải đứng bên bờ yêu cầu nông dân phá hết rau để giao đất cho hợp tác xã.

Ông Nguyễn Ngọc Triu, nguyên bộ trưởng Nông nghiệp, từng chứng kiến cảnh hai vợ chồng có một con trâu, chồng nghe vận động vào hợp tác xã, vợ thì không. Khi ra đồng, chồng đòi dắt trâu cày cho hợp tác, vợ giằng lại thùng để cày cho ruộng nhà.

Không thể chống nhiệm vụ được hợp tác xã giao, chồng phải trói vợ giữa đồng để cày xong mới thả cả người lẫn trâu... Rồi mạ chết rét, thời vụ sắp hết, loa hợp tác xã gọi xã viên ra đồng cấy dặm nhưng từng đoàn người uể oải dắt díu nhau như đi hội. Vừa làm vừa ngẩng đầu tán gẫu chờ kẻo nghỉ trưa.

Và dù không thiên tai thì năm nào cũng như mất mùa... Cảnh cha chung không ai khóc bao trùm lên tất cả các hợp tác xã lúc bấy giờ. Cuối mỗi buổi làm, cán bộ hợp tác xã ghi điểm từng người. Chỉ cần đánh trống ghi tên là được. Điểm này sau quy ra thóc với giá rất rẻ rúng.

Làm ăn như vậy, cuối vụ thóc thu về bằng 1/4 thời chưa vào hợp tác. Ai dành dụm được chút lúa thì phải bán cho Nhà nước, cấm mang ra chợ. Giá Nhà nước mua chỉ bằng 1/10 giá chợ và không đủ hoàn vốn đầu tư.

Thời trước bà con xã Hòa Bình Thạnh đã đầu tư rất nhiều máy móc phục vụ sản xuất. Toàn xã 900 hộ có hơn 70 cỗ máy cày, bừa, bơm, xới... Vận động bà con vào hợp tác xã rất khó nhưng lãnh đạo ra chủ trương bằng mọi giá phải công hữu hóa hết số máy móc nông cụ.

Tất nhiên việc ấy thì làm được nhưng hầu hết các chủ máy đều rất miễn cưỡng vào tập thể. Họ nói đây là thứ tài sản lớn, nhiều năm chắt chiu mới có được. Thứ hai phải “hiểu” nó, “yêu” nó thì nó mới sống mà nuôi người được.

Nay đưa vào hợp tác, thu nhập tính bằng công lao động, máy giao người khác như vậy là họ mất không... Thế là dù phải nộp máy cho hợp tác nhưng họ cố tình tháo bớt phụ tùng. Có người chặt gần đứt cả xích, cưa cả trục máy rồi mới giao hợp tác xã.

Số máy có thể hoạt động thì những chủ cũ không chịu điều khiển hoặc không được điều khiển nên giao cho chủ mới. Chủ mới thường thiếu kỹ thuật hoặc thiếu tâm huyết nên chẳng mấy chốc cũng lại để đắp chiếu. Thế là sau một vụ, 100% đầu máy nông nghiệp của xã phải nằm kho, hàng trăm hecta đất không làm kịp vụ phải bỏ hoang.

Ông Nguyễn Văn Hơ, nguyên bí thư Tỉnh ủy An Giang, nhớ rất rõ: lúc ấy tỉnh gần như hoàn thành chỉ tiêu hợp tác hóa bằng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Nhưng đồng hành với việc này là 20.000ha diện tích đất bỏ hoang (chiếm gần 10% tổng diện tích) vì lý do trên.

Không có cách nào khác để khắc phục ngoài việc phải trả máy cho dân. Tuy nhiên, ý tưởng này là trái với ý chí công hữu hóa tư liệu sản xuất. Ông Hơ yêu cầu phải nghĩ cách. Ban đầu tỉnh xin Nhà nước kinh phí để mua máy mới và sửa chữa máy cũ vì an ninh lương thực bị đe dọa.

Tất nhiên trung ương lúc ấy lấy đâu ra ngân sách để mua máy nên đã trả lời không có. Vậy các tập đoàn, hợp tác xã muốn hoạt động được phải bỏ tiền ra mà mua, mà sửa máy. Tỉnh ra công văn yêu cầu những đơn vị đó thực hiện ngay.

Với hợp tác xã, tập đoàn thì việc này hơn là đánh đổ vì làm sao có tiền? Nếu không tiền thì bán lại những cái đồng sắt vụn đó cho dân. Tất nhiên phải bán đúng giá mà trước đây các anh đã mua (rất rẻ và chủ yếu nợ trên giấy tờ) của dân và phải bán lại đúng người chủ cũ của máy thì họ mới vận hành được.

May quá, các tập đoàn gỡ được thế bí, thi nhau gọi dân đến bán máy mà thật ra là trả lại cho chủ cũ. Nông dân mừng khỏi phải nói. Và không đầy nửa vụ, toàn bộ những đồng sắt phế liệu lại trở thành chỗ dựa cho hạt lúa và người dân An Giang khi chạy xịch xịch trên các cánh đồng.

An Giang đã “xé rào” một cách hợp pháp và ngoạn mục như vậy. Đây cũng là phát súng đầu tiên và mang tính quyết định trong chiến dịch giải thể các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp của tỉnh, mở ra một hướng đột phá mới.

Những mũi đột phá như thế, đặc biệt là khoán chui ở Vĩnh Phú, rồi ở Đoàn Xá, Đồ Sơn (Hải Phòng) đã đẩy đến điểm chín muồi cho sự ra đời chỉ thị 100 (tháng 1/1981). Văn bản chính thức này cho phép áp dụng “khoán 100” (khoán ba khâu: cấy lúa, chăm bón, thu hoạch) trên cả nước. Đèn xanh đã bật nhấp nháy chuẩn bị cho khoán triệt để (khoán 10) giao đất cho dân, bỏ công điểm... sau năm 1986.

Mở chợ khơi sông

Một trong những yếu tố gây ức chế nhất cho nền kinh tế lúc đó là chính sách giá mà nổi cộm và có ảnh hưởng lớn nhất là giá thu mua lương thực. Điều này không phải những người làm chính sách không nhận thức đầy đủ mà là cuộc đấu tranh giữa hai luồng ý kiến chưa ngã ngũ.

Theo chuyên gia sử kinh tế Đặng Phong, một số cán bộ cốt cán của Ủy ban Vật giá bảo vệ cơ chế và mức giá cũ với lý lẽ chủ nghĩa xã hội là ổn định giá chỉ đạo, cách duy nhất có thể đảm bảo cơ chế kế hoạch hóa tập trung.

Những trục trặc hiện nay trên thị trường là do lãnh đạo địa phương chưa thông, chưa làm tốt, hợp tác xã còn nặng tư tưởng tư hữu... Trong khi Bộ Nông nghiệp và Viện Kinh tế học có ý kiến ngược lại.

Có lần, tại diễn đàn Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, ông Trần Phương, viện trưởng Viện Kinh tế học, phát biểu: cơ chế thu mua này là mua như cướp, bán như cho. Cách tính giá của Ủy ban Vật giá là sai vì đã không tính đến điều kiện thị trường, sự bất cập trong cơ chế cung ứng vật tư của Nhà nước hay nhu cầu ngày càng tăng của nông dân...

Một người trong hội trường chất vấn: Đây là ý kiến cá nhân hay trung ương? Ông Phương trả lời: Đây là ý kiến trung ương giao tôi trình bày. Đây cũng là ý cá nhân nhưng là ý của đồng chí tổng bí thư...

Sự phản đối cơ chế thu mua này diễn ra ở cơ sở tuy âm thầm nhưng mạnh mẽ hơn nhiều. Làm việc với lãnh đạo các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, một cán bộ Ủy ban Vật giá thuyết giảng: những người cộng sản chúng ta lấy lập trường của chủ nghĩa xã hội hay lập trường thị trường tự do để làm giá?

Ông Bảy Phong, chủ tịch tỉnh Đồng Tháp lúc đó, trả lời: “Nếu nói phẩm chất người cộng sản thì chúng tôi không thua bất cứ ai. Khi chúng tôi lăn lộn đánh Mỹ thì các anh đang ở đâu, làm gì? Đánh Mỹ xong, chúng tôi đi theo chủ nghĩa xã hội. Nhưng chủ nghĩa xã hội gì mà mua không được, bán không được.

Người nông dân có thể cho chúng tôi hàng trăm ngàn tạ lúa để đánh Mỹ. Nhưng bây giờ nói mua phải đúng là mua, nói bán phải đúng là bán. Cơ chế mua không được, bán không được trong khi lúa đang còn thì đây có là chủ nghĩa xã hội không?”

Trong cuộc đấu tranh tư tưởng ấy, An Giang chỉ tính toán bằng những phép tính đơn giản. Ông Nguyễn Văn Hôn, nguyên bí thư Tỉnh ủy An Giang, nói: năm 1980, khi ông làm chủ tịch tỉnh, trung ương chuyển cho An Giang một lượng hàng tiêu dùng là sắn lốp xe đạp, đường, sữa, vải, xà phòng... tương ứng với nghĩa vụ An Giang phải thu mua và nộp về trung ương 100.000 tấn lúa.

Nhiệm vụ này rất khó vì giá lúa ngoài chợ khi ấy cao gấp 10 giá Nhà nước mua. Nông dân không muốn bán cho Nhà nước. Ngược lại, với lượng hàng trung ương phân bổ, tỉnh cũng phải bán cho dân với giá quy định.

Giá đó cũng thấp hơn giá chợ, thấp hơn giá thành của nó nhiều lần. Song giá bán ấy hàm chứa rất nhiều tiêu cực, bất công như đầu cơ, móc ngoặc, tham ô, cửa quyền, những nhiều...

Cả hai bài toán này đều chung một cách giải đơn giản: tỉnh bán hàng theo giá chợ và lấy tiền đó cũng mua lúa theo giá chợ. Mạnh dạn thực hiện, năm đó An Giang mua được 160.000 tấn lúa, vượt chỉ tiêu 60.000 tấn mà vẫn còn thừa 10 triệu đồng...

Nông dân, Nhà nước đều có lợi... Đồng hành với những mũi tấn công vào cơ chế giá, ở TP.HCM, Công ty Lương thực thành phố cho xe tràn xuống đồng bằng sông Cửu Long mua lúa giá chợ về bán cho ba triệu dân thành phố tuy có tiền nhưng đang phải ăn độn.

Sau cuộc cải cách đó, chủ nhiệm Ủy ban Vật giá đương nhiệm chuyển công tác khác. Ông Đoàn Trọng Truyền được cử về thay và tham gia điều hành cuộc tổng điều chỉnh giá. Ông Nguyễn Văn Hôn, bí thư An Giang, tác giả của đột phá ở tỉnh, đến năm 1982 chuyển ra trung ương nhận chức thứ trưởng Bộ Nông nghiệp.

XUÂN TRUNG - QUANG THIỆN

CHUYỆN CÔ GIÁO TÔI

Nhiều bạn đọc đã gửi những câu chuyện “Đêm trước đổi mới” của chính mình về tòa soạn *Tuổi Trẻ*. Dưới đây là một câu chuyện trong số đó.

Lúc đó quãng năm 1983, tôi đang học lớp 8 trường huyện. Cô giáo dạy lớp tôi đến từ thành phố Đà Nẵng, hằng ngày cô phải đạp xe hơn 30km. Đời sống giáo viên lúc đó thì cũng như ông giáo Hàng mà *Tuổi Trẻ* đã phản ánh: thiếu thốn mọi bề.

Trong khi đó, sống ở miền quê chúng tôi sướng hơn cư dân thành phố nhiều (trong đó có cô giáo của tôi). Vì ngoài số lúa được nhận từ hợp tác xã, ba mẹ chúng tôi còn có thể trồng khoai, dưa, sắn, bắt cá, chim ngoài đồng, nuôi gà trong vườn...

Tất cả những khoản cải thiện này là ước mơ của dân thành phố. Một ngày cận tết, miền Trung mưa phùn rét mướt. Cô giáo chăm nón và tặng mẹ tôi một chiếc nón lá thật đẹp.

Tôi đem nón về cho mẹ và mẹ bảo trưa thứ bảy mời cô giáo về nhà ăn cơm. Bữa cơm đó có cá rô kho mặn, canh cải nấu cá lóc và có cả thịt gà. Sau bữa cơm trưa, mẹ tôi còn đóng tặng cô giáo một túi gạo độ chừng 5kg và một con gà.

Trưa thứ hai, sau khi dạy xong, cô giáo theo tôi về nhà. Vừa gặp mẹ tôi, cô giáo đã bật khóc: “Chị ơi, em đã vớt hết quà của chị xuống sông Hàn rồi, em uất quá chị ơi”.

Thì ra, khi chở mấy ký gạo và con gà về đến trạm gác cầu Nguyễn Văn Trỗi, cửa ngõ vào Đà Nẵng, cô bị chặn lại và cán bộ kiểm soát đòi tịch thu vì cho đây là hàng lậu. Sau một hồi giằng co, cô đã không kiềm chế được và đã vớt cả gạo, cả gà xuống sông.

Sau đó cô bị cơ quan chức năng gửi công văn đến trường và bị ban giám hiệu phê bình trước tập thể. Lúc đó tôi thật không hiểu vì sao cô giáo lại bị cho là buôn lậu. Đến tuổi trưởng thành và bước vào đời, chúng tôi đã được thở trong làn không khí đổi mới kể từ năm 1986. Câu chuyện cô giáo tôi đã thật sự trở thành cổ tích!

HỒNG NHUNG (Hội An, Quảng Nam)

CHIẾC ÁO CƠ CHẾ MỚI

Sài Gòn sau ngày giải phóng giữa lúc bộ mặt sản xuất ngổn ngang thì hai vợ chồng chủ Hãng dệt Tái Thành (tức Dệt Thành Công sau này) là Huỳnh Ngọc Thái và Đoàn Thị Mỹ đã hiến cho Nhà nước toàn bộ cơ ngơi một nhà máy lớn nhất nhì ngành dệt may thành phố lúc bấy giờ.

Khi kỹ sư dệt đi vỡ hoang

Ông Nguyễn Xuân Hà, vị giám đốc đầu tiên của Dệt Thành Công (sau giải phóng), còn nhớ: xí nghiệp có hơn 100 cỗ máy, gần 20.000 cọc sợi và 300 công nhân lành nghề luôn cho ra đời mỗi năm 2,4 triệu m² vải dệt kiểu ôxpho - mặt hàng cao cấp nhất lúc đó. Thời gian đầu máy móc hoạt động bình thường nhưng đến cuối năm 1979 tình hình xấu dần. Ban đầu là máy hỏng vài con ốc.

Tiếp đến cái bánh răng, cuộn dây và cuối cùng là cỗ máy thứ nhất đắp chiếu, ba bốn dàn máy khác trục trặc. Theo quy trình kỹ thuật thì phải bảo dưỡng và thay thế định kỳ, nhưng nay không thể bởi dây chuyền này nhập khẩu từ Mỹ và Nhật - những quốc gia tư bản “ta không chơi”.

Nhưng khôn khổ nhất là kho nguyên liệu dự trữ của Tái Thành đã hết. 80% dây chuyền tạm ngừng sản xuất. Bộ phận nhỏ còn lại dệt may những sản phẩm phụ. Không thể xoay nghề khác vì thiếu vốn.

Về nguyên tắc Nhà nước cấp vốn theo kế hoạch từng năm, nhưng thực tế thì chưa năm nào Thành Công được cấp quá 20% nhu cầu. Công nhân không việc làm, đời sống ngày một quẩn bách. Nguồn thu nhập nhỏ nhoi nhất là vải vụn, tơ rời (phụ liệu) có thể làm găng tay, thú nhồi, mũ, túi cũng phải nộp lại Nhà nước.

Ban lãnh đạo công ty liên hệ với các tỉnh Sông Bé, Đồng Nai đưa công nhân đi trồng trọt, chăn nuôi cải thiện đời sống. Nhưng do không nghề, không vốn và không cả tinh thần làm việc nên sau hàng chục tháng lại về không.

Công ty ngày đó bố trí một bữa cơm ca trưa cho công nhân. Ai cũng cố ăn thật no để buổi chiều về có thể nhường cơm cho gia đình. Có người vì ăn quá no đi lại ì ạch như bà đẻ, không làm việc được trông vừa buồn cười vừa tội nghiệp.

Tìm kẽ hở của chính sách

Lúc này chìa khóa của Dệt Thành Công là ngoại tệ. Có ngoại tệ sẽ có phụ tùng và nguyên liệu. Nhưng Nhà nước không có ngoại tệ cấp cho doanh nghiệp. Vậy đào đâu ra? Thì ra trong lớp lớp lưới tường ngăn, rào chắn vẫn có những khe ngoại tệ chảy vào Việt Nam.

Đó là những doanh nghiệp du lịch, bến cảng và xuất khẩu thủy sản. Ban lãnh đạo công ty quyết định tiếp cận những nguồn này. Gõ cửa các công ty: Du lịch Sài Gòn, Thủy sản Ramico, cảng Sài Gòn, giám đốc Nguyễn Xuân Hà bắt đầu “thuyết khách”: Tôi bán vải sợi cho anh để anh bán lại cho dân và mua cá. Cá xuất khẩu thu ngoại tệ thì xin anh trả vốn cho tôi bằng ngoại tệ.

Với du lịch và cảng biển thì anh cứ bày bán ở cửa hàng cho khách nước ngoài (nếu anh bán cho khách nội địa thì chạy hàng hơn đấy!). Tiền gốc anh trả tôi nhưng hãy làm ơn trả bằng ngoại tệ...

Không biết bởi may mắn, bởi tài “du thuyết” hay bởi đó cũng là khát vọng chung của những trái tim

tâm huyết... mà các đối tác đều OK. Vấn đề tiếp theo là phải có hàng. Muốn có hàng phải có nguyên liệu. Nguyên liệu phải nhập. Nhập phải có đôla... Có nghĩa là phải có đôla trước thì mới để được đôla sau. Đôla trước chỉ có cửa duy nhất là ngân hàng.

Tìm mãi, giám đốc Nguyễn Xuân Hà đã gặp được giám nhiên vay 180.000 USD thì phải làm phương án. Sau hai đêm, phương án ra đời: vay 180.000 USD. Trong số đó, 120.000 USD để mua 40 tấn sợi. Còn lại mua hóa chất, phụ tùng, thuốc nhuộm. Sợi này sẽ sản xuất được 80.000m² vải. Vải bán cho hải sản, cảng biển và du lịch. Các cơ sở đó xuất khẩu thu ngoại tệ và trả vốn cho Thành Công bằng ngoại tệ. Tiền này thừa để trả ngân hàng, nuôi công nhân, cải tạo dây chuyền, tích lũy và nộp ngân sách. Thế nhưng theo quy định, phương án này phải được bộ chủ quản duyệt.

Chao ôi hồ sơ vay vốn, tự mua nguyên liệu giá ngoài, tự sản xuất theo kế hoạch riêng rồi tự bán ra ngoài... toàn những điều cấm kỵ này mà đưa ra Hà Nội không những không thể được duyệt mà có khi còn bị kỷ luật. Phải tính! Lãnh đạo Bộ Công nghiệp nhẹ có nhân vật đổi mới, thoáng nhất là thứ trưởng Vũ Đại.

Muốn thuyết phục được ông này thì phải gặp riêng và nhất định không phải ở bộ. Thế là đúng lúc thứ trưởng Vũ Đại vào Nam công tác, ông Hà đem một phương án “động trời”, một kế hoạch thu phục nhân tâm và một tấm lòng thành khao khát... đệ trình.

Cuối cuộc trao đổi, ông Đại hỏi: “Ừ, hay đấy! Nhưng tờ ký (phương án) có sao không?” “Anh phải ký ngay thì cái hay mới thành sự thật. Chứ đem ra bàn thì hỏng!”. Roẹt! Thứ trưởng ký! Nhưng chưa có dấu. Không sao, chủ phương án sẽ ra Hà Nội lấy dấu.

Theo tình quên lý

Dệt Thành Công bàn nhau: mọi việc đã ổn. Bộ đã đồng ý. Trong kho còn một ít hàng cầm cự. Mình sẽ không bán cho nội thương (theo giá quy định) mà lên bán cho các công ty du lịch, thủy sản lấy ngoại tệ. Tháng 8/1980, họ âm thầm xuất lô hàng đầu tiên cho khách hàng mới.

Thật bất ngờ, người ta tranh nhau mua, có người còn đặt tiền trước, hẹn hò khăng khít lắm. Trong đầu ông Hà nảy ra một phép tính mới. Nếu theo đà này, 40 tấn sợi của phương án vay chỉ đủ dùng trong sáu tháng. Đằng nào cũng xin thì xin cho đủ.

Lập tức ông hoãn ngày xin dấu, viết lại phương án 2. Phương án này xin vay số tiền gấp chín lần phương án cũ: 1,7 triệu USD. Không chỉ thế, ông Hà còn biến phương án 2 thành bản thuyết trình xin cơ chế riêng để Dệt Thành Công thoát khỏi cơ chế chỉ tiêu, để tự cân đối vốn, nguyên liệu, lương nhân công; được mở tài khoản tại VCB; được giao dịch và trực tiếp xuất nhập khẩu; được khoán quỹ lương.

Phương án này động đến chủ trương, chính sách, một mình thứ trưởng Vũ Đại không thể tự quyết. Hơn nữa đây là cơ hội cần thẳng thắn lên tiếng cho phương thức mới. Thay vì kín đáo tỵ tỵ, Thành Công chọn cách ra Hà Nội trực tiếp thuyết trình trước hội nghị của bộ về phương án của mình.

Thứ trưởng đồng ý. Nhưng hình như có mệnh. Cấp cập ra sân bay, ông Hà nhận một tin mật báo: có một lô hàng 200 tấn sợi giá rẻ bất ngờ (500.000 USD). Chủ hàng đang rất cần tiền. Không mua ngay e muộn. Tiền chưa có. Vay thì chưa biết khi nào được lấy. Nhưng cơ hội ngàn năm có một này cũng không thể bỏ qua.

Quay trở về, ông Hà gặp giám đốc VCB thành phố trình bày. Nghe thì rất hiểu, tâm rất muốn nhưng thủ tục chưa có mà xuất hần 500.000 USD cho khách thì...

Chuyện này có thể đi tù chứ không đùa. Nhưng lẽ nào... Giám đốc VCB TP.HCM nắm chặt tay đối tác: “Thôi được, dù phải hi sinh chúng ta cũng vì sự nghiệp!”. Thế là nửa triệu đôla được hai ông tiền trăm hậu tấu.

Chuyển hàng về kho, “hậu phương” của giám đốc Nguyễn Xuân Hà làm ông thêm vững tâm khi xách cặp ra Bắc. Đã được tính toán trước, hội nghị tiến hành đúng thời điểm những nhân vật “nguyên tắc”... đi vắng. Ông Hà đọc phương án và bảo vệ như luận án tiến sĩ. Thứ trưởng Vũ Đại chủ trì đồng thời đóng vai trò người hướng dẫn luận án.

Sau bốn tiếng vã mồ hôi bởi sự chất vấn, ông Hà thật sự được giải thoát khi ông Đại đứng lên kết luận: “Đây là mô hình mới, rất tiến bộ nhưng chắc chắn có khó khăn. Các vụ có trách nhiệm giúp đỡ doanh nghiệp chứ quyết không được xỏ ngang, xỏ dọc!”. Liên hiệp Dệt được phép soạn hẳn một quy chế cho Dệt Thành Công.

Tiền sắp về đến công ty thì 200 tấn sợi trong kho ngày một lên giá. Sản phẩm bán ra theo giá mới. Riêng tiền chênh lệch đã đủ ăn cả năm. Có tiền, công ty áp dụng phương thức khoán sản phẩm, lương cán bộ công nhân cao gấp 5-6 lần năm trước. Không khí lao động hưng phấn cao độ.

Tiền, hàng, lợi nhuận ra vào như nước. Cuối năm đó không những trả hết vốn vay, Thành Công còn lãi gần 1 triệu USD. Đến năm 1981 quỹ ngoại tệ của Thành Công đã là 1,3 triệu USD, lương lao động cao gấp sáu lần doanh nghiệp khác.

Và quan trọng hơn Thành Công đã minh chứng cho một cơ chế kinh tế mới cực kỳ ngoạn mục. Kế hoạch sản xuất do doanh nghiệp tự cân đối theo thị trường và thực lực. Tự mua nguyên liệu, tự kiểm vốn lưu động. Sản phẩm bán theo giá thị trường.

Người luôn ủng hộ và theo dõi từng bước đột phá của Dệt Thành Công là Bí thư Thành ủy TP.HCM Võ Văn Kiệt lúc đó. Ông hiểu rằng bước đột phá này sẽ đẩy tới những đột phá khác. Quả thật sau đó thuốc lá, bột giặt, cơ khí, rượu bia... cũng rùng rùng chuyển động.

XUÂN TRUNG - QUANG THIÊN

TƯỜNG NHƯ XA XÔI LẮM

Mười năm miền Nam trong cơ chế tập trung bao cấp sao mà dài quá và chuyện từ già cơ chế ấy cũng chỉ mới đây thôi mà tường như xa xôi lắm. Tôi gần như quên rồi. Đó là thời kỳ mà thành quả kinh tế tưởng tượng rất lớn, nhưng thành tích cụ thể rất nghèo nàn.

Bệnh nói dối bắt đầu

Sau giải phóng, có những thời điểm quan trọng của đất nước tôi không có mặt tại vị trí công tác. Năm 1975 tôi đang dự lớp học ngắn ngày ở Hà Nội sau khi dự lễ Quốc khánh lần thứ 30 tại Ba Đình lịch sử. Cải tạo công thương nghiệp với các chiến dịch kê biên, quản lý rầm rộ thì tôi đang học hai năm cũng ở Hà Nội.

Tôi hơi buồn vì không có dịp lập công, nhưng sau đổi mới tôi mừng hú vía. Chỉ có cái chuyện cải tạo nông nghiệp mà tôi rất hăng hái - sau khi học xong chương trình lý luận cao cấp T.U, làm phó bí thư huyện ủy, trưởng ban cải tạo huyện Phú Tân - dù hăng hái nhưng vẫn không được mảnh giấy khen nào, kể cả suốt quá trình hơn 10 năm sau giải phóng. Trong thâm tâm tôi, cho đến tận bây giờ, đôi khi cảm thấy điều đó là hạnh phúc!

Ở huyện năm năm, kể cả hai năm đi học, tôi làm việc quên mình - trẻ tuổi mà. Những chuyện cười ra nước mắt như mọi người nhắc lại, tôi đều có biết hoặc có làm, kể hoài sao hết, nghe và đọc nhiều cũng nhàm, vì nó lặp đi lặp lại một cách đơn điệu và máy móc như được lập trình.

Nhưng có những cái thì không thể nào quên. Đó là điều tôi nhận thức và giác ngộ rằng làm những chuyện như vậy là lo cho dân, lo cho Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, cho không còn người bóc lột người.

Nhưng khi hướng dẫn đoàn thể và dân nghèo không đất (kể cả dân chạy xe lòi) để cấp đất thì người chủ đất (trung nông) mặt ủ mày chau chứ không phải hung hăng “chống người thi hành công vụ” như một số trường hợp bây giờ, còn người được nhận đất, có sổ lắc đầu bỏ về.

Chiều, tôi đến hỏi tại sao, được trả lời: “Đất của người ta mà lấy gì kỳ vậy”. Tôi báo cáo việc này tại cuộc họp ở tỉnh, một đồng chí lãnh đạo tỉnh phán một câu “không ham đất, không nhận đất là không phải nông dân”(!)

Một buổi sáng năm 1979 tôi đến dự đại hội thành lập tập đoàn sản xuất số 1 ấp Thượng 1, xã Phú Mỹ. Khi đi ngang qua nhà các tập đoàn viên, tôi nghe một phụ nữ khoảng trên 40 tuổi nói to với con: “Ăn cơm lẹ đi để mà dự đại hội”.

Lời thì thật mà giọng thì mỉa mai. Đến 9 giờ mà chỉ có toàn con nít và đại diện các đoàn thể xã, ấp và mười người dân không đất. Rồi đại hội cũng thành công. Đêm tôi không ngủ được với những câu hỏi cứ cật vấn: “Chủ nghĩa xã hội là ưu việt, Đảng ta không có quyền lợi nào khác ngoài quyền lợi của dân, việc đưa nông dân vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất là vì họ chứ đâu phải vì ta. Vậy tại sao dân chống? Cho đất để có ruộng cày mà sao có người lại không chịu...?” Trong bài thơ tặng Đại hội VI của Đảng, tôi tâm sự:

Nhưng đã mười một năm ai cũng nhận ra rằng

Đường hạnh phúc không phải trong gang tấc
Đã làm bạc những mái đầu ái quốc
Những suy tư khi nhắm mắt vẫn chưa rồ
Cảnh đói nghèo chạy gạo ngược xuôi.
Bởi vì: Đơn độc, xa dân dù ta có triệu con người
Cũng là chỉ bóng mờ trên đường thẳm.
Và: Đừng ban lệnh từ trên và cũng không dọa dẫm
Lệnh từ cối chín tảng dĩ vãng đã lùi xa
Lòng từ bi từ cửa Phật ban ra
Đó cũng chỉ mới là lời cầu nguyện
Mọi ý cao siêu mọi điều phúc hạnh
Không phải từ tấm lòng mà phải từ cuộc sống đặt ra.
(Thơ Mở Đường - 1986)

Đầu tháng 9/1975, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói trước đoàn đại biểu miền Nam ra Hà Nội, đại ý: “Các đồng chí ra đây là đi thăm chơi, nghe và thấy về làm có chọn lọc, đừng bắt chước miền Bắc, làm rập khuôn hợp tác xã dân kêu lắm”.

Hôm sau lên Tam Đảo, đến trước nhà nghỉ của cụ, cụ ra tiếp nói chuyện vui vẻ và nhắc lại lời nói trên một lần nữa. Nghị quyết của Ban Bí thư về tình hình miền Nam sau giải phóng tôi mới học cũng còn nói duy trì các thành phần kinh tế...

Vậy mà khi về, dự các hội nghị thì nghe “quyết liệt” quá, như chủ nghĩa tư bản chực nuốt ta và nếu cải tạo nền kinh tế tư bản ít năm sau là sẽ có chủ nghĩa xã hội ngay. Một không khí hừng hực cách mạng, căng thẳng không kém chuẩn bị đồng khởi.

Trong nội bộ bắt đầu có chuyện nhận xét về nhau và bệnh nói dối bắt đầu. Hôm du kích, công an xã Phú An rượt tịch thu bắt đàn vịt mấy trăm con của vợ đồng chí Bảy Hồ, phó bí thư huyện ủy. Vợ đồng chí ngăn cản, tẩu tán... Báo cáo được gửi về huyện.

Có người nói ở thời đó không có tham nhũng (trừ đặc quyền đặc lợi). Đúng là nghèo quá đến mức không có gì để tham nhũng. Hay nói đúng hơn là cái nghèo được đem chia đều cho mỗi người, kể cả cán bộ lãnh đạo cấp cao. Năm sau nghèo nhiều hơn năm trước.

Đến không còn gì để mà chia nữa. Ở Bảy Núi quê tôi thời đó có câu chuyện thật mà như tiểu lâm: tên trộm khoai mì để lại hiện trường hai câu thơ: Bàn cùng sanh đạo tặc. Không ăn cắp khoai mì lấy... gì ăn! Cuộc sống dồn chúng ta đến chân tường của cơ chế lỗi thời mà nếu không phá nó đi thì không còn đường sống.

Toàn Đảng đồng lòng phá nó, Đảng bộ An Giang đi đầu trong cuộc đột phá đó, cho dù không ít người “ba phải” chờ thời hoặc tỏ ra “kiên định cách mạng” nhưng không thể ngăn được dòng bão cách mạng.

Và năm 1986, cái gì đến phải đến. Đại hội VI của Đảng là mốc son và những người góp công đóng

cái móc son ấy trong lịch sử đất nước được người đời nhắc nhở như các cụ Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt... là những “đại công thần” đời mới!

Lý lẽ vịt ăn lúa còn ghê gớm hơn chim sẻ ăn lương thực ở Trung Quốc nên ai mà không sợ. Đồng chí Bảy Hồ rất trầm tĩnh, lắng nghe, còn bên ngoài thì cán bộ xâm xỉ về việc lãnh đạo không gương mẫu.

Tôi nghe sao ray rứt, bần thần cho chủ trương và thương cho đồng chí mình quá! Phía sau văn phòng huyện ủy có mảnh đất sản xuất lúa hai vụ rất tốt, đang sản xuất 6 tấn/ha, vậy mà khi thành lập hợp tác xã Phú Mỹ 1 năng suất chỉ còn trên dưới 3 tấn/ha.

Đây là hợp tác xã điểm, đích thân một đồng chí ủy viên thường vụ tỉnh ủy phụ trách chỉ đạo. Vậy mà chỉ từ hội trường huyện ủy đến ngoài ruộng đã nghe nói khác nhau: ngoài ruộng thì nói vào hợp tác xã lúa tiêu điều, lên bục phát biểu thì hợp tác xã hơn cá thể, “là trực quay” của cách mạng lúc này, hợp tác xã Phú Mỹ 1 là thí dụ...

Có người nói móc “cái bục này là chỗ để nói dối”! Được cái là tỉnh ủy và các ban đảng cũng biết nhiều huyện, xã báo cáo “cơ bản hoàn thành” cải tạo nông nghiệp là hình thức, nhưng không bắt tội ai mà còn tặng bằng khen là khác.

Nhờ đó mà An Giang mới ít khổ một chút. Lúc ông Sáu Hơn (Nguyễn Văn Hơn) là thứ trưởng Bộ Nông nghiệp, mỗi lần về tỉnh gặp anh em, ông hay nói: “Ồ bộ tôi chỉ làm cái việc nghe nơi nào cơ bản hoàn thành cải tạo nông nghiệp là tôi đến cấp bằng công nhận. Vậy thôi!”

Không tiền mua được lúa mới hay

Còn chuyện “thu mua” lương thực, mỗi lần vào vụ là “mở chiến dịch giao lương” liên tục ở ba cấp địa phương. Dù thu mua không đạt chỉ tiêu, nhưng với số lúa gom góp được thì không nơi chứa. Có lần tôi tình cờ đem một nắm lúa đã nảy mầm thành mạ từ trạm thu mua xã Tân Hòa về để báo cáo với huyện ủy.

Lúc này đồng chí Nguyễn Văn Linh, trưởng Ban Dân vận Trung Ương, đang có mặt tại văn phòng huyện ủy, ông nhận “nắm mạ” từ tay tôi, chau mày và quay sang nói với đồng chí Tư Việt Thắng, bí thư tỉnh ủy: “Anh gói lại gửi cho Ban Bí thư”. Tại các điểm thu mua lúa để tràn ra lộ, vậy mà cấp trên cứ “độc chiến”.

Có lần đồng chí bí thư huyện ủy triển khai: “Không có tiền mà mua được lúa mới hay”. Trời ơi, mua rẻ mà còn không có tiền, mua không kho chứa phải để lên mống mà còn độc chiến liên tục thì thật không giải thích nổi.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần IV, ông Sáu Hơn về làm bí thư tỉnh ủy, tôi còn tiếp tục làm công tác tổ chức, đề xuất và giúp tỉnh ủy giải quyết chính sách cho hàng trăm cán bộ sơ, trung, cao cấp tỉnh đã đến hoặc quá tuổi để về hưu.

Một đội ngũ cán bộ tương ứng với nhiệm vụ mới được bổ sung, cùng tỉnh ủy tăng tốc. Đó cũng là nhân tố quyết định đổi mới thành công ở An Giang. Và tôi có dịp khắc phục khuyết điểm năm xưa khi ở huyện vì đã “góp phần tích cực” làm cho sản xuất nông nghiệp trì trệ một thời gian dài; đó là đến năm 1988 được tỉnh ủy phân công làm giám đốc Sở Nông nghiệp.

Tỉnh ủy An Giang từ khóa IV đến nay sắp bước vào Đại hội VIII, trải qua 20 năm, cùng với một đội ngũ cán bộ được đào tạo, rèn luyện trong đổi mới đã trưởng thành thật sự. Một đội ngũ có tâm vì dân

là trên hết rồi sau đó mới vì cấp trên. Chấp nhận trả giá.

Tôi nay đã 60 tuổi, sẽ từ diễn đàn đại hội tỉnh lần này về thẳng đời sống thường dân, nhưng nhìn đội ngũ anh em đang tiếp tục, tôi thấy vui vui vì sự hùng hậu, trí tuệ và từng trải trong sự nghiệp đổi mới của họ. Và tin họ cũng sẽ vượt qua những cạm bẫy, rào cản trên đường, trong ánh bình minh đổi mới!

Long Xuyên, 4/12/2005

NGUYỄN MINH NHỊ

(phó bí thư tỉnh ủy, nguyên chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

TỪ CHẠY GẠO ĐẾN PHÁ CƠ CHẾ GIÁ

Từ năm 1978, sau chiến dịch cải tạo, lập tức TP.HCM thiếu gạo – điều chưa từng có trong lịch sử miền Nam. “Hòn ngọc Viễn Đông” phải ăn độn bo bo là điều không thể tưởng tượng nổi.

Ý tưởng “xé rào”

Những người chịu trách nhiệm ở TP.HCM lúc đó đứng trước một bài toán nan giải: phải chấp hành chủ trương của Trung ương là tiến hành cải tạo, xóa bỏ thị trường tự do, nắm trọn khâu bán buôn. Nhưng lương thực không có vì không huy động được.

Chuyện thu mua lương thực của các tỉnh đồng bằng là chuyện của trung ương, không phải việc của thành phố. Thành phố không được phép trực tiếp mua gạo ở các tỉnh. Mà nếu có được mua thì với giá “mua như giựt” cũng không thể nào mua được.

Chưa bao giờ người dân thành phố không có gạo để ăn. Bây giờ sau giải phóng lại không đủ gạo ăn, thay vào đó là khoai mì, khoai lang thậm chí hạt bo bo.

Từng đổ xương máu cho cuộc kháng chiến và sau đó lãnh đạo thành phố, Bí thư Thành ủy TP.HCM Võ Văn Kiệt có lẽ là người nhứt nhối nhất, vì cũng là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng, trước dân thành phố.

Ông đã tuyên bố trước lãnh đạo các ban ngành thành phố: “Không thể để một người dân nào của thành phố chết đói”. Nhưng làm thế nào để dân không đói? Gạo không được cung cấp. Tiền thì không có. Nếu có cũng không được phép đi mua. Mua được thì phải bán theo giá cung cấp do Nhà nước quy định. Thế thì càng chết. Nếu dân không chết thì ngân sách chết vì thiếu hụt. Người đi thu mua cũng chết vì vi phạm quy chế. Biết làm sao đây?

Cả tập thể thành ủy và những bộ phận có liên quan, trước hết là cơ quan lương thực, cùng trăn trở. Bà Ba Thi, giám đốc Công ty Lương thực thành phố, vốn là người năng nổ, xông xáo và có gan tìm ra những giải pháp đột phá, như một bản năng của bà từ thời hoạt động chống Mỹ. Từng lăn lộn khắp đồng bằng sông Cửu Long, bà biết rất rõ thị trường gạo ở đây.

Vấn đề không phải là thiếu, mà là không mua được. Vậy phải tìm cách nào để mua? Bà đề xuất với Bí thư Thành ủy: “Đi về đồng bằng sông Cửu Long tổ chức thu mua gạo trên thị trường, đem về phục vụ đồng bào thành phố”. Ý kiến này cũng đã xuất hiện trong đầu của nhiều cán bộ có trách nhiệm lúc đó. Ý hợp tâm đầu, từ những ý tưởng đột phá cá nhân đã hình thành ý kiến của tập thể.

Vào những năm cuối thập kỷ 1970, đầu thập kỷ 1980, khi “thị trường” còn là điều cấm kỵ, nền kinh tế bị trói chết trong cơ chế “tập trung” và chế độ bao cấp hoang phí, là Ủy viên dự khuyết của Bộ Chính trị, đứng đầu cơ quan lãnh đạo của Đảng ở TP. HCM, ông Võ Văn Kiệt đã đến từng nhà máy loay hoay tiến hành những cuộc thử nghiệm cục bộ không có tiền lệ và ngoài vòng pháp luật hiện hành.

Ông trò chuyện với công nhân và đứng sau lưng các giám đốc dám đánh đổi tất cả để sản xuất bung ra. Lúc đó, người ta nói rằng: nhân dân Sài Gòn vốn có nhiều kinh nghiệm trong kinh tế thị trường đã cứu lấy đảng bộ của mình. Nhưng không thể không thừa nhận sự bứt phá của cá nhân ông Kiệt trong suy nghĩ và hành động nhằm vượt qua thực trạng kinh tế tiêu điều lúc ấy.

Huỳnh Sơn Phước

Trích từ sách “Ấn tượng Võ Văn Kiệt”

Do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long và NXB Trẻ xuất bản năm 2002

Anh chị đi tù, tôi sẽ mang cơm nuôi

Ông Lữ Minh Châu, lúc đó là giám đốc Ngân hàng Nhà nước ở TP.HCM, còn nhớ một bữa ăn sáng được mời rất bất ngờ. Ông Châu kể: anh Sáu Dân (tức Võ Văn Kiệt, bí thư thành ủy) gọi điện rủ tới nhà ăn sáng.

Tôi hỏi có chuyện chi để tôi chuẩn bị. Anh nói “lên đây sẽ biết”. Tới nơi tôi mới biết anh cũng đã gọi một số người khác. Trong đó có anh Năm Ân - giám đốc Sở Tài chính, anh Năm Nam - chánh văn phòng Thành ủy và chị Ba Thi.

Ăn sáng xong, anh Sáu Dân nói: “Hiện nay, dự trữ gạo của thành phố chỉ còn có vài ngày. Mình không thể để cho dân thiếu gạo được. Nhưng việc này với cơ chế hiện nay, không phải dễ giải quyết. Bộ Lương thực có trách nhiệm cung cấp gạo cho thành phố nhưng chưa bao giờ cung cấp đủ và kịp thời. Sở Lương thực thì không được phép mua với giá thỏa thuận. Dân đồng bằng sông Cửu Long có gạo nhưng không chịu bán nghĩa vụ cho Nhà nước vì họ bị thiệt. Trong khi đó dân thành phố có tiền và sẵn sàng mua với giá thỏa thuận thì lại không được xuống mua và đưa ra khỏi tỉnh. Tại sao chúng ta không ráp hai mối này lại? Đó là vấn đề mà tôi mời các anh chị đến để hiến kế giải quyết”.

Ông Châu trầm ngâm nhớ lại: “Đúng là rất khó khăn. Ngoài các vướng mắc mà anh Sáu Dân nêu ra, cơ chế của từng ngành cũng có đủ thứ bó buộc. Chị Ba Thi phải lấy danh nghĩa “cá nhân” chứ không thể lấy danh nghĩa Sở Lương thực để mua gạo theo giá thỏa thuận. Nhưng cá nhân thì tài chính không thể ứng vốn, ngân hàng cũng không thể cho vay hoặc chi tiền mặt. Việc xin mua ở tỉnh và việc vận chuyển về thành phố cũng không phải dễ dàng.

Bàn tới bàn lui rồi cũng có lối ra, chúng tôi nghĩ: vướng do cơ chế thì chỉ còn cách “xé rào”. “Xé rào” không phải khó. Nếu anh Sáu đồng tình với việc làm tuy gọi là “xé rào” nhưng có lợi và hợp tình, hợp lý thì chúng tôi làm được ngay: tài chính xuất tiền vốn chỉ cho chị Ba Thi mua gạo, ngân hàng xuất tiền mặt theo lệnh chi của tài chính và cho giấy đi tỉnh.

Chị Ba Thi liên hệ với địa phương để mua gạo và xin phép chở về thành phố tổ chức bán thu tiền về và quay vòng tiếp theo. Để đảm bảo an toàn cho việc “xé rào” thì tài chính phải cử cán bộ đi cùng làm kế toán, ngân hàng cử cán bộ giữ và chi tiền mặt, còn chị Ba Thi phụ trách chung, gọi là tổ trưởng “Tổ thu mua lúa gạo” (có người gọi đùa là tổ buôn lậu gạo).

Ông Sáu Dân đồng tình với phương án này và chịu trách nhiệm về chủ trương để các ngành làm. Bà Ba Thi nói: “Làm cách này thì chúng tôi làm được, nhưng nếu Trung ương biết là đi tù đó”. Ông Sáu Dân vừa nói vừa cười: “Nếu do việc này mà anh chị đi tù thì tôi sẽ mang cơm nuôi”. Một câu tuyên bố như một lời thề mà nhiều người đến nay vẫn thường hay nhắc lại.

Phá cơ chế giá lỗi thời

Chuyện mua lúa giá thị trường tưởng đơn giản nhưng là việc tày đình. Giám đốc Công ty Lương thực thành phố dám đánh cả đoàn xe xuống đồng bằng sông Cửu Long mua lúa giá 2,5 đồng/kg (tương đương 5 đồng/kg gạo). Gạo chở về Sài Gòn bán theo giá kinh doanh (giá mua thực tế + chi phí xay xát + chi phí vận tải + thặng số thương nghiệp).

Trong khi giá lúa do Ủy ban Vật giá quy định, Bộ Chính trị duyệt và Thủ tướng ký là 0,52 đồng/kg. Bà Ba Thi mua cao hơn năm lần quả là chuyện động trời. Nhưng lý do của bà khó ai có thể kết tội: phải lo cho cái bao tử của 3 triệu người dân thành phố. Đúng là bà dám vượt đèn đỏ, nhưng là ngồi trên xe cứu thương và cứu hỏa vượt công khai, chính đáng.

Cái mốc “phá giá” này đã đẩy giá lúa khắp đồng bằng Nam bộ lên 2,5 đồng/kg. Giá chỉ đạo 0,52 đồng/kg bị vô hiệu hóa. Không bao lâu sau, mức phá giá đó lan ra cả nước. Không lùi được nữa.

Sự đột phá của Công ty Lương thực thành phố không chỉ cứu cái bao tử người dân thành phố mà còn cứu nông dân cả nước khỏi cơ chế giá ngấm vụ quá ư lỗi thời.

ĐẶNG PHONG (chuyên gia sử kinh tế Việt Nam)

BÙ GIÁ VÀO LƯƠNG

Trong cảnh khôn khó của “đêm trước” đôi mới, có những đột phá táo bạo mà những người mở đường chấp nhận đầy rủi ro, thậm chí bằng cả sinh mệnh và sự nghiệp của họ.

Nhưng may mắn thay, thực tế đã cho câu trả lời đầy thuyết phục. Câu “bù giá vào lương” như lời thần chú của cán bộ công nhân viên thời đó.

Khắc khoải đồng lương

Mẹ con bà Đường (Hà Đông, Hà Tây) hôm ấy dậy rất sớm. Người đi chợ mua thức ăn. Người đánh rửa ấm chén, quét nhà. Người thắp hương, cắm hoa lên bàn thờ... Chiều ấy, sau năm năm đi công nhân cầu đường, ông Bùi Văn Can, chồng bà, về thật.

Đặt balô xuống, ông chia kẹo cho đàn con, đưa vợ nửa cân đường, một lọ mỡ là những thứ ông nhìn ăn trước khi về quê. Cuối cùng là tem gạo (suất ăn) của ông trong mấy ngày nghỉ cùng tờ giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua. Có ý chờ mãi nhưng không chịu được, bà Đường hỏi: “Bố mày còn gì đưa tôi cất cho?”

Ông Can nguyền bà một cái nói: “Quà của mẹ nó đây!”. Nói rồi ông móc ra hai cái mũ vải. Một cái nam và một cái nữ may bằng vải thô, đường chỉ công nghiệp đơn giản, trong lót vải kẻ, hai bên có khoét lỗ nhôm để xỏ dây, trị giá khoảng một tô phở/chiếc. Bà Đường thất sắc ngồi phịch xuống đất thốt lên cay đắng: “Trời ơi ông đi làm năm năm đằng đẳng mà mang về được hai cái mũ à?”...

Ông Can tâm sự: “70% thu nhập của một cán bộ hay công nhân là tem phiếu. 30% còn lại là lương. Thử hỏi, mỗi tháng tem gạo: 17 kg, thịt: 1,2 kg, đường: 0,75 kg thì tôi có thể để dành được gì? Đây là chưa kể nó bị hao hụt, mốc, rách, thối, hỏng... khi đến tay tôi cũng như với những công nhân khác.

Cay đắng hơn là người ta không cần biết tháng này tôi thiếu gạo hay dầu, cần xà phòng hay kem đánh răng, áo may ô hay mũ cát kết... mà họ cứ có gì thì phát nấy. Nên cái thiếu cứ thiếu, cái thừa cũng chẳng dám bán (vì sợ lúc khác lại thiếu). Còn lương, chao ôi nó ít ỏi kinh khủng! Mỗi tháng tôi được 50 đồng, nếu quá chân ra chợ với mấy ông bạn chỉ một hai bữa nhậu là hết”. Ông Can còn chưa dứt cơn bùi ngùi xót xa của hơn 20 năm trước.

Thời đó những người ăn lương nhà nước đều sống trong cảnh như nhà ông Can, bà Đường dù ngoài Bắc hay trong Nam bởi mô hình miền Bắc được áp vào miền Nam sau giải phóng. Thay vì trả hoàn toàn bằng tiền thì Nhà nước trả bằng hiện vật (những thứ mà người lao động nếu có tiền cũng sẽ phải mua).

Tuy nhiên khi mâu dịch quốc doanh không đủ hàng hóa, bắt buộc phải dựa vào thị trường tự do thì toàn bộ những tính toán và hệ thống giá cả của Nhà nước cũng bị chi phối của quy luật cung cầu. Lúc này những yếu tố tích cực của chính sách tiền lương đã biến dạng thành những yếu tố tiêu cực. Sự tiêu cực, méo mó ấy khiến ai cũng có lương nhưng không ai đủ sống, ai cũng không đủ sống nhưng ai cũng sống...

Khởi lại để tiếp tục chuyển mình

“Đêm trước” đôi mới lại hiện về trong mỗi chúng ta, trong đó có tôi - thế hệ “thừa hưởng” 10 năm bao cấp như những cuốn phim quay chậm... với ký ức buồn vui lẫn lộn. Đó là cảm giác của những ai đã từng vật lộn với một thời bao cấp...

Năm 1981, sau khi tốt nghiệp Trường cao đẳng Ngân hàng, chị gái tôi được Ngân hàng Hưng Nguyên (Nghệ An) nhận vào làm. Tiêu chuẩn tết của chị tôi được 1,5 kg thịt heo.

Còn nhớ ngày 27 tết năm đó, chị tôi nhắn tôi từ quê xuống thị trấn Thái Lão, huyện Hưng Nguyên (khoảng 30km) để lấy thịt heo về cúng ông bà. Đi xe đạp mất một buổi và chờ nguyên một ngày tôi mới lấy được 1,5kg thịt, 0,5kg lòng heo và được thêm hai tô nước lèo từ cơ quan chị về nhà.

Năm đó cả nhà tôi sum họp và ăn một bữa tất niên ngập tràn niềm vui vì có thịt heo, tiêu chuẩn tết của chị. Bố tôi nói với cả nhà: các con gắng ăn học nên người, mai này được như chị đã có Đảng và Nhà nước quan tâm.

Năm 1986-1987, ngành lương thực Hải Phòng thông báo hết gạo, hơn 1.000 sinh viên của Trường đại học Hàng hải - Hải Phòng có nguy cơ tạm ngưng một năm vì không có gạo.

Để giải quyết khó khăn, trường đã làm công văn và phát cho mỗi sinh viên một tờ đề trình các trạm kiểm soát khi mang gạo từ quê ra trường. Lợi dụng tình hình này, thỉnh thoảng chúng tôi cúp học và trốn về nhà buôn gạo tuyến Vinh - Hà Nội - Hải Phòng. Số lượng gạo buôn được không nhiều vì bị giới hạn 18kg/công văn, song một phần nhờ nó mà chúng tôi qua được cơn bĩ cực.

Ngọc Luận (Vũng Tàu)

MỘT ĐỀ ÁN KHÔNG THỂ BỎ DỎ

Mũi đột phá chế độ tiền lương gây ấn tượng nhất bắt đầu từ Long An. Ông Chín Cẩn (Nguyễn Văn Chính), bí thư Tỉnh ủy Long An - một nhà lãnh đạo đậm đặc tính khảng khái Nam bộ, quyết định phải làm gì đó thay đổi cơ chế giá cả, tiền lương. Lựa chọn trong giới trí thức địa phương, ông gọi phó giám đốc Sở Thương nghiệp lúc bấy giờ là ông Hồ Đắc Hi lên trao đổi. Những cái đầu và con tim đang trần trổ gặp nhau.

Ông Hi dốc hết tâm trí soạn thảo đề án cải cách phân phối lưu thông ở Long An. Đề án này xác định lại giá cả, tiền lương phải dựa trên quy luật giá trị và cung cầu cũng như những nguyên tắc kinh tế hàng hóa khác chứ không thể duy ý chí. Ông Hi lấy trường hợp thu nhập của ông Chín Cẩn để tính toán: tổng tiền lương và 16 mặt hàng phân phối theo định lượng, tất cả quy ra giá thị trường thì lương bí thư tỉnh ủy xấp xỉ 600 đồng.

Tuy nhiên vì những lý do như chất lượng hàng hóa thấp, tiêu chuẩn bị cắt xén, hàng được cấp không phù hợp nhu cầu... thì hiệu quả sử dụng của mức lương này chỉ đạt 50-70%. Tốt nhất là đem hết số hàng phân phối của bí thư ra chợ bán theo giá chợ rồi về trả cho ông 600 đồng/tháng. Bí thư cần gì ra đó mà mua.

Như vậy tỉnh năm được hàng hóa, giá cả. Vợ bí thư thoải mái lựa chọn hàng mua. Nhân viên thương nghiệp, dân buôn, đầu cơ... không còn cơ hội tiêu cực mà Nhà nước chẳng mất đồng nào, lại tiết kiệm được khoản bù lỗ cho thương nghiệp, tem phiếu, thời gian... Tiếc là đề án này đang làm dở thì ông Hồ Đắc Hi được chuyển về trung ương.

Nhưng Long An quyết không dừng lại. Thử nghiệm thực tiễn lại phải đi trước một bước. Tháng 8/1979, sau khi lĩnh toàn bộ định mức hiện vật (tháng chín) của cán bộ công nhân viên trong tỉnh, thay vì phân phối hết cho cơ sở, Long An quyết định chọn một mặt hàng bán ra thị trường. Những đột biến được đề phòng.

Thông thường khi Nhà nước bán hàng ra ngoài thì phần lớn lượng hàng đó bị “tay ngoài” móc ngoặc với “tay trong” để mua. Đợi Nhà nước hết hàng, họ bán ra thị trường với giá cao hơn nữa. Hoặc nếu người tiêu dùng sợ sau này không có hàng mà cố gắng mua nhiều để dự trữ thì sẽ gây khan hiếm ảo. Giải pháp ở đây là chia hàng để bán làm ba lần. Làm như vậy, người mua sẽ hiểu không phải Nhà nước chỉ bán một lần duy nhất. Điều đó đồng nghĩa: đầu cơ sẽ thất bại.

Khi không còn đầu cơ thì các tệ nạn móc ngoặc, tham ô sẽ triệt tiêu dần. Làm từng đợt cũng là để giữ khoảng cách xử lý các tình huống xấu... Về mặt pháp lý, tỉnh ủy xác định: ghi chép thật minh bạch. Thử nghiệm xong tỉnh sẽ chủ động báo cáo toàn bộ kết quả với trung ương. Không tư lợi, không mờ ám mà có ích cho dân, cho tỉnh dầu bị kỷ luật cũng không sợ.

Xà bông đi trước...

Mặt hàng đầu tiên được chọn là xà bông. Đây là thứ hàng không quá quan trọng như lương thực, thực phẩm nhưng cũng là thứ không thể thiếu đối với đa số người dân. Tháng 9/1979, 4 tấn xà bông được bày bán tại hầu hết các cửa hàng, hợp tác xã mua bán với giá cao gấp 10 lần giá phân phối (chỉ bán có hạn cho từng đối tượng) và tương đương giá chợ.

Như dự tính, trong ba ngày bán không sót một cân và tất nhiên, khách hàng chủ yếu là “con buôn”. Thị trường xà bông từ xôn xao, ngơ ngác chuyển sang ngập ngừng nên hàng khan hiếm và hơi nhích giá. Đúng mười ngày sau, 5 tấn xà bông tiếp theo được tung bán với giá y như lần trước (đã thấp hơn giá chợ lúc đó chút xíu).

Hàng cũng hết rất nhanh nhưng tư thương đã dè dặt. Giá xà bông giảm xuống mức ban đầu. Mười ngày sau, lượng xà bông cuối cùng được tung bán. Đồng thời, tiền lương tháng chín được cấp cho tất cả cán bộ công nhân viên chức của tỉnh. Lương không được tính theo mức cũ mà được cộng thêm định mức của mặt hàng xà bông (đã bị cắt) áp theo đúng giá chợ hiện thời.

Ai muốn mua xà bông thì ra chợ. Lúc này tất cả số xà bông những người đầu cơ ở những lần mua trước được tung ra chợ. Giá giảm rất nhiều, người mua thoải mái lựa chọn và không còn phải lo mua dự trữ. Thông tin loan báo rộng rãi: xà bông không phân phối nữa nhưng cũng không thiếu ngoài chợ hay cửa hàng quốc doanh. Câu chuyện xà bông đi trước xem như thành công.

Ba tháng cuối năm 1979, tất cả các mặt hàng phân phối khác đều được Long An tung bán ra thị trường (trừ gạo).

1kg thịt được Nhà nước quy định bán cho công nhân viên 3 đồng thì Long An bán thẳng ra chợ 30 đồng... 100% lương cán bộ công nhân viên trong tỉnh được lĩnh bằng tiền mặt. Toàn bộ số hiện vật đều được quy ra tiền theo mức giá thị trường.

Người nhà nước hết sức phấn khởi, thị trường sôi động, chỉ số giá cả hàng tiêu dùng giảm xuống rõ rệt. Nhưng có lẽ sung sướng nhất là các bà nội trợ không phải thấp thỏm muốn cái gì cũng mua dự trữ (vì sợ lúc khác không được phân phối); không phải nịnh mảy cô thương nghiệp.

Lần đầu tiên người Long An (công nhân viên chức) được ăn gạo ngon của chính quê mình làm ra (trước đây gạo phải bán cho Nhà nước, còn công nhân lại nhận gạo mậu dịch chất lượng thấp qua tem phiếu). Lần đầu tiên được ăn thịt cá tươi sống... Riêng quỹ lương của tỉnh tăng lên gấp bảy lần. Số tiền này Long An thừa sức giải quyết các nghĩa vụ với Nhà nước (mua lúa, thịt và các hàng hóa khác) cũng như trả lương cho công nhân viên chức và còn đủ lập quỹ lương riêng của tỉnh.

Thực tế đã cho câu trả lời quá hùng hồn. Bí thư tỉnh ủy giao cho giám đốc Sở Thương nghiệp Long An là ông Tư Giao tiếp tục hoàn thiện đề án cải cách phân phối của ông Hồ Đắc Hi. Năm 1982, cơ chế bù giá vào lương của Long An chính thức được áp dụng trên toàn tỉnh và sau này mở một hướng đi mới cho cả nước.

XUÂN TRUNG - QUANG THIÊN

ÔN CỐ, TRI TÂN

Nhân mấy ngày nghỉ cuối tuần, tiếp đến lại là ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước 30/4, rồi Quốc tế lao động 1/5, ông Huỳnh, ở mãi tận Nhã Nam (Yên Thế, Bắc Giang) gọi điện mời bằng được mấy người bạn cũ cùng cơ quan về quê ông chơi. Từ Hà Nội lên đó hơn tám chục kilomet, với đám thanh niên chỉ sau hai giờ phóng xe máy là tới, nhưng cánh già đã nghỉ hưu dăm bảy năm rồi, vượt quãng đường xa đi chơi như vậy thật không dễ dàng. Tôi còn đang băn khoăn đi lại bằng phương tiện gì, không có con trai, chẳng lẽ lại nhờ con rể hay thằng cháu ngoại lái xe máy đưa ông đi chơi, thì ông Thành gọi điện hẹn sẽ có ô tô đón. Ông ấy còn khỏe lắm, giọng cứ sang sảng, hứa hẹn chắc nịch: “Ông cứ yên tâm ở nhà chờ, trên đường đi tôi đón cụ Chùy ở Phủ Lý, rồi đến nhà ông khoảng 8-9 giờ sáng thứ bảy. Chúng mình làm một chiều cà phê Trung Nguyên ở cái quán cạnh cơ quan, rồi qua Bắc Ninh đón ông Vân, ông Chương. Hai ông ấy chính là tác giả nêu sáng kiến gặp nhau lần này đây.” Thì ra con trai ông Vân đang làm Tổng giám đốc một công ty TNHH, có chi nhánh ở Ninh Bình. Ông Vân đã giao cho anh ấy lo toan phương tiện đưa đón mấy người bạn cũ của cha đi chơi Nhã Nam, đây là quê hương ông và cũng là nơi mà trong những năm không quân Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, cơ quan ông đã sơ tán lên đó.

Gần giữa trưa thứ bảy, chiếc xe Innova đời mới bảy chỗ ngồi từ từ leo dốc, lượn vòng vèo, đưa chúng tôi lên đỉnh một khu đồi khá cao, mà những năm 60 của thế kỷ trước đây rất chỉ có bạch đàn. Bây giờ thì bạt ngàn vải thiều, na, cam, quýt và nhiều thứ cây quả khác. Ông bà Huỳnh đứng ngoài cổng ngôi biệt thự hai tầng, tươi cười đón chúng tôi. Ông không mời chúng tôi vào nhà ngay, mà đưa đi tham quan một vòng quanh khu nhà, giới thiệu đủ loài hoa, phong lan, cây cảnh. Thỉnh thoảng đâu đó lại có tiếng chim hót véo von. Phong cảnh thật điền viên, nên thơ, hạnh phúc. Sống trong cảnh này khác nào Từ Thức lạc vào động tiên! Trong sáu anh em, cụ Chùy là người cao tuổi nhất, rồi cơ quan đầu tiên, bàn giao chức Chủ tịch công đoàn cơ sở cho ông Huỳnh. Sáu bảy năm sau đó đến lượt ông ấy nghỉ hưu, ông Thành và tôi nhận sổ hưu sau cùng, khi đã ngoài lục tuần đến bốn năm tuổi. Ấy là do lãnh đạo cơ quan vận dụng chính sách đối với những người có học vị phó tiến sĩ (nay đã được coi là tiến sĩ), vả lại ngày đó cơ quan đang thiếu cán bộ công đoàn, mà tôi và ông Thành lại đang là Chủ tịch và Phó Chủ tịch công đoàn. Thế mà đến nay cũng đã gần chục năm rồi. Mỗi người chúng tôi có một nghề chuyên môn khác nhau, nhưng tất cả đều giống nhau tích cực tham gia công tác công đoàn. Tôi thường phụ trách công tác văn thể mỹ, cũng nhẹ nhàng, đơn giản. Hàng năm vào những dịp lễ hội trọng đại tổ chức ra báo tường, thi sáng tác thơ, truyện ngắn, hội diễn văn nghệ, thi đấu các môn thể thao, thỉnh thoảng luyện tập những tiết mục tham gia hội diễn của ngành, hoặc của các cơ quan đóng trên địa bàn thủ đô. Còn hàng tháng cứ phải đôi lần mời đội chiếu bóng lưu động đưa những phim hay nhất vào chiếu ở sân cơ quan để cải thiện đời sống tinh thần cho đoàn viên và gia đình họ. Nhưng ông Thành, ông Vân thường xuyên được phân công chăm lo đời sống vật chất, nên khá bận rộn, phải giải quyết nhiều việc phức tạp, không khéo nhiều khi mất lòng người này, người nọ, chuốc vạ vào thân. Ông Chương nguyên là thủ quỹ cơ quan, được bầu vào Ban chấp hành mấy khóa liền, cũng kiêm luôn vai trò hâu bao công đoàn. Ông ấy thì chỉ luôn mồm một câu muôn thừa: “Các bố phải có kế hoạch chi tiêu, dự trù sớm sớm, lúc nào cũng đột xuất, thì nhà em xoay sao nổi!”

Ông Huỳnh sung sướng, thể hiện sự vui mừng, mãn nguyện ra mặt. Ông bảo từ ngày nghỉ hưu khỏe hẳn ra, sống trên đỉnh đồi cao, hòa nhập vào thiên nhiên không khí trong lành, lại thường xuyên luyện tập khí công dưỡng sinh, hình như mọi bệnh tật đều biến mất. Hơn mười năm ông bà Huỳnh một tay gây dựng nên cái trang trại phong phú, trù mật này. Các con ông đều đã trưởng thành, ở riêng, có biệt thự trên tỉnh lỵ, riêng anh con trai út có trang trại ngay gần bố mẹ. Ông giới thiệu các món ăn trên bàn tiệc, toàn là những thứ tự tay ông trồng, tự tay ông chăn nuôi. Gà sẵn trong chuồng, cá sẵn trong hồ, cam quýt trong vườn, rượu nếp ông tự ủ rồi chưng cất, rau dưa thì thích ăn gì có nấy, lúc nào cũng sẵn cà chua, dưa chuột, rau thơm, kể cả mùi tàu, tía tô, húng láng... Bà Huỳnh vốn là cán bộ kỹ thuật nông nghiệp bổ sung rất chính xác: Nhưng gạo để thổi cơm, nếp đồ xôi, nấu rượu, mắm muối đều phải mua ngoài chợ, vậy là mới tự túc được 50% thôi các bác ạ! Cụ Chùy đặc ý: Các ông thấy không, cánh ta vẫn cứ chung chung, đại thể. Các bà, nhất lại là cán bộ khoa học - kỹ thuật mới là người rất chi li, cụ thể. Ông Vân gợi ý khéo: Cụ Chùy chắc vốn còn day dứt mãi về cái vụ “chi li” không đồng ý phân chia thuốc lá, thuốc Lào cho chị em phụ nữ, để đến nỗi họ làm đơn tập thể kiện công đoàn? Thì cũng tại mấy cái “ông khói” nhà các ông to mồm cơ - cụ Chùy phản bác luôn - Chắc các ông còn nhớ chứ, ngay trên diễn đàn Đại hội công đoàn, họ lên tiếng chỉ chiết, nào là kim chỉ dành riêng cho các bà, mấy cái bó cũng dành cho các bà, nhân dịp 8/3 công đoàn lo được thứ gì đều ưu tiên các bà, thế thì cũng phải ưu đãi chúng tôi cái gì chứ. Ông Thành cũng chen vào: Tôi khổ sở về cái vụ “chạy” được 50 chiếc áo may-ô. Cả công đoàn có tới gần 300 đoàn viên nam, như vậy phải bóc thăm, cứ 6 người mới có một người được, thế mà chị em phụ nữ cũng đòi tham gia. Họ lập luận, chị em nữ bây giờ mùa hè cũng có thể mặc may-ô, mà nếu không thì họ mang về tặng chồng con càng tốt, chứ sao. Có người còn dẫn cả lời dạy của Bác: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng” để bảo vệ ý kiến của mình.

Dân tộc ta phải tiến hành hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm. Suốt 30 năm hầu như mọi lực lượng tinh nhuệ, mọi sức người, sức của phải tập trung cho tiền tuyến đánh giặc, thiếu hụt trầm trọng lực lượng lao động và phương tiện sản xuất. Hơn thế nữa, kẻ thù luôn tìm cách phá hoại các nhà máy, cầu cống, ruộng đồng, các công trình kinh tế...; chúng muốn kéo nước ta trở lại thời kỳ đồ đá. Bởi vậy, ngày đó chúng ta thiếu đủ thứ. Trong cái thiếu, không thể có cách nào khác, phải phân phối, chia chác. Những ai đã sinh ra trong những năm 60, 70 của thế kỷ trước hẳn còn nhớ tới Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị. Hầu như năm nào ông cũng phải dẫn đầu Đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đề nghị họ viện trợ cho cuộc kháng chiến của ta, cho nhân dân ta. Nhận được gạo, mì, ngô, bo bo thì dựa vào tiêu chuẩn sổ gạo. Sữa để phân phối cho trẻ em, thương bệnh binh và những người ốm yếu. Lụa đen dành cho phụ nữ. Nhiều mặt hàng nhu yếu phẩm khác như giày dép, quần áo, chăn mền, áo mưa, khăn mặt, xà phòng, thuốc đánh răng, bánh kẹo, đồ hộp... và ngay cả đến cái kim sợi chỉ, lưỡi dao cạo râu, đèn pin... không có thường xuyên, số lượng nhập về lại ít, thường phải phân phối tới từng cơ quan.

Đúng như lời Bác đã dạy "... chỉ sợ không công bằng". Một khi đã không xác định được tiêu chí, tiêu chuẩn không thống nhất; một khi tồn tại cơ chế xin - cho (có người đề nghị, có người duyệt cấp), thì khó có thể đạt được công bằng, cho dù chỉ là tương đối. Chúng tôi rất hiểu điều đó. Bởi thế, một trong những tiêu chuẩn hết sức quan trọng để bầu vào Ban chấp hành Công đoàn phải là những người có mối quan hệ rộng, có nghệ thuật thuyết phục, nói kiểu gì cũng làm người đối thoại phải bùi tai. Ông Thành, ông Vân của chúng tôi chính là những người có cái tài ăn nói như thế. Chẳng thế mà khi đã ở độ tuổi ngoại tứ tuần, nhiều cô vẫn chết mê chết mệt về nghệ thuật nói chuyện của các ông ấy. (Tuy nhiên các ông ấy lại là người rất đúng mực, đến mức “bà xã” còn dám tuyên bố “ném ông nhà tôi vào sông

giữ đám phụ nữ xinh đẹp cả tháng, trở về vẫn nguyên vẹn!”).

Hơn 20 năm tham gia công tác công đoàn, các ông Thành và Vân đã giữ được uy tín gần như tuyệt đối trong cơ quan. Công tác chuyên môn thì khỏi phải nói, ông Thành là Phó Giám đốc, ông Vân là Trưởng phòng Hành chính Quản trị, có rất nhiều sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, liên tục đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua của cơ quan, của ngành. Về mặt công đoàn, họ là những người rất tích cực chăm lo đời sống cho cán bộ, công nhân, viên chức. Tết Nguyên đán hàng năm, những ngày lễ lớn như Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế lao động 1/5, Quốc khánh 2/9... bao giờ họ cũng chạy được vài tạ thịt bò, thịt lợn, vài trăm con gà công nghiệp hay vài tạ cá trắm cỏ, rô phi để gia đình các đoàn viên có bữa ăn tươi. Rằm tháng tám thì chắc chắn trẻ em được vào cơ quan chung trăng rước cỗ, lại còn được mang về nhà phần bánh dẻo, bánh nướng và hoa quả. Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 thì dù hoàn cảnh có khó khăn đến mấy chị em cũng có quà. Ông Thành còn có tài liên hệ với mấy bà cửa hàng thực phẩm để chiều thứ ba, thứ năm, thứ bảy họ đưa rau vào bán trong sân cơ quan. Điều này được lòng phần lớn cán bộ, công nhân, viên chức nhưng lại bị nhiều vị lãnh đạo phê bình là làm ảnh hưởng tới công tác, vì những buổi chiều đó hầu như mọi người đều “ăn bót” một giờ lao động, nhiều hôm nhân viên cửa hàng thực phẩm vào sớm, thì thời gian làm việc của cơ quan còn bị cắt xén nhiều hơn nữa. Dù sao, cánh cán bộ công đoàn chúng tôi vẫn ủng hộ ông Thành.

Suốt ba ngày ở chơi nhà ông Huỳnh, chúng tôi vừa như được đi an dưỡng, vừa như dự một tiểu hội nghị tổng kết công tác công đoàn, lại vừa được đi tham quan nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh trong tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn. Điều quý giá nhất là rất lâu rồi cánh già chúng tôi mới lại có dịp sum họp dài dài, khề khà trò chuyện lai rai, nhiều khi cũng chẳng nên đầu nên đũa, ôn cố tri tân ấy mà! Cả bọn chúng tôi trưởng thành trong cơ chế bao cấp, nhưng không một ai kêu ca, phàn nàn, oán thán gì về cái thời vô cùng gian khổ đó. Nhìn lại những chặng đường cả dân tộc ta vừa trải qua, chúng tôi đều thống nhất quan điểm cho rằng trong cuộc chiến tranh khốc liệt và kéo dài như thế, nếu không có chế độ bao cấp, thì không thể nào huy động hàng triệu thanh niên, trai trẻ khỏe mạnh nhất ra trận, không thể nào thực hiện được phương châm “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!”. Nếu không có chế độ bao cấp, thì làm sao ngay từ những năm 50 của thế kỷ trước, ngay từ khi chúng ta đang còn tiến hành giai đoạn cầm cự chống thực dân Pháp, Bác Hồ, Đảng và Chính phủ ta đã chỉ thị cho các địa phương, các ngành lựa chọn những thanh niên ưu tú gửi đi đào tạo ở nước ngoài, để sau này về xây dựng đất nước. Nếu không thực hiện chế độ bao cấp, thì năm 1975 sau khi giải phóng miền Nam chúng ta không thể có đội ngũ hàng chục vạn kỹ sư, bác sĩ, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý để bắt ngay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô cả nước và càng không thể có được những thành quả phát triển vĩ đại trong 20 năm đổi mới vừa qua.

Đến nay mọi người ý thức được rằng bao cấp cản trở sự phát triển của xã hội, bao cấp làm cho con người thiếu năng động, thiếu phát huy sáng kiến, ỷ lại, trông chờ vào cấp trên, vào người khác. Điều đó buộc chúng ta phải đổi mới, thoát ra khỏi cơ chế cũ. Đổi mới là một quá trình gian khổ, lâu dài và không thể không đau đớn. Tuy nhiên, trên quan điểm vĩ mô, chúng ta cũng thấy rõ rằng trong xã hội có những người khỏe mạnh, có những người bệnh tật, không có sức lao động; có người nhiều khả năng và thành đạt, cũng có không ít người kém may mắn, đặc biệt là chúng ta trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hiện còn có rất nhiều gia đình chính sách, các bệnh binh, các bà mẹ anh hùng, cho nên đoạn tuyệt với chế độ bao cấp, nhưng phải có chính sách xã hội, chế độ phúc lợi bảo đảm cho mọi người điều kiện sống và cơ hội học tập, làm việc, cống hiến cho đất nước.

